

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

NGUYỄN VĂN KHIÊM

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
NGÀNH CÔNG AN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Hà Nội - 2022

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
NGÀNH CÔNG AN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Ngành: Biến đổi khí hậu

Mã số: 9440221

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tác giả Luận án



Nguyễn Văn Khiêm

Giáo viên hướng dẫn 1



PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương

Giáo viên hướng dẫn 2



PGS. TS. Mai Văn Khiêm

Hà Nội - 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của bản thân tác giả. Các kết quả nghiên cứu và các kết luận trong Luận án này là trung thực, không sao chép dưới bất kỳ hình thức nào từ bất kỳ một nguồn nào. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được thực hiện trích dẫn đầy đủ và ghi nguồn tài liệu tham khảo theo đúng quy định.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2022

Tác giả Luận án



Nguyễn Văn Khiêm

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Văn phòng Bộ Công an đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án.

Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tác giả xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới hai người thầy hướng dẫn khoa học là PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương và PGS. TS. Mai Văn Khiêm đã tận tình giúp đỡ trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện Luận án. Hai thầy cô luôn ủng hộ, động viên và hỗ trợ những điều kiện tốt nhất để tác giả hoàn thành Luận án.

Tác giả trân trọng cảm ơn Công an tỉnh Nghệ An, Tổng cục Phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Cục Cứu hộ - Cứu nạn, Bộ Tổng tham mưu (Bộ Quốc phòng), Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Tổng cục Khí tượng Thủy văn (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cán bộ chiến sĩ của Công an địa bàn tỉnh Nghệ An đã cung cấp tài liệu, dữ liệu và giúp đỡ trong quá trình nghiên cứu, khảo sát thực địa.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Lãnh đạo Cục Quản lý Khoa học công nghệ và Môi trường, Tổng cục IV (trước đây), nay là Phòng Thường trực giúp việc các Ban Chỉ đạo, Văn phòng Bộ Công an đã động viên, tạo điều kiện thuận lợi để NCS hoàn thành Luận án.

Cuối cùng, tác giả xin gửi lời cảm ơn tới bố, mẹ và gia đình đã luôn ở bên cạnh, động viên, tạo mọi điều kiện tốt nhất để tác giả có thể hoàn thành Luận án của mình.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2022

Tác giả Luận án



Nguyễn Văn Khiêm

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	II
LỜI CẢM ƠN	III
MỤC LỤC	I
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC BẢNG	VII
DANH MỤC HÌNH	X
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của Luận án	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Câu hỏi nghiên cứu và luận điểm bảo vệ	3
5. Đóng góp mới của Luận án.....	4
6. Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện	5
6.1. Cách tiếp cận.....	5
6.2. Phương pháp thực hiện.....	6
7. Cấu trúc Luận án	7
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG	
CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN	9
1.1. Một số khái niệm chung.....	9
1.2. Tổng quan nghiên cứu về các quy trình quản lý rủi ro thiên tai trên thế giới	11
1.2.1. Khung/Quy trình tiếp cận quản lý rủi ro thiên tai	12
1.2.2. Khung quản lý thiên tai theo các bước tuần tự và lặp lại.....	15
1.2.3. Quy trình quản lý thiên tai khép kín tuần hoàn.....	18
1.3. Tổng quan nghiên cứu về hệ thống phòng chống thiên tai các nước	25
1.3.1. Nhật Bản.....	25

1.3.2. Thái Lan.....	27
1.3.3. Trung Quốc.....	30
1.4. Tổng quan về hệ thống phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Việt Nam.....	32
1.4.1. Tổ chức và cơ cấu thực hiện cấp quốc gia.....	32
1.4.2. Cơ chế phối hợp vận hành cấp quốc gia.....	34
1.4.3. Tổ chức và cơ cấu thực hiện cấp tỉnh.....	35
1.5. Vai trò của lực lượng Công an trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.....	37
1.5.1. Vị trí và vai trò của lực lượng Công an trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.....	37
1.5.2. Nhiệm vụ của lực lượng Công an trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.....	38
1.5.3. Cơ chế hoạt động.....	39
1.5.4. Vai trò của công an địa phương trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.....	41
1.5.5. Đánh giá quy trình quản lý thiên tai đang được áp dụng ở Việt Nam	43
1.6. Kết luận Chương I.....	46
CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐÓNG GÓP VÀO CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	48
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA NGÀNH CÔNG AN.....	48
2.1. Phương pháp nghiên cứu.....	48
2.2. Số liệu và tài liệu sử dụng trong Luận án.....	52
2.3. Xây dựng phương pháp đánh giá hiện trạng và đóng góp vào công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an.....	55
2.3.1. Quy trình quản lý thiên tai 04 bước khép kín.....	55
2.3.2. Cơ sở lý luận trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.....	56

2.3.3. Cơ sở thực tiễn trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an	60
2.3.4. Nội dung đánh giá hiện trạng và đóng góp trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an theo quy trình khép kín 04 bước	64
2.4. Thiên tai ở Việt Nam và xu thế trong điều kiện biến đổi khí hậu.....	69
2.4.1. Bão.....	70
2.4.2. Lũ và ngập lụt.....	73
2.4.3. Lũ quét.....	74
2.4.4. Thách thức của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong bối cảnh biến đổi khí hậu.....	76
2.5. Kết luận Chương II	79
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	81
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN NGÀNH CÔNG AN TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	81
3.1. Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tiếp cận từ trên xuống	81
3.1.1. Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu.....	81
3.1.2. Giai đoạn chuẩn bị.....	98
3.1.3. Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai	109
3.1.4. Giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển	115
3.2. Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tiếp cận từ dưới lên	119
3.2.1. Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu.....	119
3.2.2. Giai đoạn chuẩn bị.....	125
3.2.3. Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai	129

3.2.4. Giai đoạn phục hồi và tái thiết	132
3.3. Tồn tại và thách thức của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu	134
3.3.1. Theo đánh giá từ cấp Bộ (tiếp cận từ trên xuống)	134
3.3.2. Theo đánh giá từ cấp tỉnh (tiếp cận từ dưới lên)	135
3.3.3. Định hướng giải pháp tăng cường năng lực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu.....	136
3.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong bối cảnh biến đổi khí hậu.....	137
3.4.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức	137
3.4.2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động.....	139
3.4.3. Hoàn thiện chế độ chính sách.....	141
3.4.4. Tăng cường nguồn lực	142
3.4.5. Tuyên truyền, giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ.....	144
3.5. Kết luận Chương III	145
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	147
1. Kết luận	147
2. Kiến nghị.....	148
TÀI LIỆU THAM KHẢO	150
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ.....	154
PHỤ LỤC: PHIẾU KHẢO SÁT ĐIỀU TRA	155

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AADMER	Hiệp định ASEAN về Quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp
ANTT	An ninh trật tự
ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
BCA	Bộ Công an
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BCĐ TW về PCTT	Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai
BCĐ	Ban chỉ đạo
BCH	Ban chỉ huy
BCH PCTT	Ban chỉ huy phòng chống thiên tai
CA	Công an
CAND	Công an Nhân dân
CNCH	Cứu nạn cứu hộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CSGT	Cảnh sát giao thông
CS PCCC	Cảnh sát phòng cháy chữa cháy
GNTT	Giảm nhẹ thiên tai
KHCN	Khoa học và Công nghệ
KTTV	Khí tượng thủy văn
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NNPTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCTT	Phòng chống thiên tai

PTBV	Phát triển bền vững
PTDS	Phòng thủ dân sự
QLHC	Quản lý hành chính
QG, QLTT	Quốc gia, Quản lý thiên tai
SASOP	Sô tay SASOP “Sô tay thủ tục tác nghiệp chuẩn về bố trí dự phòng và điều phối hoạt động ứng phó khẩn cấp và cứu trợ thiên tai cấp khu vực ASEAN”
TNMT	Tài nguyên và môi trường
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
TNTT	Tai nạn thương tích
UBQGƯPBĐKH	Ủy ban quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu
ƯPBĐKH	Ứng phó với biến đổi khí hậu
UPT	Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 2.1. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu)	66
Bảng 2.2. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn chuẩn bị).....	67
Bảng 2.3. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai)	68
Bảng 2.4. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển)	68
Bảng 3.1. Đánh giá sơ bộ về cơ cấu tổ chức trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu.....	85
Bảng 3.2. Đánh giá sơ bộ về xây dựng và lập kế hoạch trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu.....	88
Bảng 3.3. Khả năng huy động lực lượng ứng phó với thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ [2]	89
Bảng 3.4. Phương tiện, trang thiết bị phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành công an	93
Bảng 3.5. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu.....	94
Bảng 3.6. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến trình độ và kỹ năng trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu	97
Bảng 3.7. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị.....	102
Bảng 3.8. Các nội dung cần lên kế hoạch và điều chỉnh ứng với các cấp độ rủi ro liên quan đến các loại hình thiên tai.....	104

Bảng 3.9. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến xây dựng và lập kế hoạch trong giai đoạn chuẩn bị	105
Bảng 3.10. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến chuẩn bị nguồn lực trong giai đoạn chuẩn bị	108
Bảng 3.11. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến chuẩn trình độ và kỹ năng trong giai đoạn chuẩn bị	109
Bảng 3.12. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức trong giai đoạn ứng phó trong và sau thiên tai	112
Bảng 3.13. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn trong và sau thiên tai	114
Bảng 3.14. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn phục hồi và tái thiết	115
Bảng 3.15. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển.....	116
Bảng 3.16. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến xây dựng và lập kế hoạch trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển.....	117
Bảng 3.17. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển.....	118
Bảng 3.18. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến trình độ và kỹ năng trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển	118
Bảng 3.19. Thống kê số lượng cán bộ chiến sĩ tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	121
Bảng 3.20. Đánh giá đóng góp và hiệu quả của Công an Nghệ An trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu	123
Bảng 3.21. Đánh giá đóng góp và hiệu quả hoạt động Công an Nghệ An trong giai đoạn chuẩn bị	128

Bảng 3.22. Đánh giá đóng góp và hiệu quả hoạt động của Công an Nghệ An trong giai đoạn ứng phó trong và sau thiên tai.....	131
Bảng 3.23. Đánh giá đóng góp và hiệu quả hoạt động của Công an Nghệ An trong giai đoạn phục hồi và tái thiết.....	133
Bảng 3.24. Phân tích tồn tại và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an.....	136

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1.1. Các kết quả dự kiến, mục tiêu chiến lược và ưu tiên cho hành động từ 2005 đến 2015.....	13
Hình 1.2. Khung quản lý rủi ro thiên tai theo FAO	16
Hình 1.3. Quy trình quản lý thiên tai cơ bản của ADB	20
Hình 1.4. Cách tiếp cận tổng hợp trong quản lý thiên tai của chính quyền Queensland.....	21
Hình 1.5. Quy trình quản lý thiên tai khép kín 04 bước	23
Hình 1.6. Tổng quan mô hình tổ chức quản lý thiên tai Thái Lan.....	28
Hình 1.7. Mô hình cơ cấu, tổ chức bộ máy công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở nước ta hiện nay	33
Hình 1.8. Cơ cấu tổ chức ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Bộ Công an	37
Hình 1.9. Sơ đồ nghiên cứu của Luận án.....	47
Hình 2.1. Quy trình quản lý thiên tai khép kín cho Việt Nam.....	56
Hình 2.2. Dự tính số lượng bão và áp thấp nhiệt đới thời kỳ cuối thế kỷ so với thời kỳ cơ sở (theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5).....	72
Hình 2.3. Biến đổi của bão và áp thấp nhiệt đới vào cuối thế kỷ so với thời kỳ cơ sở (theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5).....	72
Hình 3.1. Sơ đồ mô tả tổ chức bộ máy hoạt động công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an từ cấp Bộ đến cấp xã.....	82
Hình 3.2. Cán bộ chiến sĩ thực hiện công tác cứu hộ cứu nạn tại Miền Trung (tháng 10/2020)	111
Hình 3.3. Đánh giá của cán bộ chiến sĩ về mức độ và nhu cầu trong giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu	122

Hình 3.4. Nhận thức về biến đổi khí hậu của cán bộ chiến sĩ làm công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở Nghệ An	123
Hình 3.5. Tổng hợp phản hồi của các CBCS về nguồn lực và trình độ kỹ năng của CBCS tham gia hoạt động UPT trong giai đoạn chuẩn bị	127
Hình 3.6. Công an huyện Quỳnh Châu lập các điểm báo để cảnh báo người dân	129
Hình 3.7. Lực lượng Công an Nghệ An giúp đỡ người dân di dời hàng hóa trong đợt mưa lớn kéo dài T10/2020	129
Hình 3.8. Thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn trong và ngay sau thiên tai	130
Hình 3.9. Thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn phục hồi và tái thiết	132
Hình 3.10. Nhận định về tầm quan trọng của các giải pháp trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	133

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Luận án

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21, đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu về năng lượng, tài nguyên nước, lương thực, các hệ thống kinh tế - xã hội... BĐKH với các biểu hiện chính là sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng, chủ yếu do các hoạt động kinh tế - xã hội của con người phát thải quá mức vào khí quyển gây hiệu ứng nhà kính.

Việt Nam là một trong ít quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu. Đến cuối thế kỷ 21, nếu mực nước biển dâng 1m, Việt Nam sẽ có khoảng 39% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích đồng bằng sông Hồng, 10% dân số cả nước bị ảnh hưởng trực tiếp và tổn thất khoảng 10% GDP [7]. Ước tính 70% dân số sẽ phải đối mặt với những thiên tai gia tăng do tác động từ biến đổi khí hậu [7].

Thêm vào đó, với vị trí địa lý và điều kiện địa hình phức tạp, ở nước ta, trong những năm qua, thiên tai đã xảy ra ở khắp các khu vực trên cả nước, gây ra nhiều tổn thất to lớn về người, tài sản, các cơ sở hạ tầng về kinh tế, văn hoá, xã hội, tác động xấu đến môi trường. Đặc biệt, trong điều kiện BĐKH, thiên tai ở Việt Nam ngày càng gia tăng về số lượng, cường độ và mức độ ảnh hưởng, gây tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

Trong nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng ghi nhận trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Việt Nam đã tích cực hợp tác có hiệu quả với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã tham gia ký kết và tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto và Công ước khung của

Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu, Khung hành động Hyogo về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, Hiệp định ASEAN về quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp. Công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai (GNTT) luôn được coi là một nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển, yêu cầu tất cả các ngành, lĩnh vực tham gia.

Ngành Công an là một trong những bộ/ngành đóng góp quan trọng trong những nỗ lực của Việt Nam trong công tác phòng, chống và GNTT. Theo Khoản 3, Điều 6 về nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai của Luật Phòng, chống thiên tai, Công an nhân dân được quy định là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền. Ngoài ra, ngành Công an còn có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong phòng, chống thiên tai (PCTT). Trong những năm qua ngành Công an đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và đã được những thành tựu lớn. Tuy vậy ngành Công an, đặc biệt là Công an ở đơn vị, địa phương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại, phương án PCTT, tìm kiếm cứu nạn ở một số nơi vẫn chưa sát thực tế, công tác chuẩn bị theo phương châm “4 tại chỗ” chưa thực sự được quan tâm đúng mức, thiếu nhiều phương tiện, thiết bị phục vụ PCTT nên hiệu quả ứng phó, xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai chưa cao. Tìm kiếm, cứu người trong các sự cố liên quan đến thiên tai vẫn chưa hoàn chỉnh, thiếu tính thống nhất, chưa mang tính chuyên nghiệp cao và phương tiện chuyên dùng, đặc chủng chưa đủ mạnh để chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai xảy ra. Với nhiều khó khăn, thách thức đã và đang đặt ra cho ngành Công an các nhiệm vụ mới trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Để đáp ứng tốt yêu cầu thực tế của lực lượng Công an nhân dân (CAND) và phát huy được vai trò đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu (UPBĐKH), PCTT và tìm kiếm cứu nạn (TKCN) cũng như khắc phục hậu quả thiên tai,

công tác đánh giá các hoạt động này của ngành công an cần được thực hiện bài bản và đảm bảo tính khoa học. Do vậy, Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất các nội dung phục vụ công tác đánh giá các hoạt động PCTT và TKCN, từ đó đề xuất giải pháp tăng cường năng lực thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN của Bộ Công an trong bối cảnh BĐKH.

2. Mục tiêu nghiên cứu

1. Đánh giá được hiện trạng và đóng góp của lực lượng Công an nhân dân trong phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và những tồn tại, thách thức trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

2. Đề xuất được giải pháp nhằm tăng cường năng lực của lực lượng Công an nhân dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đóng góp vào công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn quốc gia.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác PCTT và TKCN của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong điều kiện biến đổi khí hậu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung phân tích và đánh giá hiện trạng và hiệu quả trong thực hiện công tác PCTT và TKCN của ngành Công an vào nỗ lực chung của cả nước.

4. Câu hỏi nghiên cứu và luận điểm bảo vệ

Câu hỏi nghiên cứu:

Từ các nhiệm vụ cụ thể và các bước thực hiện như trên, có 03 câu hỏi nghiên cứu chính mà Luận án tiến hành làm sáng tỏ, bao gồm:

1) Quy trình nào là phù hợp để đánh giá hiện trạng và đóng góp của ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN?

2) Thiên tai và các cực đoan khí hậu gia tăng do BĐKH sẽ khiến cho công tác PCTT và TKCN của ngành Công an gặp phải những tồn tại và hạn chế nào cần được khắc phục?

3) Phải có những giải pháp phù hợp nào nhằm tăng cường hiệu quả trong PCTT và TKCN của ngành Công an trong điều kiện BĐKH?

Luận điểm bảo vệ:

1) Hiện trạng và hiệu quả đóng góp của ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN có thể được đánh giá thông qua quy trình quản lý thiên tai theo hướng tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên.

2) Trong điều kiện BĐKH, công tác PCTT và TKCN của ngành Công an gặp phải những tồn tại và hạn chế cần khắc phục.

3) Các giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách; tổ chức bộ máy; tăng cường nguồn lực có thể nâng cao hiệu quả công tác PCTT và TKCN của ngành Công an trong bối cảnh của BĐKH.

5. Đóng góp mới của Luận án

1) Trên cơ sở tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên, Luận án đã xác định được quy trình QLTT và các nội dung cần thiết để phục vụ đánh giá hiện trạng, đóng góp và xác định thách thức của ngành Công an trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH.

(1) Luận án đã đánh giá được các tồn tại cần được giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác PCTT và TKCN của ngành Công an trong điều kiện BĐKH.

(3) Luận án đã đề xuất được một số giải pháp tăng cường năng lực và đóng góp của ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN trong bối cảnh BĐKH, bao gồm: (1) Đề xuất tổ chức bộ máy hoạt động; (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách; (3) Tăng cường nguồn lực; (4) Tuyên truyền, giáo dục, tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ. Các giải pháp này có thể áp dụng đối với

Công an các cấp (từ cấp Bộ, đến cấp địa phương, cơ sở) để nâng cao vai trò của ngành Công an trong PCTT và TKCN sẽ góp phần to lớn vào nỗ lực chung của Quốc gia về PCTT và TKCN.

6. Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện

6.1. Cách tiếp cận

Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu ở trên và đạt được các mục tiêu đặt ra, Luận án tập trung phân tích và xác định các nội dung nhằm đánh giá hiện trạng và đóng góp của ngành Công an trong quản lý và thực hiện công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN (sau đây viết tắt chung là UPT). Các phân tích đi sâu vào các quy trình, hệ thống đã được áp dụng rộng rãi và hiệu quả trên thế giới và Việt Nam trong quản lý thiên tai. Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận kết hợp giữa từ trên xuống (top-down) và từ dưới lên (bottom-up) để phân tích và đánh giá hiện trạng thực hiện UPT của ngành Công an. Đánh giá từ trên xuống tập trung phân tích trách nhiệm và nhiệm vụ được giao của ngành Công an trong công tác UPT; tìm hiểu bộ máy tổ chức; nghiên cứu các văn bản chiến lược, chỉ thị, chương trình, kế hoạch hành động của tất cả các cấp tham gia công tác UPT trong ngành Công an. Với hướng tiếp cận từ trên xuống, Luận án phân tích dẫn chứng khoa học về diễn biến của các yếu tố khí hậu, các hiện tượng cực đoan và thiên tai, các tác động tiềm tàng của BĐKH trong tương lai theo các kịch bản nhằm làm nổi bật những thách thức và khó khăn mà công tác PCTT và TKCN phải đối mặt trong thời gian tới. Hiện trạng, thành quả, khó khăn và hạn chế trong công tác UPT của ngành Công an cũng được tập trung phân tích từ các tài liệu sẵn có như: Báo cáo tổng kết công tác UPT hàng năm của ngành Công an, các báo cáo, đề án, dự án và chương trình, kế hoạch của ngành.

Trong khi đó, với hướng tiếp cận từ dưới lên tập trung vào phân tích hiện trạng công tác thực hiện UPT thông qua các ý kiến phản hồi từ những

cán bộ Công an trực tiếp tham gia thực hiện các nhiệm vụ PCTT trong điều kiện BĐKH. Để có thể thu thập được các phản hồi của các CBCS, Luận án đã xây dựng 02 mẫu phiếu khảo sát điều tra để khảo sát (tập trung cho cán bộ chiến sĩ, cán bộ quản lý ở cấp Trung ương và địa phương; kết hợp khảo sát cán bộ làm công tác tham mưu chỉ đạo công tác UPT từ Bộ Công an) (chi tiết các thông tin mẫu phiếu I và mẫu phiếu II tại Phụ lục của Luận án). Luận án lựa chọn tỉnh Nghệ An là địa bàn thí điểm thu thập thông tin để đánh giá theo hướng này. Tỉnh Nghệ An là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, chịu nhiều ảnh hưởng của các thiên tai như bão, lũ và lũ quét. Mặc dù thiên tai diễn biến phức tạp nhưng công tác phòng, chống thiên tai đã được tỉnh Nghệ An thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ, chuẩn bị tốt cả 3 khâu phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả. Chính vì vậy, trong khuôn khổ Luận án, đã lựa chọn tỉnh Nghệ An để thu thập thông tin phục vụ đánh giá. Với cách tiếp cận theo hướng từ dưới lên, Luận án áp dụng một số phương pháp nghiên cứu xã hội, bao gồm: Phương pháp quan sát thực tế có sự tham gia, phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu để có thể thu thập được các thông tin hữu ích phản ánh đúng hiện trạng, các khó khăn và thách thức cũng như gợi mở những giải pháp phù hợp.

Kết hợp hai hướng tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên để thấy rõ những hiện trạng, yêu cầu và thách thức cũng như những lợi thế cần phát huy của ngành Công an góp phần cùng các bộ, ban ngành khác thực hiện công tác UPT có hiệu quả. Các giải pháp và kiến nghị (được trình bày trong Luận án), vì thế cũng được nghiên cứu và đề xuất theo phương pháp tiếp cận này.

6.2. Phương pháp thực hiện

6.2.1. Thu thập và phân tích tài liệu: Phương pháp nghiên cứu tài liệu được Luận án sử dụng nhằm xem xét, đánh giá dữ liệu, tài liệu sẵn có (tài liệu thứ cấp) do các cá nhân, tổ chức nghiên cứu công bố dưới dạng tạp chí, sách

chuyên khảo, báo cáo chuyên ngành để phân tích đánh giá các quy trình quản lý hiểm họa, PCTT, TKCN, ... trên cơ sở đó lựa chọn quy trình phù hợp cho Việt Nam.

6.2.2. *Phương pháp thống kê*: Phương pháp thống kê được sử dụng để phân tích dữ liệu thu thập trong quá trình điều tra, khảo sát để đưa ra các nhận định phù hợp.

6.2.3. *Quan sát thực tế có sự tham gia*: Phương pháp này sử dụng nhằm thu thập thông tin. Phương pháp quan sát tham dự giúp nghiên cứu sinh hiểu rõ hơn về kỹ thuật, hành vi và thái độ ứng xử của các đối tượng nghiên cứu và các tình huống mà trong các tài liệu thứ cấp không thể hiện được.

6.2.4. *Phỏng vấn bằng bảng hỏi*: Luận án áp dụng phương pháp nghiên cứu sử dụng bảng hỏi để phỏng vấn và hỏi ý kiến của các cán bộ trong ngành Công an nhằm thu thập thông tin trực tiếp những cán bộ Công an thực hiện công tác PCTT và TKCN. Các nội dung phản ánh trong các mẫu phiếu điều tra này sau đó được mã hóa, tổng hợp, xử lý và đánh giá ý nghĩa thống kê của các số liệu thu thập được thông qua phần mềm Excel.

6.2.5. *Phỏng vấn sâu*: Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng trong Luận án nhằm hiểu sâu, hiểu kỹ về bản chất của các nguyên nhân dẫn đến những bất cập và thiếu sót trong công tác PCTT và TKCN của ngành Công an trong điều kiện BDKH.

Chi tiết cách thức áp dụng các phương pháp thực hiện việc thu thập thông tin và phân tích sẽ được trình bày chi tiết trong mục 2.2.

7. Cấu trúc Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Kiến nghị và Phụ lục, Luận án được trình bày theo 3 Chương:

Chương 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

Luận án tiến hành tổng quan các quy trình quản lý thiên tai trên thế giới để xác định quy trình phù hợp với công tác PCTT và TKCN ở Việt Nam. Phân tích đánh giá hệ thống phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của một số quốc gia và ở Việt Nam cũng như phân tích vai trò của lực lượng Công an nhân dân trong PCTT và TKCN, trên cơ sở đó lựa chọn các nội dung cần nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTT và TKCN của ngành Công an.

Chương 2: PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PCTT VÀ TKCN NGÀNH CÔNG AN.

Chương 2 đề xuất áp dụng quy trình khép kín 04 bước với các nội dung cụ thể nhằm đánh giá hiện trạng và hiệu quả đóng góp của ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN.

Chương 3: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PCTT VÀ TKCN CỦA NGÀNH CÔNG AN TRONG BỐI CẢNH BĐKH

Dựa trên phương pháp được xác định trong Chương 2, Luận án tiến hành đánh giá hiện trạng công tác UPT của ngành Công an, theo cách tiếp cận từ trên xuống (đánh giá ở cấp Bộ) và từ dưới lên (đánh giá ở cấp tỉnh - điển hình là tỉnh Nghệ An). Từ đó, xác định các vấn đề tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới. Trên cơ sở các vấn đề tồn tại được chỉ ra, Luận án đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả thực hiện công tác UPT cho ngành Công an.

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

1.1. Một số khái niệm chung

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác [8].

Phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai [9].

Quản lý rủi ro thiên tai (QLRRTT) được định nghĩa là các quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá chiến lược, chính sách và các biện pháp để nâng cao sự hiểu biết về rủi ro thiên tai, thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) và chuyển giao, thực hiện cải tiến liên tục trong phòng chống, ứng phó và phục hồi sau thiên tai, với mục đích rõ ràng để tăng cường an ninh cho con người, hạnh phúc, chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững [23].

Giảm nhẹ rủi ro thiên tai vừa là một mục tiêu hoặc mục đích chính sách, vừa là các biện pháp chiến lược và công cụ được sử dụng để dự tính rủi ro thiên tai trong tương lai, giảm hiểm họa, giảm mức độ phơi bày trước hiểm họa, hoặc mức độ bị tổn thương, và nâng cao khả năng chống chịu. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai bao gồm việc giảm bớt sự tổn thương của người dân, sinh kế, và các tài sản, và đảm bảo quản lý bền vững thích hợp của đất, nước, và các thành phần khác của môi trường [23].

Quản lý thiên tai được hiểu là quá trình xã hội trong xây dựng, thực hiện và đánh giá chiến lược, chính sách và biện pháp thúc đẩy và nâng cao phòng tránh thiên tai, ứng phó và phục hồi hoạt động ở các cấp tổ chức và xã hội khác nhau. Quá trình này bao gồm việc triển khai hệ thống cảnh báo sớm, kế hoạch dự phòng, ứng phó khẩn cấp, và phục hồi. Quản lý thiên tai giải quyết các rủi ro thiên tai mà quá trình giảm thiểu rủi ro thiên tai đã không loại bỏ được, hoặc ngăn chặn hoàn toàn [7].

Quy trình quản lý thiên tai mô tả các trình tự và các thành phần được gọi là quản lý thiên tai. Ngoài việc xem xét công tác chuẩn bị sẵn sàng, ứng phó khẩn cấp, phục hồi và tái thiết, quy trình cũng bao gồm phòng tránh thiên tai và giảm nhẹ giống như các thành phần của "quản lý thảm họa" và sử dụng các khái niệm thời gian trước, trong và sau thiên tai để phân loại các hành động khác nhau [23]. Nhiều nơi trên thế giới hiện nay đang ưa chuộng một cách tiếp cận và khái niệm toàn diện hơn về QLRRTT với các thành phần giảm thiểu rủi ro và can thiệp thiên tai riêng biệt. Điều này dẫn đến sự phát triển của khái niệm về một "tính liên tục của rủi ro thiên tai", trong đó rủi ro được xem là phát triển và thay đổi liên tục, đòi hỏi phương thức can thiệp khác nhau theo thời gian, từ giảm nhẹ rủi ro trước khi bị tác động thông qua việc ứng phó với các điều kiện rủi ro mới sau tác động thiên tai và sự cần thiết phải kiểm soát các yếu tố nguy cơ mới trong việc tái thiết. Sự liên tục của rủi ro thiên tai đòi hỏi phải xem xét cách thức mà các thành phần khác nhau và các hoạt động được liên kết và có thể hỗ trợ và ảnh hưởng lẫn nhau, kết hợp với các cân nhắc GNRRTT. Các hình thức và phương pháp ứng phó với thiên tai có thể ảnh hưởng đến rủi ro thiên tai trong tương lai và do đó trong tương lai cần phòng ngừa và ứng phó, tức là nỗ lực GNRRTT [23].

Tìm kiếm cứu nạn là việc tìm kiếm và cung cấp sự trợ giúp cho những người bị tai nạn hoặc nguy hiểm sắp xảy ra. Lĩnh vực tìm kiếm và cứu nạn nói

chung bao gồm nhiều tiểu lĩnh vực khác nhau, thường được xác định bởi các loại địa hình nơi công tìm kiếm thực hiện. Các tiểu lĩnh vực bao gồm cứu nạn trên núi; tìm kiếm cứu nạn trên mặt đất; tìm kiếm và cứu hộ đô thị ở các thành phố, tìm kiếm cứu nạn trên chiến trường, tìm kiếm cứu nạn trên không và trên biển [20].

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi thời tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn Địa Cầu. Trong những năm gần đây, đặc biệt trong ngữ cảnh chính sách môi trường, biến đổi khí hậu thường đề cập tới sự thay đổi khí hậu hiện nay, được gọi chung bằng hiện tượng nóng lên toàn cầu.

1.2. Tổng quan nghiên cứu về các quy trình quản lý rủi ro thiên tai trên thế giới

Tài liệu về quản lý thiên tai, các quy trình và mô hình được áp dụng trên thế giới và vô cùng phong phú và đa dạng, tuy nhiên, hiện nay có 03 loại mô hình/khung quy trình trong quản lý thiên tai chính và được áp dụng phổ biến tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm: (1) Khung/Quy trình tiếp cận trong quản lý rủi ro thiên tai; (2) Khung thực hiện theo các bước tuần tự và lặp lại; (3) Quy trình quản lý thiên tai khép kín.

Luận án tập trung phân tích Khung/Quy trình tiếp cận trong quản lý rủi ro thiên tai thông qua Khung hành động Hyogo và Khung hành động Sendai. Khung thực hiện theo các bước tuần tự và lặp lại tiêu biểu là khung quản lý thiên tai của FAO. Khung quản lý thiên tai khép kín bao gồm các quy trình /khung quản lý được xây dựng và áp dụng bởi Ngân hàng phát triển Châu Á

(ADB), Quy trình quản lý thiên tai Chính quyền bang Queensland - Australia, Quy trình của Cơ quan quản lý các trường hợp khẩn cấp Hoa Kỳ, v.v...

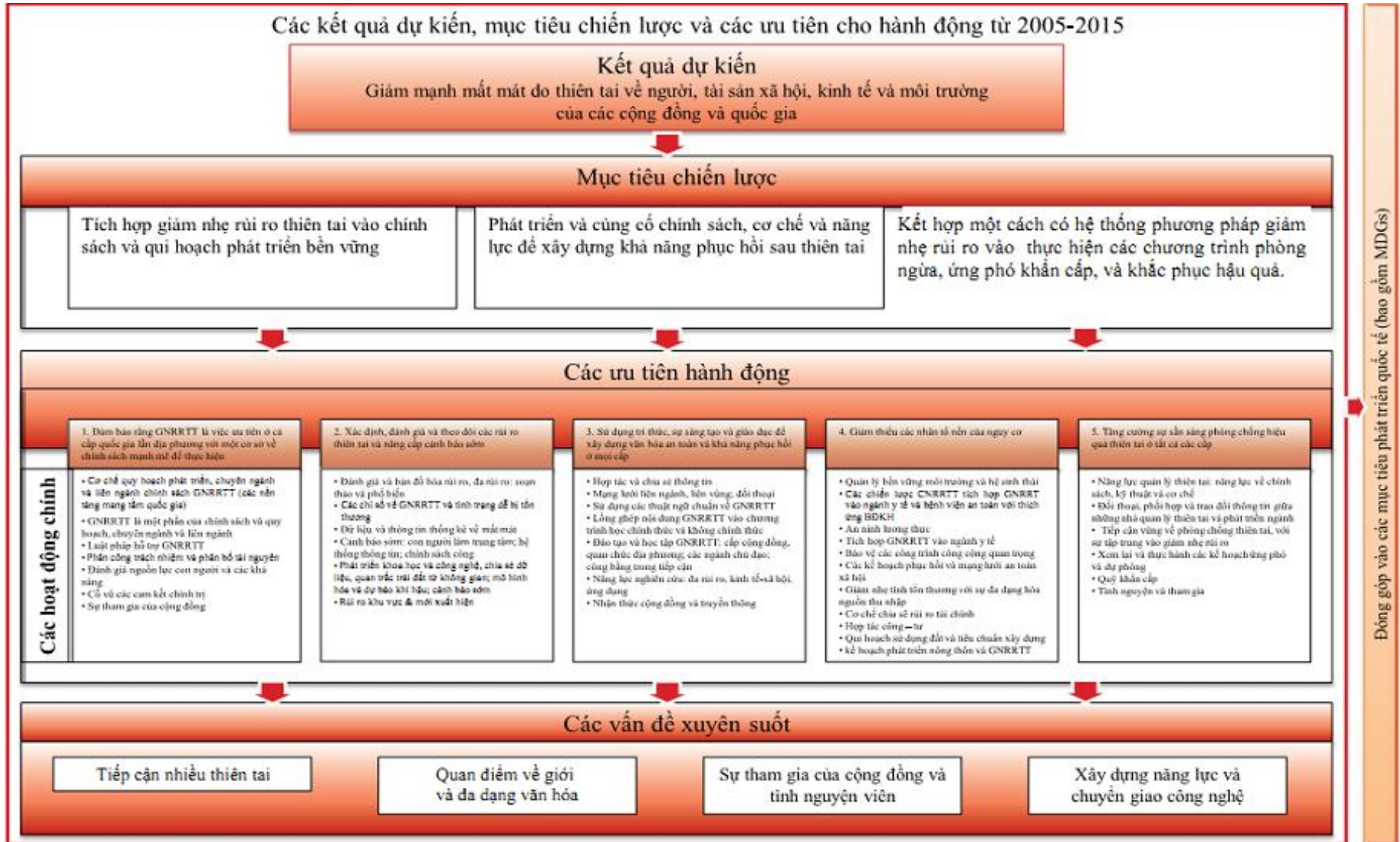
1.2.1. Khung/Quy trình tiếp cận quản lý rủi ro thiên tai

Khung hành động Hyogo đã đề ra Kế hoạch 10 năm (2005-2015) nhằm giảm nhẹ thiệt hại và đưa hoạt động giảm nhẹ rủi ro thành một phần quan trọng trong chính sách và chương trình phát triển của các chính phủ thành viên, các tổ chức khu vực, quốc tế và các tổ chức phi chính phủ.

Khung hành động Hyogo tiếp cận thực hiện giảm nhẹ rủi ro thiên tai theo hướng từ trên xuống, hướng đến mục tiêu giảm mạnh mất mát do thiên tai về người, tài sản xã hội, kinh tế và môi trường của các cộng đồng và quốc gia. Khung hành động đặt ra 03 mục tiêu chiến lược; để thực hiện mục tiêu chiến lược này 05 hành động ưu tiên được đề xuất và tập trung vào 04 vấn đề xuyên suốt (Hình 1.1):

* *Những mục tiêu chiến lược:* (1) Lồng ghép GNRRTT vào trong các chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển bền vững; (2) Phát triển và củng cố tổ chức, cơ chế điều hành và nâng cao năng lực nhằm xây dựng khả năng phục hồi với thiên tai; (3) Kết hợp một cách có hệ thống phương pháp giảm nhẹ rủi ro vào thực hiện các chương trình phòng ngừa, ứng phó khẩn cấp, và khắc phục hậu quả.

* *Hành động ưu tiên:* (1) Đảm bảo GNRRTT là ưu tiên ở cả cấp địa phương và cấp quốc gia, được thực hiện dựa trên cơ sở thể chế đủ mạnh; (2) Xác định, đánh giá và giám sát rủi ro thiên tai và cảnh báo sớm; (3) Sử dụng kiến thức, sáng kiến và giáo dục để xây dựng một nền văn hoá về an toàn và có khả năng phục hồi ở mọi cấp; (4) Giảm nhẹ các rủi ro cơ bản; (5) Tăng cường công tác phòng ngừa để ứng phó hiệu quả ở mọi cấp.



Hình 1.1. Các kết quả dự kiến, mục tiêu chiến lược và ưu tiên cho hành động từ 2005 đến 2015

Nguồn: Huỳnh Thị Lan Hương, 2020 [8]

* *Những vấn đề liên quan:* (1) Tiếp cận đa hiểm họa; (2) Quan điểm về giới và đa dạng văn hóa; (3) Sự tham gia của cộng đồng và tình nguyện viên; (4) Xây dựng năng lực và chuyển giao công nghệ.

Khung hành động Hyogo nhận định trong giảm nhẹ rủi ro và các tác động tiêu cực của thiên tai không chỉ là vấn đề về quản lý thiên tai mà còn về quản lý tài nguyên môi trường và phát triển rộng lớn hơn.

Sau giai đoạn 2005-2015, Khung hành động Hyogo được đánh giá, phân tích và cải tiến ở cấp toàn cầu và đổi thành Khung hành động Sendai. Một trong những điểm mấu chốt mà Khung hành động Sendai hướng tới là sự thay đổi về cách tiếp cận, từ việc tập trung vào quản lý thiên tai (trong khung hành động Hyogo) sang tập trung vào các nguyên nhân chính của rủi ro thiên tai. Một trong những nguyên tắc quan trọng của việc áp dụng Khung Sendai là “việc dự đoán, lập kế hoạch và giảm thiểu rủi ro thiên tai là cấp bách và quan trọng để bảo vệ con người, cộng đồng và quốc gia hiệu quả hơn” [32]. Tuy nhiên, khung hành động Hyogo (2005-2015) và Sendai (2015-2030) cũng có những hạn chế nhất định. Quy trình này do LHQ và các nhà tài trợ điều hành và quản lý, do đó, các vấn đề cấp vùng và quốc gia chưa thực sự được chú trọng và đạt được sự quan tâm thích đáng, trong khi đó cộng đồng, tính đặc thù khu vực và vùng lại là một trong những vấn đề mấu chốt trong quản lý, phòng chống và giảm nhẹ các tác động tiêu cực của thiên tai [28]. Thực tế đã cho thấy, khả năng chống chịu thiên tai ở tất cả các cấp và các biện pháp thực hiện phù hợp chưa thực sự đạt được kết quả như kỳ vọng. Trong suốt 10 năm thực hiện khung hành động Hyogo (2005-2015), thiên tai trên thế giới vẫn tiếp tục gây ra những thiệt hại nặng nề, hậu quả là tình trạng sức khỏe và tính an toàn của con người, cộng đồng và quốc gia đều bị ảnh hưởng. Thiên tai, dưới tác động của BĐKH, đang gia tăng về tần suất, cường độ và cản trở đáng kể tiến trình hướng đến phát triển bền vững [8].

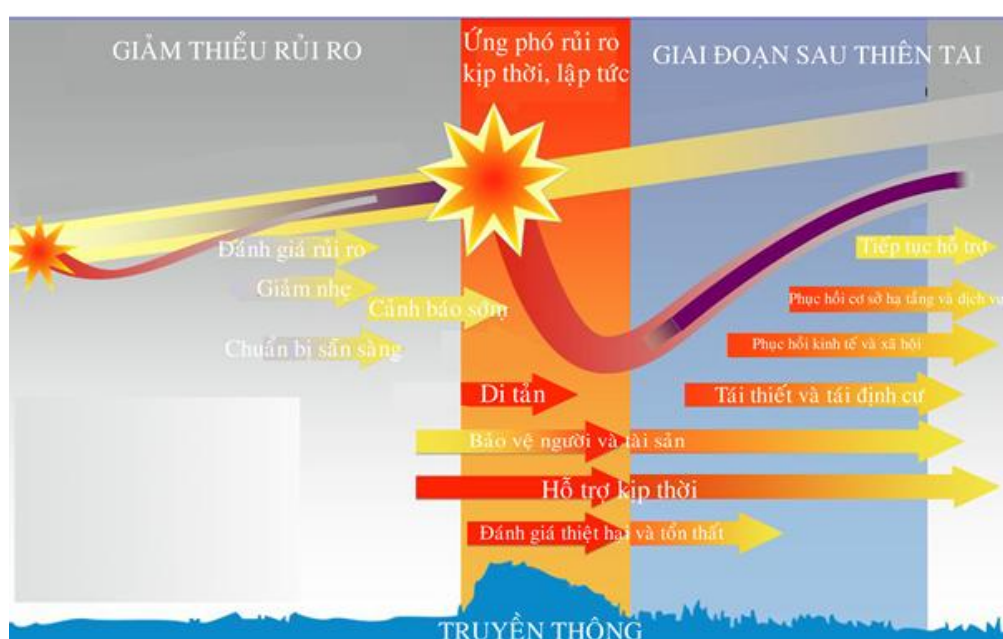
Các mục tiêu cụ thể được đặt ra theo khung hành động Hyogo và Sendai mang tính chiến lược và đảm bảo về cách tiếp cận các vấn đề trong thực hiện PCTT và giảm nhẹ rủi ro. Để thực hiện được các mục tiêu này đòi hỏi phải có những cam kết chính trị mạnh mẽ và sự tham gia của các cấp chính quyền ở từng quốc gia. Trong khi đó tại cấp quốc gia (cụ thể tại Việt Nam), để thực hiện các mục tiêu này vẫn chủ yếu dựa vào các đề án, dự án quy hoạch phát triển. Các mục tiêu chiến lược, các hành động chính và các vấn đề ưu tiên mới chỉ tập trung vào các định hướng, chiến lược và các kế hoạch hơn là vào cấu trúc và cách thức thực hiện các hành động cụ thể về PCTT và TKCN tại các cấp, đặc biệt là tại cấp địa phương. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp các kế hoạch có thể không được điều chỉnh cụ thể để đáp ứng với các hoàn cảnh cụ thể, đặc biệt trong những tình huống khẩn cấp tại các cấp địa phương. Ví dụ như việc xây dựng các kế hoạch sơ tán dân cư, các trung tâm vận hành trong điều kiện khẩn cấp,... Các kế hoạch này trong điều kiện xảy ra thiên tai thường chỉ hoạt động theo các kế hoạch đã được lập và phê duyệt sẵn, điều này không những gây khó khăn mà còn có thể tạo ra các tác động tiêu cực thứ cấp trong quá trình triển khai các giải pháp ứng phó. Thêm vào đó, các kế hoạch này lại thường được xây dựng bởi những nhà hoạch định chính sách không sinh sống và am hiểu những cộng đồng có khả năng bị tác động, đặc biệt là các yếu tố về mặt xã hội, do vậy các lợi ích và mục tiêu cần đạt được của kế hoạch không thực sự là những yêu cầu và mong muốn của những người trực tiếp chịu tác động của thiên tai.

1.2.2. Khung quản lý thiên tai theo các bước tuần tự và lặp lại

Để thực hiện cụ thể các bước trong triển khai công tác phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, có nhiều mô hình được sử dụng để liên kết các thành phần và hành động khác nhau. Phổ biến nhất là mô hình mô tả các hành động tuần tự và lặp lại để kiểm soát các tác động tiêu cực của thiên tai. Luận án tiến

hành phân tích khung tiêu biểu của loại hình này là khung được áp dụng bởi tổ chức Lương thực thế giới FAO (Hình 1.2).

Khung quản lý rủi ro thiên tai, xem xét khái niệm, quản lý rủi ro thiên tai là một quá trình liên tục của các hành động liên quan, được bắt đầu trước, trong hoặc sau các tình huống thiên tai. Khung này được sử dụng ở các quốc gia và vùng lãnh thổ phải đối mặt thường xuyên với các mối nguy hiểm tự nhiên. Các hoạt động của quản lý rủi ro thiên tai nhằm tăng cường năng lực và khả năng phục hồi của các hộ gia đình và các cộng đồng để bảo vệ cuộc sống và sinh kế của họ, thông qua các biện pháp để tránh (phòng ngừa) hoặc giới hạn (giảm thiểu) tác động bất lợi của rủi ro thiên tai.



Hình 1.2. Khung quản lý rủi ro thiên tai theo FAO

Theo FAO, quản lý rủi ro thiên tai là một chuỗi các hành động liên tục trước, trong và sau khi xảy ra thiên tai nhằm tăng cường năng lực và khả năng phục hồi của các hộ gia đình và cộng đồng để bảo vệ cuộc sống và sinh kế của họ, thông qua các biện pháp để phòng ngừa hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi hiểm họa và dự báo chính xác các hiểm họa xảy ra. Các thành phần trong Khung quản lý rủi ro thiên tai bao gồm:

*** Giảm thiểu rủi ro**

- Đánh giá rủi ro - Quá trình đánh giá rủi ro mà cộng đồng sẽ đối mặt;
- Phòng ngừa - Các hoạt động để tránh tác động bất lợi của hiểm họa;
- Giảm nhẹ - Các biện pháp công trình và phi công trình để hạn chế tác động bất lợi;
- Chuẩn bị sẵn sàng - Các hoạt động và biện pháp được thực hiện trước để ứng phó hiệu quả;
- Cảnh báo sớm - Cung cấp thông tin kịp thời và hiệu quả để phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro.

*** Ứng phó rủi ro kịp thời, lập tức**

- Di tản - Di dời người và tài sản khỏi các địa điểm có nguy cơ xảy ra;
- Bảo vệ người và tài sản - Bảo vệ người, tài sản trong trường hợp khẩn cấp;
- Hỗ trợ kịp thời - Hỗ trợ trong hoặc ngay sau thiên tai;
- Đánh giá thiệt hại và tổn thất - Tài sản và sản xuất.

*** Giai đoạn sau thiên tai**

- Tiếp tục hỗ trợ cho đến khi phục hồi một phần;
- Phục hồi - phục hồi cơ sở hạ tầng và dịch vụ;
- Tái thiết - tái định cư;
- Phục hồi kinh tế và xã hội - Các biện pháp được thực hiện để phục hồi bình thường nền kinh tế và đời sống xã hội;
- Các hoạt động - Các hành động của các chương trình phát triển;
- Đánh giá rủi ro - Xác định những rủi ro mới mà cộng đồng có thể phải đối mặt.

Ưu điểm:

- Tăng cường năng lực và khả năng phục hồi của các hộ gia đình và các cộng đồng để bảo vệ cuộc sống và sinh kế của họ, thông qua các biện pháp để tránh (phòng ngừa) hoặc giới hạn (giảm thiểu) tác động của rủi ro thiên tai;

- Thiết lập kế hoạch hành động cụ thể trong Giảm thiểu rủi ro, Ứng phó rủi ro kịp thời, Giai đoạn sau thiên tai;

Nhược điểm:

Mặc dù mô hình này đưa ra cái nhìn tổng quan toàn diện về các khía cạnh khác nhau của QLRRTT, nhưng trong thực tế mô hình tập trung chủ yếu vào hoạt động tức thì trước và sau khi thiên tai xảy ra. Thông thường, việc phân bổ các nguồn nhân lực, vật liệu và kỹ thuật chủ yếu được thực hiện cho việc ứng phó khẩn cấp, phòng ngừa khẩn cấp và xây dựng công trình phòng, tránh GNTT. Cùng với việc phòng ngừa và phục hồi, các khía cạnh khác của việc giảm nhẹ thường ít được quan tâm hơn trong quá trình triển khai. Mô hình này cũng bị phê phán vì không chú ý đến các nguyên nhân căn bản của rủi ro thiên tai.

Theo quy trình quản lý này, các hành động thường được thực hiện theo trình tự, tuy nhiên trên thực tế các giai đoạn trong QLRRTT không xảy ra theo trình tự được sắp đặt trước theo một chuỗi các hoạt động. Chúng có thể xuất hiện cùng lúc, nhưng tại một thời điểm nhất định, một số hoạt động sẽ nhận được nhiều sự quan tâm hơn, chẳng hạn các hoạt động cứu trợ và ứng phó sẽ được thực hiện nhiều hơn vào thời điểm ngay khi thiên tai xảy ra. Trong khi đó, các hoạt động giảm nhẹ không chỉ hướng đến giảm thiểu các thiệt hại trong quá trình xảy ra thiên tai, mà có thể hướng đến phục vụ quá trình phục hồi, tái thiết và xây dựng sau thiên tai cũng như hướng đến phát triển một cuộc sống an toàn hơn với sự phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh BĐKH và thiên tai khó dự báo, do đó cũng sẽ góp phần không nhỏ giảm thiểu các tác động tiêu cực của thiên tai ngay trong và sau khi xảy ra [8].

1.2.3. Quy trình quản lý thiên tai khép kín tuần hoàn

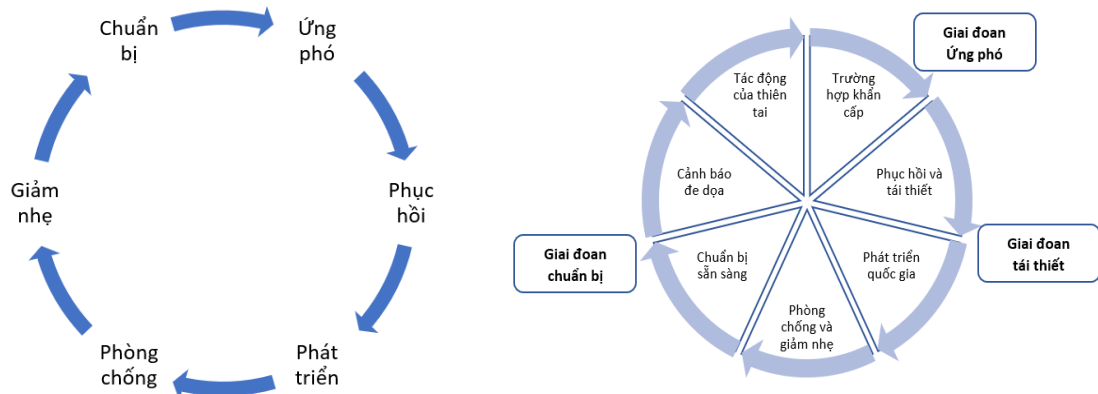
Quy trình quản lý thiên tai khép kín (Disaster management cycle) là một công cụ quan trọng và được sử dụng phổ biến ở nhiều quốc gia và vùng

lãnh thổ trong quản lý các sự kiện thiên tai và tác động của chúng. Quy trình quản lý thiên tai khép kín được xây dựng và phát triển từ những năm 1970. Tuy nhiên, các chuyên gia vẫn còn tranh luận về nguồn gốc và thời gian được công nhận cũng như có nhiều khái niệm về quy trình quản lý thiên tai khép kín khác nhau [21]. Nhiều tổ chức, các nhà khoa học sử dụng khái niệm quy trình quản lý thiên tai khép kín là quá trình liên tục, trong đó các chính phủ, doanh nghiệp và xã hội dân sự lập kế hoạch và giảm thiểu các tác động của thiên tai, phản ứng trong và ngay sau khi thiên tai xảy ra và thực hiện các bước để phục hồi sau khi xảy ra thiên tai (điển hình như Trung tâm nghiên cứu phát triển toàn cầu (GDRC), Dr. NISHAN - Đại học Kelaniya, SRI LANKA [30] và Horita từ trường University of São Paulo São Carlos Brazil. Có nhiều biến thể đối với số giai đoạn trong quy trình. Từ những năm 1975, quy trình quản lý thiên tai khép kín do Baird (1975) đề xuất bao gồm sáu giai đoạn khác nhau: (i) tái thiết, (ii) giảm nhẹ và dự báo, (iii) khả năng sẵn sàng ứng phó, (iv) cảnh báo, (v) cứu trợ và (vi) phục hồi [27]. Quy trình do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Tổ chức cứu trợ thiên tai của Liên hợp quốc (UNDRO) đề xuất bao gồm năm giai đoạn. Trong khi đó quy trình khép kín với 3 giai đoạn gồm ứng phó trong thiên tai, phục hồi sau thiên tai và giai đoạn chuẩn bị và giảm nhẹ trước thiên tai được đề cập đến trong một số tài liệu khác [21], [30].

Ngoài ra, có nhiều ví dụ điển hình khác về quy trình quản lý thiên tai khép kín bao gồm hai giai đoạn là trước khi xảy ra thiên tai (gồm phòng ngừa, giảm nhẹ và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó) và sau khi xảy ra thiên tai (gồm phục hồi và giảm nhẹ) [26]. Tương tự, Poser & Dransch nhận định quy trình quản lý thiên tai khép kín là một quá trình liên tục của 2 giai đoạn: Giai đoạn trước thiên tai gồm Giảm nhẹ (giảm thiểu rủi ro và phơi bày trước thiên tai) và Chuẩn bị sẵn sàng (lập kế hoạch, chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và ngăn ngừa

hiểm họa); Giai đoạn sau thiên tai gồm Ứng phó (giảm tác động của thiên tai thông qua các nỗ lực ứng phó và tìm kiếm cứu nạn) và phục hồi (thông qua tái thiết) [24].

Tuy nhiên, quy trình kín quản lý thiên tai bao gồm 04 giai đoạn được xem là phổ biến hơn cả [31]. Quy trình này được ghi nhận trong nghiên cứu của Alexander vào năm 2002 [30]. Quy trình quản lý hiểm họa của Ngân hàng phát triển Châu Á bao gồm 4 giai đoạn là sự tổng hòa và kết hợp của các hoạt động liên tiếp. ADB nhấn mạnh quan điểm, để có hiệu quả, quản lý thiên tai cần được thực hiện như một hoạt động toàn diện và liên tục, không phải là một phản ứng định kỳ đối với các tình huống thiên tai riêng lẻ [19]. Cụ thể, quy trình quản lý thiên tai sử dụng cho các chương trình phát triển và các nước thành viên của ADB được khuyến cáo áp dụng như Hình 1.3.



Hình 1.3. Quy trình quản lý thiên tai cơ bản của ADB

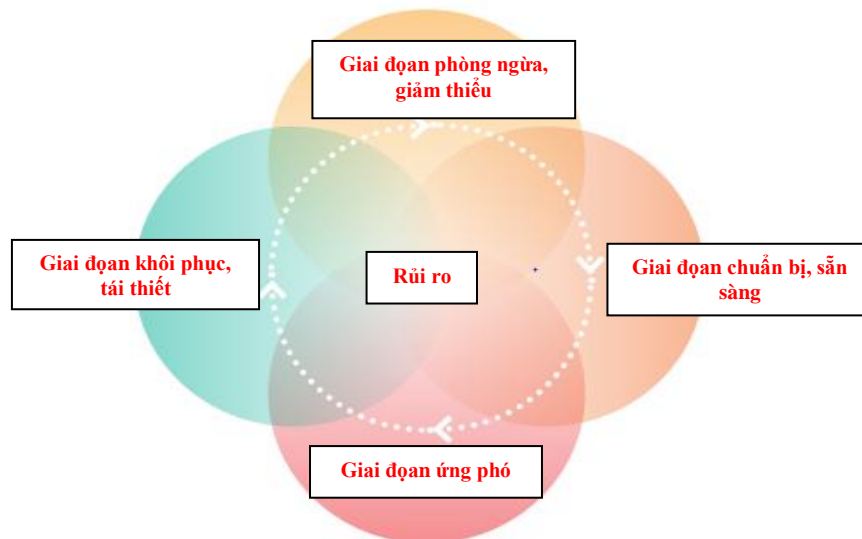
Nguồn: Carter, W. N. (2008) [19]

Tương tự với quy trình khép kín như ADB và nhiều tổ chức quốc tế, quốc gia cũng như nhiều nghiên cứu đã đề cập đến ở trên, chính quyền bang Queensland ở Úc cũng tập trung vào quy trình khép kín tương tự trong quản lý các rủi ro và thực hiện các hành động PCTT [29].

Cách tiếp cận tổng hợp được áp dụng trong thực hiện quản lý thiên tai ở bang Queensland (Hình 1.4). Trong đó quy trình là sự liên kết theo tuần tự, có

sự giao thoa và chồng lấp lên nhau giữa 04 giai đoạn Phòng ngừa/giảm nhẹ, Chuẩn bị, Phản hồi và Phục hồi/phát triển. Trung tâm PCCC và xử lý các vấn đề khẩn cấp bang Queensland nhấn mạnh quan điểm trong thực hiện các hành động cụ thể hay các bước không phải là việc áp dụng một cách cứng nhắc và tuyến tính các bước theo thứ tự như Hình 1.4 [29]. Việc thực hiện các hành động phục vụ giai đoạn phục hồi có thể được tiến hành và bắt đầu ngay từ giai đoạn phòng ngừa và ứng phó với thiên tai.

Cơ quan Quản lý Khẩn cấp Liên bang Hoa Kỳ (FEMA) là cơ quan thúc đẩy sự sẵn sàng và giảm nhẹ tác động của thiên tai, đồng thời điều phối việc ứng phó và phục hồi sau khi các thông cáo về một thiên tai được chính phủ đưa ra. Với quan điểm nhấn mạnh tất cả các cộng đồng đều có trách nhiệm thực hiện ít nhất một giai đoạn quản lý khẩn cấp bất cứ lúc nào. Do đó, khi xảy ra các tình huống khẩn cấp - thiên tai, các cá nhân, cộng đồng, tiểu bang và các cơ quan chính phủ liên bang đều tham gia vào quy trình quản lý thiên tai như là trách nhiệm của cá nhân và tổ chức của họ.



Hình 1.4. Cách tiếp cận tổng hợp trong quản lý thiên tai của chính quyền Queensland

Nguồn: Queensland Fire and Emergency Services, 2018 [29]

Cụ thể như trong việc áp dụng quy trình quản lý thiên tai khép kín này, việc quản lý, phản hồi và thực hiện các giải pháp phục hồi, giảm thiểu các tác động của thiên tai/các trường hợp khẩn cấp trong ngành chăn nuôi tại Mỹ đã xây dựng rõ ràng các bước thực hiện và trách nhiệm cụ thể theo 04 giai đoạn như sau:

* **Giai đoạn giảm thiểu (Mitigation):** Các hoạt động có thể bao gồm:

- Cột chặt nhà hoặc chuồng trại bằng neo trên mặt đất để giảm thiểu các tác hại của gió mạnh,...;

- Đào kênh dẫn nước để chuyển nước và trồng cây để hấp thụ nước;

- Xây dựng đê để kiểm soát lũ, lụt;

- Gia cố hàng rào để bảo vệ gia súc, gia cầm;

- Mua bảo hiểm chăn nuôi;

* **Giai đoạn chuẩn bị (Preparedness):** Các hoạt động bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch ứng phó với thiên tai với chi tiết các hành động cần thực hiện, các kế hoạch sơ tán và kêu gọi sự hỗ trợ;

- Kế hoạch diễn tập;

- Danh sách các vật dụng cần thiết trong điều kiện thiên tai diễn ra;

- Xây dựng/đánh giá khả năng và mức độ tổn thương của các đối tượng bị ảnh hưởng;

* **Giai đoạn ứng phó (Response):** Là giai đoạn thực hiện các hành động ngay trong và sau khi các thiên tai xảy ra. Các hành động cụ thể của giai đoạn này bao gồm:

- Thực hiện các kế hoạch ứng phó với thiên tai;

- Thực hiện các nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ;

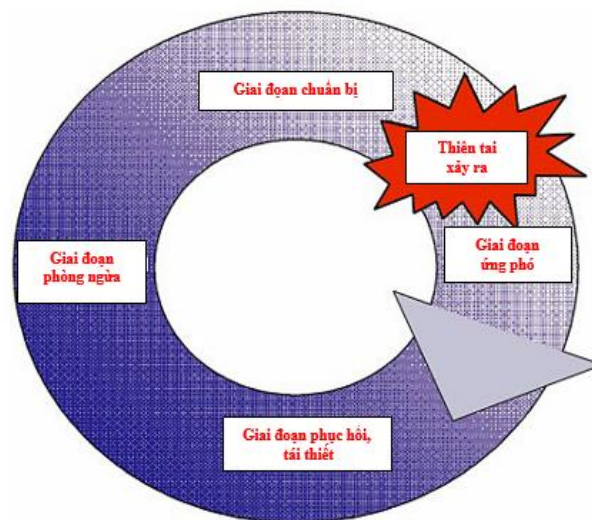
- Thực hiện các hành động để đảm bảo an toàn cho gia đình, động vật, hoa màu, ...

- Đảm bảo các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm.

* **Giai đoạn phục hồi (Recovery)**: Trong thời gian phục hồi, các nỗ lực khôi phục diễn ra đồng thời với các hoạt động thường xuyên bao gồm:

- Ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các dịch bệnh liên quan đến yếu tố căng thẳng về mặt tâm lý và gánh nặng tài chính quá mức;
- Xây dựng lại hệ thống cơ sở vật chất bị hư hỏng dựa trên những bài học kinh nghiệm;

Như vậy có thể thấy, mặc dù có nhiều biến thể khác nhau đối với số giai đoạn trong quy trình quản lý thiên tai khép kín nhưng phiên bản phổ biến nhất là quy trình với 4 giai đoạn. Cơ Quan Quản Lý Trường Hợp Khẩn Cấp Hoa Kỳ - FEMA [22]. Học viện quản lý thiên tai ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn Vương quốc Anh - DIMERSAR, Trung tâm PCCC và xử lý các vấn đề khẩn cấp bang Queensland, Cơ quan Quản lý Khẩn cấp Liên bang Hoa Kỳ (FEMA), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ sử dụng quy trình 04 giai đoạn (minh họa trong Hình 1.5).



Hình 1.5. Quy trình quản lý thiên tai khép kín 04 bước

Nguồn: Sawalha, 2020 [31]

Trong đó:

- (i) **Phòng ngừa/Giảm thiểu (Mitigation)**: Bao gồm các biện pháp giảm

thiếu được lồng ghép vào quy hoạch phát triển quốc gia và khu vực nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu xác suất xảy ra hiểm họa thiên tai trong tương lai và giảm thiểu tác động cũng như thiệt hại gây ra từ những hiểm họa không thể tránh khỏi.

(ii) *Chuẩn bị (Preparation)*: Bao gồm việc xây dựng kế hoạch hoặc sự chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và phục hồi trước các tình huống khẩn cấp thông qua các chương trình tăng cường năng lực quản lý và kỹ thuật của các Chính phủ, tổ chức và cộng đồng, biện pháp đơn giản có thể là sự sẵn sàng về hậu cần để đối phó với thiên tai hoặc có thể được nâng cao thành cơ chế và quy trình ứng phó, diễn tập, phát triển các chiến lược dài hạn và ngắn hạn, giáo dục cộng đồng và xây dựng hệ thống cảnh báo sớm. Việc chuẩn bị có thể bao gồm dự trữ thức ăn và nước, thành lập những đội tình nguyện viên cộng đồng, hoặc giáo dục công dân và lên kế hoạch sơ tán, tổ chức các cuộc diễn tập ứng phó với thiên tai, chuẩn bị kế hoạch dịch vụ y tế khẩn cấp,....

(iii) *Ứng phó với thiên tai (Response)*: Công tác ứng phó với thiên tai bao gồm các hành động thực hiện trong hoặc ngay sau tình huống khẩn cấp, bao gồm các nỗ lực cứu người và ngăn ngừa thiệt hại thêm về tài sản. Trọng tâm trong giai đoạn ứng phó là đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân cho đến khi tìm được các giải pháp lâu dài và bền vững hơn. Các giải pháp hỗ trợ trong giai đoạn này có thể bao gồm: Sơ tán, tìm kiếm và cứu hộ, hỗ trợ phương tiện đi lại, cung cấp lương thực thực phẩm,... Giai đoạn này có thể vẫn tiếp tục ngay cả khi giai đoạn phục hồi có thể đã được bắt đầu.

(iv) *Phục hồi sau thiên tai (Recovery)*: Phục hồi bao gồm việc khôi phục, xây dựng lại khu vực bị ảnh hưởng đã được đánh giá và các nỗ lực ứng phó phù hợp đã được thực hiện trong giai đoạn ngay trong và sau thiên tai. Mục đích của giai đoạn này là khôi phục môi trường, kinh tế và xã hội để đưa cộng đồng bị ảnh hưởng trở lại trạng thái ban đầu và phát triển tái thiết

hướng tới các điều kiện tốt hơn và bền vững hơn.

1.3. Tổng quan nghiên cứu về hệ thống phòng chống thiên tai các nước

1.3.1. Nhật Bản

Nhật Bản là nước công nghiệp phát triển trên thế giới. Do đặc điểm vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, Nhật Bản thường xuyên chịu tác động nhiều loại hình thiên tai như động đất, bão, mưa lớn, bão tuyết, núi lửa phun trào gây thiệt hại lớn về người và tài sản [18].

Các giai đoạn ứng phó với thiên tai, thiên tai tại Nhật Bản được chia làm 03 Giai đoạn: (1) Giai đoạn phòng ngừa, chuẩn bị; (2) Giai đoạn ứng phó; và (3) Giai đoạn phục hồi, tái thiết. Trong khi đó cơ cấu tổ chức, cơ chế phối hợp vận hành ứng phó với thiên tai cơ bản được mô tả trong “Đạo luật cơ bản về các ứng phó thiên tai”, ban hành năm 1961 và nhiều luật liên quan đến quản lý thiên tai khác.

Hệ thống quản lý thiên tai của Nhật Bản hiện nay gồm 04 cấp: (1) Cấp quốc gia; (2) Cấp tỉnh; (3) Cấp thành phố - thị xã - thị trấn; (4) Cấp khu dân cư. Mỗi cấp có tổ chức quản lý thiên tai, khuôn khổ chính sách và ngân sách của mình.

Ở *Cấp quốc gia*: Hội đồng Quản lý thiên tai Trung ương chịu trách nhiệm ban hành và thúc đẩy thực hiện Kế hoạch Quản lý thiên tai cơ bản theo quy định của Đạo luật cơ bản về các ứng phó thiên tai. Hội đồng này có văn phòng trong Văn phòng Nội các. Cơ quan giúp việc cho Hội đồng Quản lý thiên tai Trung ương gồm: Các Ủy ban điều tra kỹ thuật chuyên môn: Có nhiều ủy ban để điều tra các vấn đề cụ thể như ủy ban về các biện pháp đối phó với lũ lụt quy mô lớn, ủy ban về các biện pháp đối phó với động đất; Tổ chức thư ký: Tổ chức này gồm chủ tịch là thư ký thường trực Văn phòng Nội các, Cố vấn, các Phó Chủ tịch và các thư ký giúp việc chuyên môn.

Ở Cấp tỉnh: Hội đồng Quản lý thiên tai cấp tỉnh chịu trách nhiệm ban hành và thực hiện các Kế hoạch Quản lý thiên tai của tỉnh. Hội đồng gồm các thành viên gồm:

- Tỉnh trưởng: Chủ tịch; Thành viên là đại diện các cơ quan thuộc chính quyền tỉnh (gồm cả Cảnh sát và cơ quan PCCC) và các tổ chức xã hội. Các thành viên cũng xây dựng và triển khai Kế hoạch Vận hành Quản lý thiên tai cho cơ quan của mình.

Ở Cấp thành phố - thị xã - thị trấn: Hội đồng Quản lý thiên tai cấp thành phố chịu trách nhiệm ban hành và thực hiện các Kế hoạch Quản lý thiên tai của địa phương. Hội đồng gồm các thành viên:

- Thị trưởng: Làm Chủ tịch; Thành viên là các cơ quan thuộc chính quyền địa phương và các tổ chức công cộng. Các thành viên cũng xây dựng và triển khai Kế hoạch Vận hành Quản lý thiên tai cho cơ quan của mình.

Ở Cấp Khu dân cư, cộng đồng: Chuẩn bị và thực hiện theo Kế hoạch Quản lý thiên tai của địa phương.

Để thực hiện tốt công tác phòng chống và ứng phó với thiên tai, công tác thu thập thông tin được theo dõi chặt chẽ, dự báo, cảnh báo, (cập nhật 24/24h) bởi thiết bị công nghệ cao như vệ tinh, các thiết bị thu, phát hiện đại trên mặt đất, do vậy đã hỗ trợ chính xác, kịp thời cho quá trình ra các quyết định của chính quyền. Sự phối kết hợp giữa các cơ quan liên quan đến quản lý thiên tai vận hành rất nhanh, chính xác, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong các giai đoạn ứng phó, giai đoạn phục hồi và tái thiết, hỗ trợ mức tối đa cho người dân, cộng đồng, địa phương bị ảnh hưởng có thể nhanh chóng phục hồi, tái thiết cuộc sống bình thường. Đây là ưu điểm nổi bật công tác của phòng chống, GNTT, thiên tai của Nhật Bản

Như vậy, Nhật Bản không hình hành hệ thống PCTT, bão, lũ lụt, lũ quét riêng, mà thành lập hệ thống Quản lý thiên tai toàn diện để ứng phó với

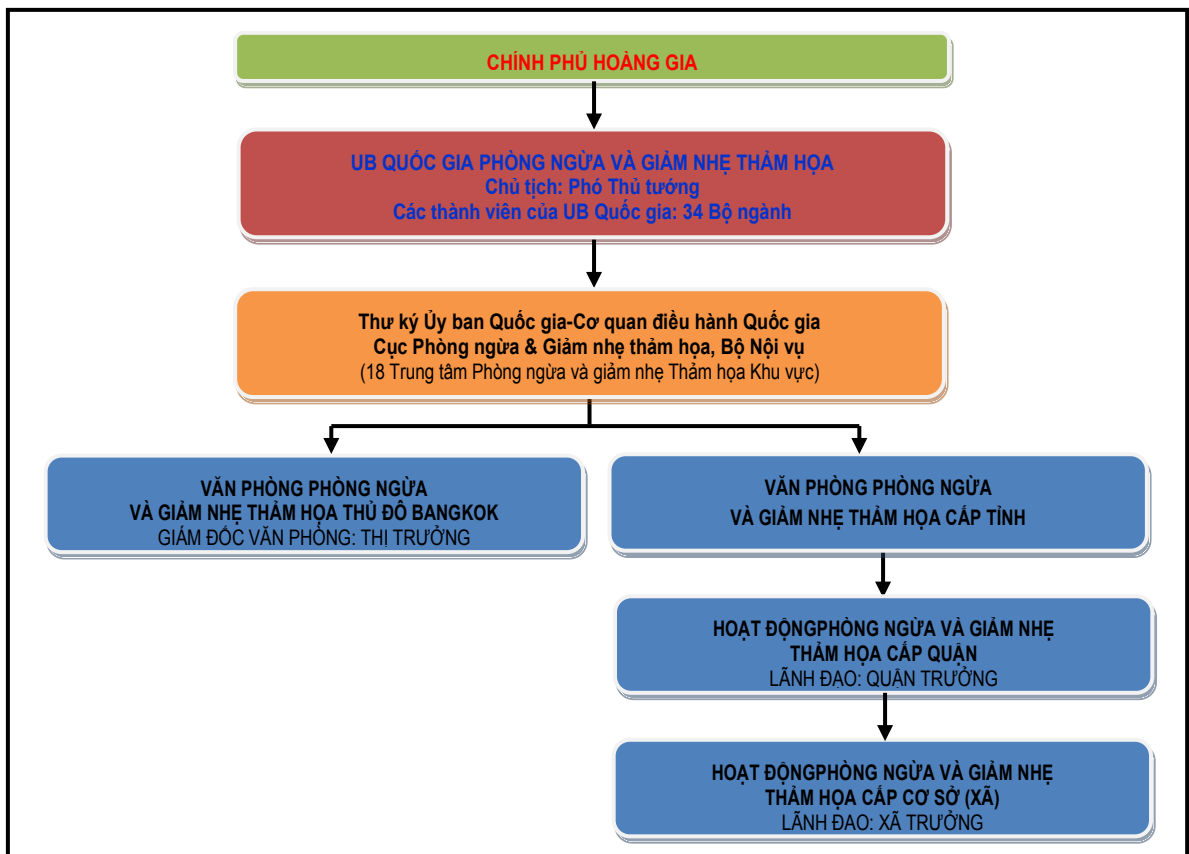
tất cả các loại thiên tai tự nhiên (động đất, sóng thần, bão, mưa lớn, bão tuyết,...) sự cố cháy, nổ,... gây thiệt hại về người, tài sản, đất đai của quốc gia. Trong khi đó, các giai đoạn cũng được phân chia tương tự như Việt Nam, bao gồm 03 giai đoạn: phòng ngừa và giảm thiểu, giai đoạn ứng phó và giai đoạn khắc phục, tái thiết [3].

1.3.2. Thái Lan

Quy trình quản lý thiên tai tại Thái Lan cũng tương tự như Việt Nam và Nhật Bản, theo quy trình *Chuẩn bị - Ứng phó - Phục hồi - Tái thiết*. Quy trình này được xây dựng trong các Chiến lược và Kế hoạch Quản lý Ngăn ngừa và Giảm nhẹ thiên tai các cấp, các quy trình quản lý thiên tai được vận hành bởi các cơ quan chức năng ở các cấp có 03 giai đoạn: (1) *Giai đoạn chuẩn bị*; (2) *Giai đoạn ứng phó: Cấp quận, cấp cơ sở (xã, phường)*; (3) *Giai đoạn khôi phục, tái thiết*.

Hệ thống Quản lý thiên tai ở Thái Lan tuân theo Đạo luật Phòng ngừa và Giảm nhẹ thiên tai năm 2007. Theo đó các cơ quan Chính phủ các cấp có trách nhiệm Quản lý thiên tai được phân thành hai loại: cơ quan chiến lược và các cơ quan chức năng (Hình 1.6).

Cơ quan chiến lược là Ủy ban Phòng ngừa và Giảm nhẹ thiên tai Quốc gia, có nhiệm vụ xây dựng chính sách về quản lý rủi ro thiên tai. Ủy ban này do Thủ tướng hoặc một Phó Thủ tướng được chỉ định làm Chủ tịch, Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Phó Chủ tịch thứ nhất, Thư ký Bộ trưởng Bộ Nội vụ là Phó chủ tịch thứ hai và 34 thành viên gồm Thư ký thường trực các bộ, ngành: Quốc phòng, Phát triển xã hội và An ninh nhân quyền, Nông nghiệp và Hợp tác xã, Giao thông và Truyền thông, Bộ Thông tin và Công nghệ viễn thông, Bộ Y tế công cộng, Cục trưởng Cục Tài chính, và các quan chức của Cảnh sát Hoàng gia, Quân đội Hoàng gia, Hải quân Hoàng gia, Không quân Hoàng gia Thái Lan, Hội đồng an ninh Quốc gia.



Hình 1.6. Tổng quan mô hình tổ chức quản lý thiên tai Thái Lan

Nguồn: Bộ Công an, 2016 [3]

Cục trưởng Cục Phòng ngừa và Giảm thiểu thiên tai, Bộ Nội vụ là thư ký của Ủy ban, không có thư ký Ủy ban Phòng ngừa và Giảm thiểu thiên tai cấp tỉnh.

Các cơ quan chức năng: Gồm 04 cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp quận và cấp cơ sở.

- *Cấp Quốc gia (bao gồm cả các khu vực):* Cục Phòng ngừa và Giảm nhệ thiên tai (PN và GNTH) thuộc Bộ Nội vụ, được thành lập như là cơ quan cấp quốc gia điều hành tất cả các hoạt động liên quan đến phòng ngừa và giảm thiểu thiên tai của đất nước. Cục này có thể thành lập các Trung tâm Phòng ngừa Giảm nhệ thiên tai cấp khu vực và Văn phòng Phòng ngừa Giảm nhệ thiên tai cấp tỉnh để thực hiện Quản lý thiên tai hiệu quả. Bộ trưởng Bộ

Nội vụ là Tổng Tư lệnh có quyền kiểm soát và giám sát tình hình thiên tai trong cả nước, tuy nhiên, trong các sự kiện thiên tai, Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng do Thủ tướng Chính phủ chỉ định sẽ làm Tổng Tư lệnh. 18 Trung tâm Phòng ngừa Giảm nhẹ thiên tai cấp khu vực đã được thành lập để triển khai các hoạt động liên quan đến phòng ngừa và giảm thiểu thiên tai trong các khu vực trên cả nước.

- *Cấp tỉnh*: Cục Phòng ngừa Giảm nhẹ thiên tai đã thành lập 75 Văn phòng Phòng ngừa Giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh và Văn phòng Phòng ngừa và Giảm thiểu Thiên tai Đặc khu hành chính thủ đô Bangkok để triển khai các hoạt động liên quan đến phòng ngừa và giảm thiểu thiên tai trong phạm vi các tỉnh và thủ đô. Văn phòng Phòng ngừa Giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh do Tỉnh trưởng làm Giám đốc, có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ngăn ngừa và giảm nhẹ của tỉnh. Tương tự như vậy đối với Thủ đô Bangkok. Một trong những nhiệm vụ quan trọng cấp tỉnh là xây dựng Kế hoạch Phòng ngừa và Giảm thiểu thiên tai cấp tỉnh phù hợp với kế hoạch của Quốc gia. Để xây dựng kế hoạch này, Tỉnh trưởng kiêm Giám đốc tỉnh sẽ chỉ định một Ủy ban gồm các thành viên: Tỉnh trưởng là Chủ tịch; 3 Phó Chủ tịch gồm một Phó Tỉnh trưởng được chỉ định, Chỉ huy trưởng quân đội của tỉnh, Phụ trách Hành chính tỉnh. Các thành viên do Tỉnh trưởng chỉ định gồm các đại diện các cơ quan của tỉnh, các quận, thành phố thuộc tỉnh các tổ chức từ thiện, các trường đại học, Viện nghiên cứu (nếu có).

- *Cấp quận*: Quận trưởng là người lãnh đạo cao nhất về hoạt động Phòng ngừa và Giảm thiểu thiên tai của huyện, có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ngăn ngừa và giảm nhẹ thiên tai cấp quận theo Kế hoạch Phòng ngừa Giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh đã được Tỉnh trưởng phê duyệt.

- *Cấp cơ sở (dưới cấp quận như xã, phường)*: Trưởng các cơ quan hành chính cấp cơ sở là người lãnh đạo cao nhất về hoạt động Phòng ngừa và Giảm

nhẹ thiên tai địa phương, có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ngăn ngừa và giảm nhẹ trong khu vực theo Kế hoạch Phòng ngừa Giảm nhẹ thiệt hại cấp tỉnh đã được Tỉnh trưởng phê duyệt [3].

Tương tự với Nhật Bản, Thái Lan không hình hành hệ thống PCTT liên quan đến tài nguyên nước riêng mà sử dụng một hệ thống Phòng ngừa và Giảm nhẹ thiên tai Quốc gia để đối phó với tất cả các loại thiên tai, nhân tai và các vấn đề làm mất ổn định xã hội, gây thiệt hại cho người và tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Tại cấp Trung ương cũng hình thành Ủy ban Phòng ngừa và Giảm nhẹ thiên tai Quốc gia với sự tham gia của 34 bộ, ngành liên quan do Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng được chỉ định Chủ tịch, tương tự như BCD Quốc gia về PCTT và UBQG - UPSCCTT và TKCN của Việt Nam.

1.3.3. Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những quốc gia rộng lớn và bị ảnh hưởng bởi thiên tai nhiều nhất trên thế giới. Hệ thống quản lý rủi ro thiên tai Trung Quốc đã hình thành từ rất lâu ứng phó với nhiều loại hình thiên tai.

Về cơ cấu tổ chức: Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của Trung Quốc chia làm 04 cấp:

- Ở cấp Trung ương: Để tăng cường quản lý các tình trạng khẩn cấp và thực hiện chức năng toàn diện của Chính phủ, Trung Quốc đã thiết lập Quản lý thiên tai tổng hợp theo mô hình gọi là “*Một văn phòng và Bốn ủy ban*”. Trong đó, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quản lý các tình trạng khẩn cấp; Văn phòng Quản lý các tình trạng khẩn cấp của hội đồng nhà nước có vai trò quan trọng điều phối tất cả các hoạt động trong Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của đất nước. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban chuyên trách: Chủ tịch của các mỗi Ủy ban sẽ là Bộ trưởng (hoặc Thứ trưởng) của Bộ chuyên ngành có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ chính của ủy ban; Thành viên các Ủy ban này là Thứ trưởng các bộ, ngành có liên quan. Để tăng cường công tác quản lý rủi ro

thiên tai, trong mỗi Bộ, ngành và Ủy ban liên quan của Trung Quốc đều thành lập các Trung tâm quản lý tương ứng, chẳng hạn như Trung tâm Quốc gia kiểm soát và phòng ngừa bệnh (của Bộ Y tế), Trung tâm Quốc gia giảm thiểu thiên tai (của Bộ Dân sự), Trung tâm Quốc gia Giám sát An toàn công trình.

- Ở Cấp tỉnh: Mô hình quản lý thiên tai tổng hợp cấp tỉnh cũng tương tự như mô hình Trung ương. Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tại cấp tỉnh theo mô hình một trung tâm và bốn ủy ban. Theo đó, mỗi tỉnh đều có Trung tâm Quản lý tình trạng khẩn cấp là cơ quan chịu trách nhiệm chính, Trung tâm này cũng bao gồm 04 ủy ban cấp tỉnh quản lý về GNTT; về các tai nạn công nghiệp, về y tế cộng đồng và về an ninh xã hội.

- Ở cấp huyện: Tại cấp này, mỗi huyện có “Ủy ban GNTT huyện” Ủy ban chịu trách nhiệm về quản lý thiên tai chủ yếu liên quan đến lũ lụt, hạn hán, bão. Thành viên ủy ban gồm: Phó Chủ tịch huyện là Chủ tịch Ủy ban; Thành viên là 28 phòng, ban chức năng của huyện; Phòng Thủy lợi là cơ quan thường trực giúp việc cho Ủy ban;

- Ở cấp xã: tại cấp này, mỗi xã có “Ủy ban GNTT xã” Ủy ban chịu trách nhiệm về quản lý thiên tai chủ yếu liên quan đến lũ lụt, hạn hán. Thành viên ủy ban gồm: Phó Chủ tịch xã là Chủ tịch Ủy ban; Thành viên là các bộ phận chức năng của của huyện.

Hệ thống quản trị rủi ro thiên tai tại Trung Quốc kết hợp mô hình quản lý ngành dọc của chính quyền từ Trung ương đến địa phương và quản lý chuyên ngành cho từng loại thiên tai tại từng vùng, địa phương trước rồi xây dựng Quản lý thiên tai tổng hợp sau. Các hoạt động ứng phó cũng được phân chia thành 03 giai đoạn:

- *Giai đoạn trước khi xảy ra thiên tai:* Ưu tiên thực hiện một loạt các công tác như thiết lập và hoàn thành các hệ thống giám sát và cảnh báo; triển khai thực hiện các kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; tăng cường khả năng dự trữ

vật tư ứng với tình trạng khẩn cấp; xây dựng môi trường sinh thái lành mạnh; đẩy mạnh nền kinh tế khu vực và giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương bởi thiên tai.

- *Giai đoạn trong thiên tai:* Tập trung nâng cao khả năng cấp cứu khẩn cấp, tập trung các hành động đảm bảo an toàn cho người dân, giảm đến mức thấp nhất các tai nạn và tổn thất tài sản, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường đến mức tối đa.

- *Sau thiên tai:* Tập trung tăng cường khả năng cứu trợ của chính quyền và của cộng đồng xã hội của tất cả các cấp, đặc biệt là khả năng các cộng đồng tự giải cứu và tự cứu trợ, và trên cơ sở kết quả đánh giá thiệt hại do thiên tai nhanh chóng, hệ thống quản lý rủi ro thiên tai sẽ nhanh chóng khôi phục lại cuộc sống và sản xuất bình thường và đẩy mạnh công tác tái thiết kịp thời và hiệu quả [3].

Như vậy có thể thấy, Trung Quốc đã xây dựng mô hình quản lý rủi ro thiên tai khá toàn diện, thích hợp với tình hình quốc gia. Cơ chế quản lý tình trạng thảm họa thông qua các quy định và các loại kế hoạch đã phân công rõ mức độ trách nhiệm theo từng cấp khác nhau, sự phối kết hợp giữa các cơ quan chuyên môn của Bộ ngành ở Trung ương với chính quyền địa phương ở tất cả các cấp. Trong đó chính quyền địa phương có vai trò là rất quan trọng. Đây có thể xem là bài học tốt để Việt Nam xem xét và áp dụng vào các hoạt động ứng phó thiên tai .

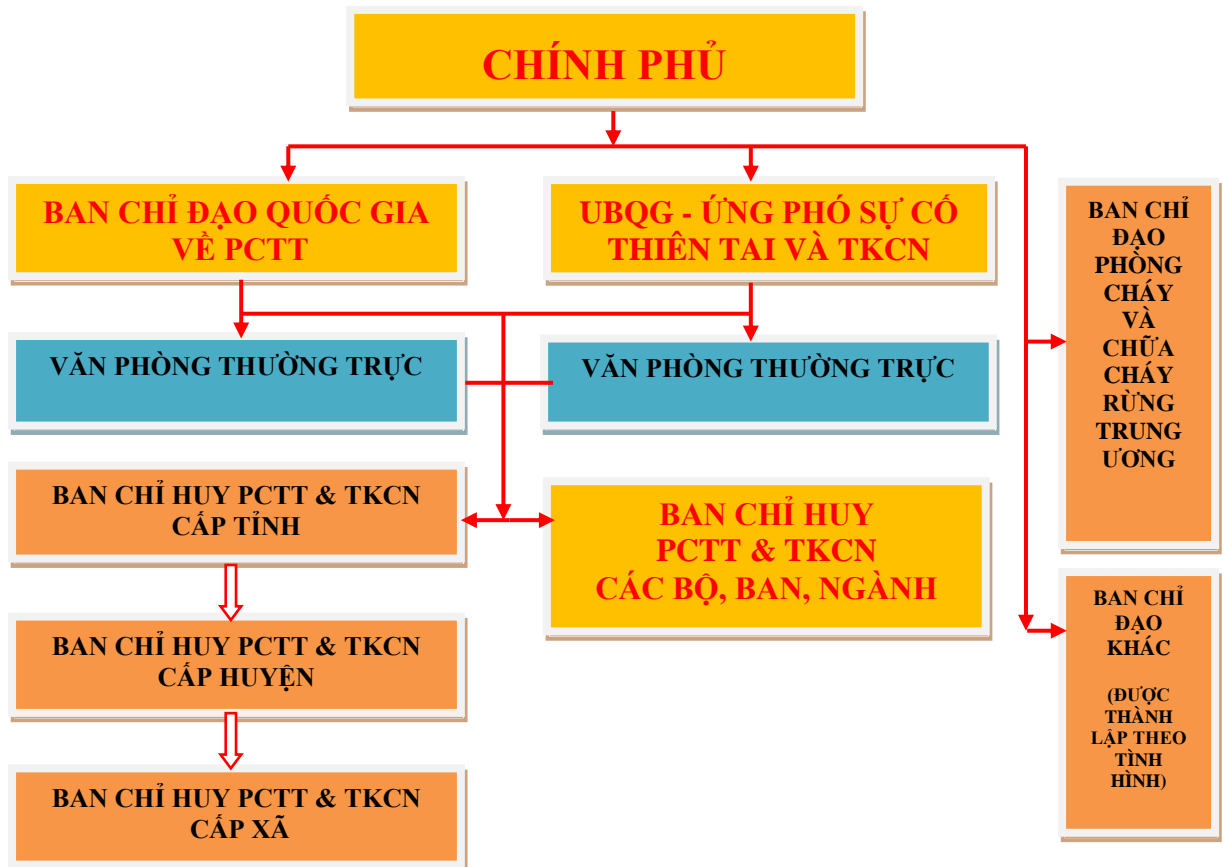
1.4. Tổng quan về hệ thống phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Việt Nam

1.4.1. Tổ chức và cơ cấu thực hiện cấp quốc gia

Hệ thống tổ chức quản lý thiên tai ở Việt Nam được tổ chức, phân cấp và giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành (theo ngành, lĩnh vực) và các địa phương (theo lãnh thổ). Để giúp chính phủ và chính quyền các cấp trong việc điều

phối liên ngành, chỉ huy, chỉ đạo và huy động lực lượng, phương tiện đối phó với thiên tai, một hệ thống gồm các BCD QG về PCTT, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, BCH PCTT và TKCN các cấp (theo 4 cấp hành chính: Quốc gia, tỉnh, huyện và xã).

Sơ đồ hệ thống phân cấp thực hiện phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, GNTT ở Việt Nam được trình bày như sau:



Hình 1.7. Mô hình cơ cấu, tổ chức bộ máy công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở nước ta hiện nay

Trong đó, Chính phủ thành lập BCD QG về PCTT là cơ quan tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc đôn đốc, chỉ đạo điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên phạm vi cả nước. BCD QG về PCTT bao gồm sự tham gia của tất cả các bộ, ban

ngành, các tổ chức dân sự, chính trị xã hội cấp quốc gia, do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban Chỉ đạo; Bộ trưởng Bộ NNPTNT làm Phó Trưởng Ban thường trực. BCH PCTT và TKCN các bộ, ngành do Thủ trưởng các bộ, ngành thành lập, tham mưu giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng các ngành trong công tác đôn đốc, chỉ đạo điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ.

Tại cấp địa phương, BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cùng cấp thành lập, tham mưu giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp trong việc kiểm tra, đôn đốc, chỉ huy điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trong phạm vi địa phương.

Khi thiên tai xảy ra, hệ thống các cơ quan bao gồm BCD QG về PCTT, UBQG Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, BCH PCTT bộ, ngành, BCH PCTT và TKCN các tỉnh, huyện, xã phối hợp triển khai theo hệ thống thứ bậc. Nguyên tắc cơ bản trong cơ chế chỉ đạo, điều hành là các BCH PCTT và TKCN các cấp trực tiếp, chủ động huy động lực lượng trên địa bàn để ứng phó với các tình huống thiên tai. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương sẽ báo cáo cấp trên trực tiếp để điều động bổ sung lực lượng từ nơi khác hỗ trợ. Ngoài ra, các vấn đề, tình huống thiên tai liên quan trực tiếp đến hai địa phương sẽ do BCD cấp trên (Trung ương) điều phối và chỉ đạo ứng phó [3].

1.4.2. Cơ chế phối hợp vận hành cấp quốc gia

Căn cứ theo mô hình trên, có hai hình thức cơ chế điều hành ứng phó thiên tai chính: Cơ chế chỉ đạo và cơ chế chỉ huy PCTT, TKCN. Trong đó:

- Cơ chế chỉ đạo là hướng dẫn cụ thể theo một đường lối, chủ trương rõ ràng thực hiện quyết định do cơ quan cấp trên ban hành; cấp dưới phải tuân thủ nghiêm ngặt sự chỉ đạo của cấp trên đồng thời phải định kỳ báo cáo về kết

quả thực hiện lên cấp trên. “Hoạt động này mang tính bắt buộc cứng rắn, khác với chỉ dẫn”.

- Cơ chế chỉ huy là điều khiển hoạt động của một lực lượng, một tập thể có tổ chức cùng làm một nhiệm vụ; thẩm quyền chỉ huy thuộc về những người có chức vụ theo chế độ thủ trưởng, tức là người có quyền sử dụng quyền lực Nhà nước để ra những mệnh lệnh có tính chất bắt buộc đối với những người dưới quyền.

Ngoài ra, trong thực tiễn triển khai còn có cơ chế phối hợp: Là cơ chế giữa BCH PCTT và TKCN các cấp với các lực lượng trên địa bàn, các tổ chức chính trị - xã hội.

1.4.3. Tổ chức và cơ cấu thực hiện cấp tỉnh

BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy, điều hành hoạt động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại địa phương.

Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật phòng, chống thiên tai;

b) Chỉ đạo, đôn đốc việc xây dựng và trình phê duyệt kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai;

c) Chỉ huy ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong thiên tai trong phạm vi địa phương;

d) Kiểm tra, đôn đốc các sở, cơ quan tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo việc thống kê đánh giá thiệt hại, xác định nhu cầu hỗ trợ, triển khai công tác khắc phục hậu quả và phục hồi tái thiết sau thiên tai;

- e) Thực hiện các nội dung về Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định;
- g) Tổ chức huấn luyện, đào tạo, diễn tập, tập huấn cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- h) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai;
- i) Chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm từng bước nâng cao năng lực dân sự trong hoạt động ứng phó thiên tai;
- k) Tập trung nguồn nhân lực, trang thiết bị, xây dựng công cụ hỗ trợ cho Văn phòng thường trực BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh; kết nối trực tuyến với cơ quan phòng, chống thiên tai Trung ương và các cấp ở địa phương phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành phòng, chống thiên tai.

Cơ cấu tổ chức: BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh gồm:

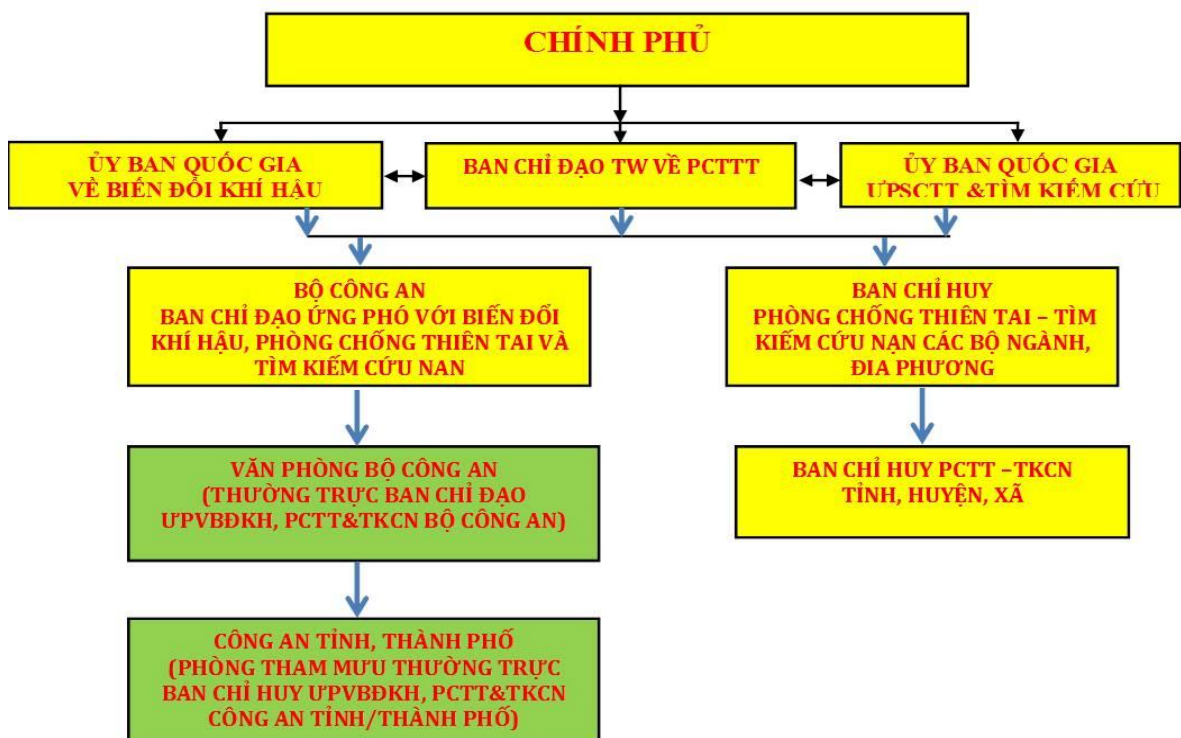
- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban;
- b) Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Phó Trưởng ban thường trực;
- c) Giám đốc Sở NNPTNT làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai;
- d) Tùy theo điều kiện cụ thể từng địa phương, Chỉ huy Trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn trên đất liền; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển và biên giới;
- đ) Các ủy viên là Giám đốc hoặc đại diện lãnh đạo các sở, ngành có liên quan đến công tác PCTT và TKCN, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể - xã hội cấp tỉnh tham gia thành viên BCH PCTT và TKCN cấp tỉnh.

Sở NNPTNT là cơ quan thường trực PCTT; BCH quân sự hoặc BCH Bộ đội Biên phòng là cơ quan thường trực TKCN của BCH PCTT và TKCN

cấp tỉnh. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập bộ phận chuyên trách thuộc Sở NNPTNT làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực của BCH PCTT và TKCN [13].

1.5. Vai trò của lực lượng Công an trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

1.5.1. Vị trí và vai trò của lực lượng Công an trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn



Hình 1.8. Cơ cấu tổ chức ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Bộ Công an

(Theo Nghị định 01/NĐ-CP, ngày 06/8/2018)

Đối với công tác PCTT theo Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 và nay là Nghị định số 66/2021/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung Nghị định 160), Bộ Công an là Ủy viên BCĐ QG về PCTT. Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người

có thẩm quyền. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong phòng, chống thiên tai; lập kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai xảy ra; phối hợp với Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra;

Bộ trưởng Bộ Công an là Ủy viên của Ủy ban Quốc gia về BDKH. Năm 2011, Bộ Công an đã thành lập BCĐ UPT Bộ Công an. Ở cấp địa phương: 100% Công an các tỉnh, thành phố có đại diện lãnh đạo là thành viên trong BCH PCTT và TKCN của tỉnh, thành phố.

1.5.2. Nhiệm vụ của lực lượng Công an trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Nhiệm vụ của lực lượng CAND trong ứng phó với BDKH gồm: Đấu tranh với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, chống biến đổi khí hậu; đánh giá tác động của BDKH, Nước biển dâng đến các lĩnh vực và khác khu vực hoạt động của lực lượng Công an và đề xuất các giải pháp ứng phó; tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào các hoạt động ứng phó với BDKH; nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực ứng phó BDKH cho các đối tượng khác nhau trong lực lượng CAND; và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế, huy động mọi nguồn lực thực hiện hiệu quả công tác UPBDKH trong CAND.

Nhiệm vụ của lực lượng CAND trong công tác PCTT gồm: Đảm bảo an ninh trật tự (ANTT), an toàn giao thông tại nơi xảy ra thiên tai, sự cố; giúp dân di dời, sơ tán, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố; đảm bảo an toàn về người và tài sản...; tổ chức tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ trong thiên tai; chữa cháy, nổ khi có hỏa hoạn do thiên tai, sự cố gây ra.

Nhiệm vụ triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của lực lượng CAND với chủ công là lực lượng Cảnh sát PCC&CC bao gồm: tiếp nhận và xử lý thông tin các sự cố, tai nạn, yêu cầu cứu nạn, cứu hộ; tham mưu cho Bộ Công an và chính quyền địa phương về tổ chức thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC theo quy định của pháp luật về tìm kiếm cứu nạn; đảm bảo sẵn sàng về lực lượng và phương tiện, tổ chức thường trực 24/24 giờ để tiếp nhận, xử lý thông tin các sự cố, tai nạn và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ theo các tình huống cơ bản được quy định; tổ chức thực tập phương án cứu nạn, cứu hộ; thực hiện cứu nạn cứu hộ theo đề nghị của tổ chức, cá nhân; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ cho các lực lượng, dân phòng, phòng cháy và chữa cháy cơ sở, phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành và các lực lượng khác theo yêu cầu; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức về công tác cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào quần chúng tham gia cứu nạn, cứu hộ.

1.5.3. Cơ chế hoạt động

Các hành động phục vụ công tác PCTT và TKCN trong ngành Công an được chia ra theo 03 giai đoạn chính là trước, trong và sau thiên tai. Trong đó:

- **Trước thiên tai:** chú trọng các hoạt động củng cố, kiện toàn BCH UBNDKH, PCTT và TKCN của Công an các tỉnh, huyện; trực ban 24/24h để theo dõi nắm bắt thông tin, tình hình để kịp thời tham mưu cho Bộ Công an chỉ đạo Công an các tỉnh/thành phố triển khai ứng phó trước khi thiên tai xảy ra; xây dựng và cập nhật các phương án UPT theo các tình huống thiên tai, sự cố có thể xảy ra tại địa phương; sẵn sàng nhân lực, vật tư, phương tiện, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ) trong thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN; tổng hợp nhu cầu, lập dự trữ vật tư, phương tiện, thiết bị phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn thiết yếu, còn thiếu, đề xuất trang cấp, đầu tư xây

dựng dự án trang bị; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ chiến sĩ CAND về các hiện tượng thời tiết cực đoan (bão, lũ lụt, lũ quét,...) do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu gây ra; xây dựng kế hoạch UPBĐKH, PCTT và TKCN chi tiết, cụ thể ở các cấp: trong đó có kế hoạch tổ chức huấn luyện, diễn tập các phương án, kịch bản ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ; phương án di dời, sơ tán dân; các phương án chống lũ theo cấp báo động và các kế hoạch tìm kiếm cứu nạn khi có các tình huống thiên tai, bão, lụt xảy ra trên địa bàn. Trong đó đặc biệt chú trọng các phương án bảo vệ những vị trí trọng điểm, xung yếu về đê, hồ, đập thủy lợi, thủy điện, đảm bảo an toàn các khu dân cư sống trong vùng thấp, trũng, có nguy cơ ngập lụt cao...

- **Trong thiên tai:** tập trung vào các hoạt động ổn định việc di dời, sơ tán dân; bảo vệ an ninh an toàn về người và tài sản cho Nhân dân; tổ chức phân luồng giao thông, nghiêm cấm người và phương tiện lưu hành trên đường bộ, đường thủy, đường sắt, các bến đò ngang, ngầm tràn trong khi có thiên tai, bão lũ xảy ra; ứng trực 100 quân số, sẵn sàng lực lượng, vật tư phương tiện, nhu yếu phẩm ứng cứu khi có yêu cầu; đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt để thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- **Khắc phục hậu quả sau thiên tai, bão lũ:** Tập trung vào các hoạt động nắm thông tin chính xác về thiệt hại, kịp thời chỉ đạo chỉ huy lực lượng giúp nhân dân khắc phục hậu quả như sửa chữa nhà cửa cho nhân dân trở về để tiếp tục ổn định cuộc sống; đề xuất hỗ trợ nhân dân như lương thực, nhu yếu phẩm và nước uống, thuốc men, hóa chất lọc nước, cùng với các lực lượng địa phương giải phóng ngay các tuyến đường bị sạt lở, ách tắc hoặc bị ngập lụt; tăng cường hỗ trợ y tế, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sau thiên tai, bão lũ; tổ chức cứu nạn, cứu hộ đưa người đi cấp cứu, không để nhân dân đói rét trong thiên tai, bão lũ; hỗ trợ trước mắt để hỗ trợ cho CBCS

và nhân dân bị thiên tai bão lũ, hỗ trợ kinh phí, vật tư phương tiện cho các đơn vị, địa phương để kịp thời khắc phục nhanh hậu quả sớm đảm bảo cuộc sống bình thường cho nhân dân; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, từ đó triển khai, nhân rộng và phát hiện những hạn chế, thiếu sót để khắc phục.

1.5.4. Vai trò của công an địa phương trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

- *Giai đoạn phòng ngừa:* Công an tỉnh chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng làm tốt công tác thống kê, kiểm đếm số lượng tàu thuyền, neo đậu tránh trú bão, quản lý các hoạt động nuôi trồng thủy hải sản, chuẩn bị các phương án để ứng phó với bão, lũ; tổ chức kiểm tra, rà soát, sửa chữa, nâng cấp gia cố công trình PCTT và các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh; chủ động kiểm tra, rà soát các khu vực xung yếu, trọng điểm cần phải sơ tán Nhân dân; lập phương án sơ tán Nhân dân; xác định các địa điểm kiên cố để tiếp nhận số người dự kiến sơ tán đến nơi tạm trú trong thời gian xảy ra bão, lũ; nguồn lực phục vụ sơ tán dân và đảm bảo an ninh - trật tự nơi đi và nơi đến; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình chủ động kiểm tra sửa chữa, gia cố nhà cửa, công trình, kho tàng để sẵn sàng ứng phó bão, lũ; chuẩn bị nguồn lực để chủ động ứng phó bão, lũ và sẵn sàng tham gia ứng phó khi có yêu cầu; lập danh sách và kế hoạch điều động các lực lượng nòng cốt tham gia công tác PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh; phối hợp hướng dẫn các đơn vị địa phương kê khai ban đầu về chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản để làm cơ sở đề nghị hỗ trợ khi xảy ra thiệt hại.

- *Giai đoạn ứng phó:* Chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng triển khai sơ tán dân cư ở nhà tạm, nhà yếu các hộ dân cư ở khu vực trũng, thấp, vùng ven biển đề phòng nước dâng hoặc mưa lớn do bão, lũ; đôn đốc, kiểm tra, huy động lực lượng, phương tiện tổ chức sơ tán để đảm bảo an toàn tính mạng của người

dân trong vùng bị ảnh hưởng của bão, lũ, triển khai phương án TKCN khi có yêu cầu. Tổ chức cưỡng chế sơ tán trong trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, chống thiên tai vì mục đích an toàn tuyệt đối cho người dân; kiểm tra việc thực hiện lệnh cấm tàu, thuyền và phương tiện đánh bắt thủy, hải sản tàu và phương tiện thủy hoạt động du lịch; triển khai lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ ứng phó với bão; triển khai thực hiện công tác TKCN, công tác cứu hộ khi có yêu cầu; tham mưu chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác đảm bảo an toàn tàu, thuyền ở nơi neo đậu, tránh trú, lồng bè và các hoạt động kinh tế trên biển, ven biển khi có bão; yêu cầu các cơ quan tổ chức liên quan và UBND các cấp, đặc biệt là cấp xã kiểm soát chặt chẽ, không để người ở lại trên tàu, thuyền tại nơi neo đậu, trên bè, chòi canh tại khu vực nuôi trồng thủy sản, hải sản; chỉ đạo rà soát các tàu thuyền còn hoạt động trên biển và đề xuất phương án đảm bảo an toàn; huy động nhân lực hỗ trợ nhân dân chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, thu hoạch mùa màng, thu hoạch lúa sớm, hoa màu, thủy sản,... để giảm thiểu thiệt hại; bố trí lực lượng cảnh giới hướng dẫn giao thông ở những đoạn đường bị ngập, các đường tràn, đường ngầm do ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ.

- *Giai đoạn khắc phục hậu quả:* Tiếp tục thực hiện công tác TKCN, cứu hộ, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm tại khu vực bị chia cắt và khu vực dân cư từ nơi sơ tán trở về, thực hiện chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ để ổn định tâm lý của người dân; tham gia hỗ trợ sửa chữa nhà cửa để sớm khôi phục và ổn định cuộc sống bình thường cho nhân dân cũng như việc học tập của học sinh trên địa bàn; triển khai các lực lượng bảo đảm ANTT, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh tại vùng bị thiên tai, bão lũ; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu, quản lý, bình ổn giá thị trường

trên địa bàn; tiếp nhận, quản lý phân bổ nguồn cứu trợ khẩn cấp để ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ; tham gia sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình PCTT, giao thông, thông tin, đê điều, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế, và công trình hạ tầng công cộng; tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại theo quy định và báo cáo về BCH PCTT và TKCN cấp trên để đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả.

1.5.5. Đánh giá quy trình quản lý thiên tai đang được áp dụng ở Việt Nam

Nhận thức được hiểm họa và các dạng thiên tai trong điều kiện BĐKH có thể xảy ra có hoặc không có giai đoạn cảnh báo. Hiện nay, Việt Nam, các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai theo 03 bước chính (phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả). Quy trình này về cơ bản có sự tương đồng với quy trình của FAO và của Trung Quốc, bao gồm 3 giai đoạn: trước thiên tai, trong thiên tai và sau thiên tai. Tuy nhiên, tại Việt Nam quy trình này được thực hiện liên tục, quay vòng hàng năm, các báo cáo kết quả hoạt động, bài học kinh nghiệm được đúc rút và xây dựng phục vụ cho quá trình chuẩn bị, phản ứng và phục hồi với các thiên tai có khả năng xảy ra trong tương lai. Do đó, có thể nhận thấy quá trình và cách thức thực hiện các hành động phòng chống và GNTT của Việt Nam tuy rằng không tuân theo quy trình quản lý thiên tai khép kín (xét về quy trình có tính chất chính thống) nhưng về bản chất là một quy trình tổng hợp, kết nối, kế thừa và khép kín.

Trong thực tế triển khai ở Việt Nam, một hoạt động ứng phó (ví dụ tổ chức sơ tán người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm khi có thông tin về xuất hiện bão phía Đông Philipine hoặc trên biển Đông và di chuyển vào đất liền với cường độ mạnh và nguy hiểm) đã được lên kế hoạch, có những bước chuẩn bị từ trước (đầu năm trước khi mùa bão diễn ra hàng năm tại các cấp). Các hoạt động hỗ trợ như lên kế hoạch cho công tác sơ tán người, công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, nhà, lán trại sơ tán (việc lồng ghép phát triển cơ sở hạ

tầng phục vụ công tác sơ tán trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội) được xem như là các hành động của giai đoạn giảm thiểu (mitigation) và giai đoạn chuẩn bị (preparedness) và các hành động này cũng được xem xét và thực hiện hàng năm. Tương tự như vậy, các bài học kinh nghiệm của các hoạt động cứu trợ trong và ngay sau một trận bão, lũ sẽ được đúc rút cung cấp thông tin trong việc thực hiện giai đoạn tái thiết/phục hồi (recovery), các nội dung này luôn được trình bày chi tiết trong Kế hoạch PCTT và TKCN hàng năm tại các cấp và địa phương. Trong giai đoạn này, các bài học kinh nghiệm được áp dụng để giảm thiểu hoặc ngăn chặn hoàn toàn tác động của những đợt tái xuất hiện trong tương lai của loại hình thiên tai này, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó với loại hình thiên tai có thể quay trở lại trong tương lai.

Thêm vào đó, với lịch sử lâu đời trong PCTT và TKCN, các hành động trong các giai đoạn phòng ngừa, chuẩn bị và phục hồi được thực hiện không chỉ theo 1 trình tự cứng nhắc mà có sự giao thoa và chồng lấp và điều chỉnh tùy theo các điều kiện hoàn cảnh thực tế. Với hệ thống tổ chức và cơ cấu thực hiện theo 4 cấp (quốc gia, tỉnh, huyện và xã), các kỹ năng và kiến thức của cộng đồng, vùng miền được vận dụng, tổng hợp và lồng ghép vào các việc thực hiện các kế hoạch PCTT và TKCN tại cấp cộng đồng và các cấp cao hơn (khi phù hợp).

Có thể nhận thấy các nội dung các hoạt động về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Việt Nam (mục 1.3) và của ngành công an trong giai đoạn sau thiên tai (giai đoạn khắc phục hậu quả) (mục 2.1) hiện nay chủ yếu tập trung vào các hành động tức thì và khắc phục hậu quả mang tính ngắn hạn. Trên thực tế, luật PCTT, Điều 32, điểm 2 và điểm 3 có quy định rõ các nội dung về hỗ trợ trung hạn và dài hạn, bao gồm cả các nội dung liên quan đến bố trí nguồn lực bao gồm ngân sách nhà nước và đóng góp của các tổ

chức để thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phục hồi sau thiên tai. Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 cũng đưa ra các nội dung cụ thể trong huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện hỗ trợ khắc phục hậu quả sau thiên tai. Ngoài ra, Việt Nam đã tham gia cam kết tham gia và Khung hành động Sendai về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, trong đó có đề cập đến ưu tiên về nâng cao khả năng sẵn sàng để ứng phó hiệu quả và xây dựng lại tốt hơn trong phục hồi tái thiết. Tuy nhiên các điều khoản quy định trong Luật PCTT và Nghị định mới chỉ đề cập đến các nội dung hỗ trợ và khắc phục tương đối ngắn hạn, các công tác về lập kế hoạch và thực hiện khắc phục hướng tới tái thiết và phát triển cho các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai còn chưa thực sự nổi bật. Mục 1.2.1 đã phân tích các hạn chế trong việc thực hiện các nội dung của khung Sendai trong điều kiện Việt Nam.

Trong thực tế triển khai, công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai, tái thiết và phục hồi vẫn chưa thực sự được quan tâm. Đặc biệt trong điều kiện BĐKH như hiện nay, các hiện tượng thiên tai và thời tiết cực đoan diễn biến ngày càng khốc liệt và dị thường gây ra các tác động ngày càng nghiêm trọng đến đời sống người dân và môi trường tự nhiên, nhu cầu thực hiện công tác phục hồi sau thiên tai không chỉ cần chú trọng các nội dung về khắc phục hậu quả có tính cấp thiết và ngắn hạn, mà công tác quy hoạch, lập kế hoạch và các hành động hỗ trợ nhằm nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng tự nhiên-xã hội và khả năng thích nghi của cộng đồng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các hoạt động về tái thiết phục hồi sau thiên tai, các hoạt động phục hồi sau thiên tai và tái thiết ngoài việc hướng đến ổn định nhanh đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh cho người dân cần ưu tiên phục hồi cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho các nhóm yếu thế, dễ chịu rủi ro trong xã hội như nhóm trẻ em, trẻ khuyết tật, người khuyết tật, người già neo đơn và nhóm phụ nữ thuộc diện nghèo, cận nghèo hoặc đặc biệt khó khăn. Việc

khắc phục hậu quả, khôi phục lại cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội không chỉ thay thế các mất mát do thiên tai, mà còn cần xem xét, điều chỉnh, nâng cấp để thích ứng với rủi ro thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra trong tương lai để đảm bảo phát triển bền vững.

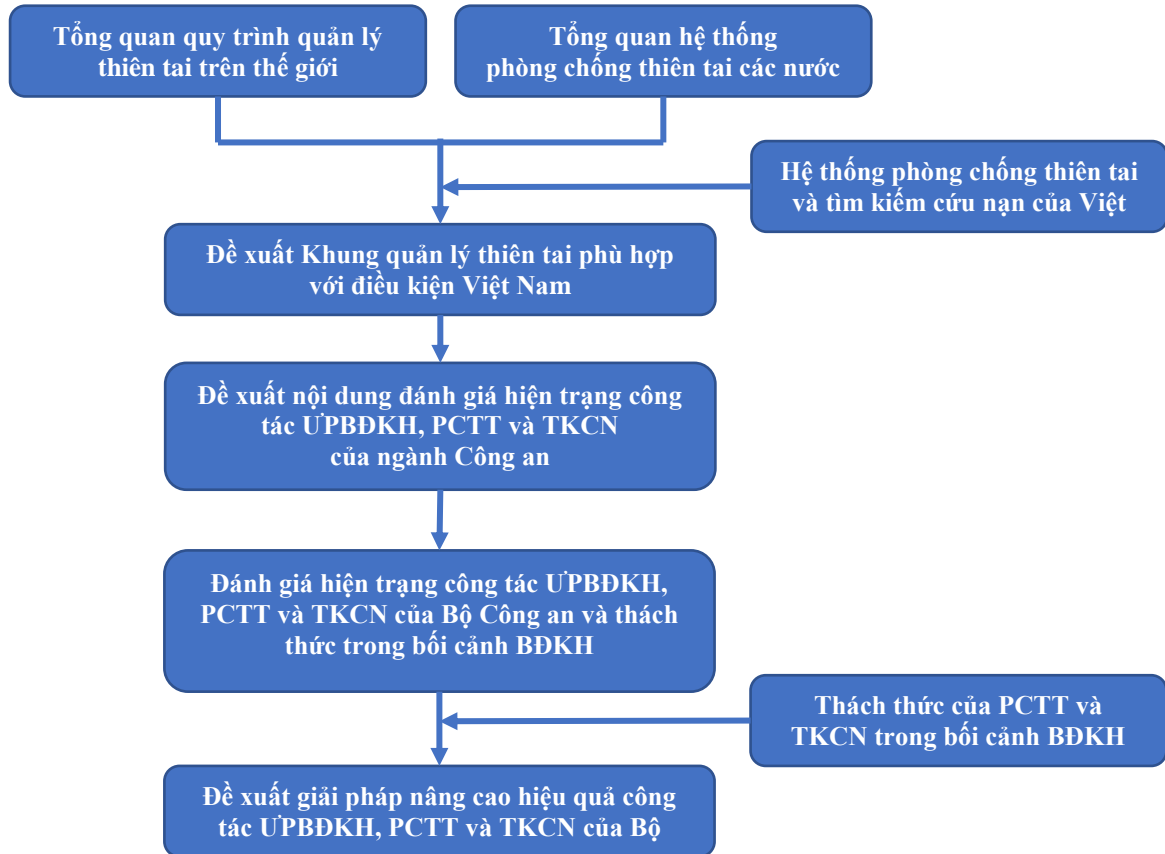
1.6. Kết luận Chương I

Trong Chương I, Luận án phân tích, đánh giá tổng quan các nghiên cứu về quy trình quản lý thiên tai và hệ thống PCTT và TKCN được sử dụng phổ biến trên thế giới.

Luận án cũng tiến hành tổng quan hệ thống triển khai thực hiện PCTT và TKCN của một số nước trên thế giới. Tương tự như Nhật Bản, Thái Lan và Trung Quốc. Hệ thống PCTT của Việt Nam có nhiều điểm tương đồng là theo cách tiếp cận theo hướng toàn diện để ứng phó với tất cả các loại thiên tai. Các giai đoạn ứng phó cũng có điểm tương đồng về cơ bản với 03 giai đoạn: **(i)** phòng ngừa và giảm thiểu; **(ii)** giai đoạn ứng phó; và **(iii)** giai đoạn khắc phục, tái thiết. Các hoạt động ứng phó được phân công rõ mức độ trách nhiệm theo từng cấp khác nhau và có sự phối kết hợp giữa các cơ quan chuyên môn của Bộ ngành ở Trung ương với chính quyền địa phương ở tất cả các cấp. Trong đó, chính quyền địa phương có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, do điều kiện về hiện trạng cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật và công nghệ, tài chính cũng như đặc điểm và mức độ chịu tác động do thiên tai khác nhau, nên Việt Nam cũng cần có những cơ chế quản lý và giải pháp có tính đặc thù phù hợp với điều kiện quốc gia. Quy trình thực hiện các hành động PCTT và TKCN còn nhiều hạn chế trong giai đoạn (iii) khắc phục và phục hồi sau thiên tai.

Để có thể tăng cường hiệu quả công tác UPT ở Việt Nam nói chung và của ngành Công an nói riêng, cần thiết phải đánh giá được hiện trạng và hiệu quả của công tác này. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tăng

cường công tác ứng phó với BDKH, PCTT và TKCN. Các nội dung tiếp theo của Luận án sẽ đưa ra phương pháp đánh giá, tiến hành đánh giá theo cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên về hiện trạng công tác UPT của ngành Công an và đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả công tác này.



Hình 1.9. Sơ đồ nghiên cứu của Luận án

Sơ đồ giải quyết các vấn đề của Luận án được trình bày trong **Hình 1.9**. Bước đầu tiên được thực hiện trong khuôn khổ nghiên cứu luận án đó là tổng quan vấn đề liên quan để xác định hướng nghiên cứu. Trên cơ sở đó, xác định khung quản lý thiên tai phù hợp với điều kiện Việt Nam và đề xuất các nội dung đánh giá hiệu quả công tác UPT. Luận án sử dụng quy trình và bộ tiêu chí xây dựng để đánh giá hiệu quả công tác UPT của Bộ Công an và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐÓNG GÓP VÀO CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA NGÀNH CÔNG AN

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Thu thập và phân tích tài liệu

Thu thập tài liệu là một công việc rất quan trọng trong hoạt động nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu tài liệu được Luận án sử dụng nhằm xem xét, đánh giá dữ liệu, tài liệu sẵn có (tài liệu thứ cấp) do các cá nhân, tổ chức nghiên cứu công bố dưới dạng tạp chí, sách chuyên khảo, báo cáo chuyên ngành. Yêu cầu đối với dữ liệu thứ cấp cần đảm bảo các điều kiện: (i) Tính cụ thể, có nghĩa dữ liệu phải rõ ràng, phù hợp mục tiêu nghiên cứu, có thể hỗ trợ cho việc phân tích vấn đề nghiên cứu, đồng thời nguồn dữ liệu thu thập rõ ràng; (ii) Tính chính xác, nguồn dữ liệu được thu thập có đủ độ tin cậy phục vụ cho mục đích nghiên cứu, độ tin cậy nguồn dữ liệu là những tiêu chuẩn cần xem xét khi thu thập dữ liệu thứ cấp; (iii) Tính thời sự, giá trị của dữ liệu sẽ bị giảm qua thời gian; (iv) Mục đích của dữ liệu: dữ liệu thu thập phục vụ cho một mục tiêu nghiên cứu cụ thể, vì vậy các dữ liệu có thể phù hợp cho mục tiêu nghiên cứu này nhưng lại có thể không phù hợp trong trường hợp khác do đó nghiên cứu cần xem xét cân nhắc khi sử dụng [14].

2.1.2. Quan sát thực tế có sự tham gia

Phương pháp quan sát tham dự là phương pháp thu thập thông tin bằng các tri giác như nghe, nhìn và cảm nhận được các đối tượng nghiên cứu khi các điều kiện và hoàn cảnh thực tế diễn ra tại cộng đồng, địa phương và xã hội nhằm đáp ứng mục tiêu của nghiên cứu. Phương pháp quan sát tham dự phản ánh sự tiếp cận của người nghiên cứu với cá nhân, các đối tượng và cộng đồng theo nguyên tắc: Cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng trao đổi những vấn đề cùng quan

tâm. Qua quá trình quan sát, lắng nghe người nghiên cứu sẽ ghi chép mô tả lại. Phương pháp quan sát tham dự giúp người nghiên cứu hiểu rõ hơn về kỹ thuật, hành vi và thái độ ứng xử của các đối tượng nghiên cứu và các tình huống mà trong các tài liệu thứ cấp không thể hiện được [11].

Sự đa dạng nguồn thông tin, chất lượng và giá trị nguồn thông tin thu thập phụ thuộc vào mức độ hợp tác, chia sẻ của các đối tượng nghiên cứu, cộng đồng, xã hội và nhóm nơi người nghiên cứu đến tham dự. Do vậy, các hoạt động quan sát thành công, khi người nghiên cứu thiết lập được môi trường thân thiện, cởi mở với các đối tượng nghiên cứu, khi đó nguồn thông tin thu thập mới đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy cao.

Với đặc thù là cán bộ tham gia trực tiếp trong công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an, tác giả Luận án trực tiếp tham gia, quan sát và ghi chép các hoạt động, phản ứng, mong muốn, khó khăn và hạn chế của các cán bộ chiến sĩ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN trong 10 năm qua và tại các tỉnh miền Trung trong đợt mưa, lũ từ đầu tháng 10 - 11 năm 2020.

2.1.2. Phỏng vấn bằng bảng hỏi

Một trong những khâu quan trọng nhằm thực hiện Luận án theo hướng từ dưới lên tiến hành thu thập thông tin trực tiếp những cán bộ Công an trực tiếp xây dựng và thực hiện công tác PCTT và TKCN. Luận án áp dụng phương pháp nghiên cứu sử dụng bảng hỏi để phỏng vấn và hỏi ý kiến của các cán bộ trong ngành Công an. Để xây dựng bảng hỏi hiệu quả, cần xác định được các nhóm đối tượng trọng tâm cần nghiên cứu. Các nội dung và trình tự cần thực hiện là:

- Nội dung khảo sát điều tra: Đây là vấn đề quan trọng nhất quyết định sự thành công hay thất bại của mục tiêu thu thập dữ liệu đặt ra. Trước khi xây dựng nội dung các bảng hỏi, tác giả tiến hành xác định rõ mục tiêu cần thu thập thông qua ý kiến của các chiến sĩ và cán bộ Công an. Thông qua tổng

quan và thu thập tài liệu, các nội dung cần được tiến hành điều tra và xin ý kiến bao gồm: (i) Hiểu biết của cán bộ chiến sĩ về BDKH nói chung và diễn biến của BDKH và thiên tai; (ii) Nhận định tác động của các dạng thiên tai, BDKH và thời tiết cực đoan trong thời gian gần đây (bao gồm cả các tác động đến ngành Công an); (iii) Nhận định về công tác PCTT và TKCN của ngành Công an; (iv) Các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác PCTT và TKCN trong điều kiện BDKH.

- Đối tượng tiến hành thực hiện phỏng vấn theo bảng hỏi: Luận án xác định 02 đối tượng chính là các cán bộ trực tiếp tham gia công tác PCTT và TKCN và các cán bộ quản lý để đánh giá.

- Phạm vi quy mô, địa điểm khảo sát điều tra: trong khuôn khổ của Luận án tiến sĩ, tác giả tiến hành bảng hỏi với cán bộ chiến sĩ Công an trực tiếp làm nhiệm vụ PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh Nghệ An và với cán bộ chiến sĩ Công an làm công tác quản lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tổng cộng đã có 50 phiếu khảo sát điều tra (*25 phiếu đối với cán bộ chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ PCTT và TKCN, 25 phiếu đối với cán bộ chiến sĩ làm công tác quản lý tại Nghệ An*) được sử dụng để tiến hành phân tích. Các nội dung phản ánh trong các mẫu phiếu điều tra này sau đó được mã hóa, tổng hợp, xử lý và đánh giá ý nghĩa thống kê của các số liệu thu thập được thông qua phần mềm Excel.

2.1.4. Phỏng vấn sâu

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng trong Luận án nhằm hiểu sâu, hiểu kỹ về nguyên nhân bản chất của các nguyên nhân dẫn đến những bất cập và thiếu sót trong công tác PCTT và TKCN của ngành Công an trong điều kiện BDKH. Các mong muốn, các thực hành phù hợp và các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng cũng như nâng cao hiệu quả công tác PCTT và TKCN của ngành Công an cũng thông qua phỏng

vấn sâu được dẫn luận và gợi mở. Phương pháp phỏng vấn sâu trong Luận án được thực hiện theo các bước: (1) *Xác định đối tượng phỏng vấn*; (2) *Nghiên cứu và chuẩn bị nội dung trao đổi*; (3) *Chuẩn bị phương tiện hỗ trợ*; (4) *Xử lý thông tin phỏng vấn*....

Luận án đã tiến hành phỏng vấn sâu tổng cộng 35 CBSC tham gia trong công tác lãnh đạo và xây dựng các chương trình/kế hoạch, quản lý và trực tiếp thực hiện UPBĐKH, PCTT và TKCN tại Nghệ An và Bộ Công an. Các bước thực hiện phỏng vấn sâu trong Luận án như sau:

Bước 1. Xác định đối tượng phỏng vấn:

Đối tượng phỏng vấn phải đảm bảo được tính đại diện và nắm giữ nhiều thông tin liên quan đến nội dung Luận án. Do đó, tác giả lựa chọn những chiến sĩ có những câu trả lời gợi mở, nhiều thông tin và tương đối đại diện cho các vùng, hay các vấn đề được đề cập đến trong giai đoạn thực hiện phỏng vấn theo bảng câu hỏi. Trong nhiều trường hợp, đối tượng phỏng vấn có thể được xác định thông qua phương pháp snowball sample (lấy mẫu theo mồm). Trong quá trình trả lời theo bảng hỏi, người trả lời có thể hướng nhóm phỏng vấn đến những người mà họ biết có nhiều kiến thức và thông tin có liên quan. Khi đó, tác giả sẽ thu thập các thông tin liên lạc của những người đó và sẽ tiến hành lựa chọn phụ thuộc vào vị trí, chức vụ, đơn vị công tác và sự thuận lợi trong quá trình liên lạc, cũng như các khâu chuẩn bị khác cho phỏng vấn. Số lượng người được phỏng vấn sâu phụ thuộc khả năng phát triển và tiếp cận các đối tượng của tác giả [25].

Bước 2. Nghiên cứu, chuẩn bị kỹ nội dung các câu hỏi trao đổi:

Từ mục tiêu, nội dung nghiên cứu của Luận án, NCS chuẩn bị các nội dung trao đổi sau:

- Thông tin cơ bản;

- Hiểu biết của CBCS về BĐKH nói chung và diễn biến của BĐKH trên địa bàn công tác của người được phỏng vấn;
- Tác động của BĐKH đến lực lượng CAND;
- Các hoạt động PCTT và TKCN mà các CBCS đảm nhiệm;
- Nhận định về các khó khăn và tồn tại trong công tác bảo đảm ANTT, PCTT và TKCN trong điều kiện hiện nay;
- Nhận định về các giải pháp nhằm cải thiện những khó khăn, thiếu hụt và nâng cao vai trò và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN.

Bước 3. Ghi chép phỏng vấn: Chuẩn bị sổ ghi chép, máy ảnh, máy ghi âm để phục vụ hoạt động ghi chép thông tin trao đổi, ...

Bước 4. Xử lý thông tin sau phỏng vấn: Sau mỗi đợt khảo sát phỏng vấn, kết hợp với nguồn thông tin có được từ các phương pháp khác, tiến hành đánh giá và chọn lọc các thông tin giá trị phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của Luận án và loại bỏ những thông tin không phù hợp, ...

2.2. Số liệu và tài liệu sử dụng trong Luận án

Số liệu về thiên tai ở Việt Nam, thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu, số liệu thu thập từ các phiếu điều tra khảo sát được sử dụng trong phân tích đánh giá. Ngoài ra, các tài liệu khác được thu thập cho Luận án bao gồm:

- Các tài liệu, nghiên cứu, sách và bài báo khoa học về một số mô hình tổ chức phòng, chống thiên tai trên thế giới; khái niệm và áp dụng quy trình quản lý thiên tai trên thế giới;
 - Đặc điểm khí hậu, biểu hiện và diễn biến của BĐKH, thiên tai (bão, lũ lụt, lũ quét, ...) ở Việt Nam;
 - Các Chương trình, Đề án, Chiến lược và các tài liệu/báo cáo về quản lý thiên tai tại Việt Nam của các cấp từ Trung ương đến địa phương;
- Để có thể phân tích, đánh giá và xây dựng cơ sở khoa học phục vụ đánh

giá hiện trạng, hiệu quả và đóng góp của ngành Công an trong thực hiện công tác PCTT và TKCN, Luận án đã thu thập, tổng hợp và phân tích các tài liệu, số liệu và thông tin đặc thù của ngành Công an.

Một số các tài liệu, báo cáo và thông tin như sau:

- Báo cáo Tổng kết công tác và kế hoạch UPBĐKH, PCTT và TKCN của Ban Chỉ đạo UPBĐKH, PCTT và TKCN: Từ năm 2010 đến năm 2020; và các Chỉ thị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai trong các năm và đợt thiên tai;

- Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, phương hướng và nhiệm vụ cho năm tiếp theo của các lực lượng/thành viên của Ban Chỉ đạo Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự Bộ Công an (*Cảnh sát giao thông, Cảnh sát PCCC&CNCH, Cảnh sát cơ động,....*);

- Các Phương án, báo cáo tổng kết thực hiện các phương án và các tài liệu có liên quan đến quá trình xây dựng và thực hiện các Phương pháp ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tại cấp quốc gia và công an địa phương/cấp tỉnh;

- Các báo cáo công tác ứng phó, cứu trợ, khắc phục trong các đợt thiên tai khốc liệt: đợt mưa lũ lịch sử tại Miền Trung năm 2020, ... Các báo cáo và thống kê về các thiệt hại và tác động của BĐKH và thiên tai đến cơ sở vật chất, hạ tầng, nguồn lực (gồm cả nguồn nhân lực) trong ngành Công an;

- Các Đề án, Chương trình và Quy hoạch phát triển của ngành Công an có liên quan đến UPBĐKH, PCTT và TKCN (bao gồm cả các quy hoạch và định hướng phát triển nguồn nhân lực, KHCN, Cơ sở hạ tầng, Trang thiết bị và công nghiệp an ninh, các chương trình tập huấn/diễn tập,...), như Quyết Định số 2230/QĐ-BCA-H41 về việc ban hành Kế hoạch khung chương trình hành động ứng phó với BĐKH của Bộ Công an giai đoạn 2013 - 2030, ngày

9/5/2013. Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó BDKH, PCTT và TKCN ngành Công an đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, ...;

- Các Văn bản, báo cáo và chia sẻ thông tin với các Bộ/ngành có liên quan trong công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN, như Công văn số 3330/BCA-H06 về việc báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về BDKH; Các văn bản pháp quy ban hành trong Bộ Công an về công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN;

- Các công trình nghiên cứu, đề tài và nhiệm vụ của Bộ Công an về UPT, như Đề tài nghiên cứu “*Đề xuất cơ cấu tổ chức, cơ chế phối hợp vận hành ứng phó các tình huống thiên tai*”;

- Tài liệu hướng dẫn và sổ tay hướng dẫn kỹ thuật các hoạt động nghiệp vụ của ngành Công an có liên quan đến UPBĐKH, PCTT và TKCN (ví dụ: Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai trong ngành Công an (ban hành năm 2021));

- Nội dung, kiến thức và các chương trình tập huấn về công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an;

- Thông tin và tài liệu về các chương trình hỗ trợ thực hiện UPBĐKH, PCTT và TKCN của Bộ Công đối với Công an các địa phương;

- Nội dung và các chương trình diễn tập UPBĐKH, PCTT và TKCN của các lực lượng trong Ban Chỉ đạo Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự Bộ Công an;

- Các tài liệu, số liệu có liên quan khác.

Các tài liệu, số liệu và thông tin này không chỉ phục vụ phân tích tổng quan hệ thống PCTT và TKCN của Việt Nam và ngành Công an, mà còn là nguồn số liệu và thông tin phục vụ công tác đánh giá hiện trạng và đóng góp của ngành Công an trong Chương 3 của Luận án. Ngoài ra, các tài liệu, số liệu và thông tin này là cơ sở quan trọng để đưa ra các các giải pháp đề xuất trong

Luận án.

2.3. Xây dựng phương pháp đánh giá hiện trạng và đóng góp vào công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an

2.3.1. Quy trình quản lý thiên tai 04 bước khép kín

Với các quy trình thực hiện quản lý rủi ro (thiên tai) trên thế giới được phân tích trong mục 1.1, Luận án nhận thấy quy trình quản lý khép kín với 04 giai đoạn được áp dụng bởi Ngân hàng ADB, chính quyền bang Queensland và Cơ quan Quản lý Khẩn cấp Liên bang Hoa Kỳ (FEMA) đã tập trung và đưa ra những yêu cầu cụ thể trong công tác phát triển và tái thiết sau thiên tai. Với mục tiêu xây dựng cơ sở khoa học trong đánh giá và phân tích đóng góp và hiệu quả của ngành Công an trong thực hiện PCTT và TKCN trong điều kiện BĐKH, Luận án lựa chọn áp dụng quy trình quản lý thiên tai khép kín 04 bước (Hình 2.1) như là nền tảng và cơ sở lý thuyết. Khung quản lý thiên tai khép kín 04 bước phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh Việt Nam. Đây sẽ là khung quản lý được áp dụng để xây dựng cơ sở khoa học (lý thuyết và thực tiễn) phục vụ đánh giá hiện trạng và hiệu quả đóng góp của ngành Công an trong nỗ lực thực hiện PCTT và TKCN.

Trong đó:

- *Phòng ngừa/Giảm thiểu (Mitigation)*: Đây có thể được xem là giai đoạn áp dụng các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép vào quy hoạch phát triển quốc gia, khu vực, ngành nhằm phòng chống hoặc giảm nhẹ tác động cũng như thiệt hại do thiên tai gây ra.

- *Chuẩn bị sẵn sàng (Preparation)*: Bao gồm việc xây dựng kế hoạch và/hoặc chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và phục hồi trước các tình huống khẩn cấp. Công tác này có thể thực hiện thông qua các chương trình tăng cường năng lực quản lý và kỹ thuật của Chính phủ, Bộ/ngành, tổ chức và cộng đồng. Việc chuẩn bị có thể bao gồm dự trữ thức ăn và nước, thành lập những đội

tình nguyện, giáo dục công dân và lên kế hoạch sơ tán, tổ chức các cuộc diễn tập ứng phó với thiên tai, chuẩn bị kế hoạch dịch vụ y tế khẩn cấp,....

- *Ứng phó với thiên tai (Response)*: Công tác ứng phó với thiên tai bao gồm các hành động thực hiện trong hoặc ngay sau tình huống khẩn cấp, bao gồm các nỗ lực cứu người và ngăn ngừa thiệt hại về tài sản. Trọng tâm trong giai đoạn ứng phó là đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân cho đến khi tìm được các giải pháp lâu dài và bền vững hơn. Các giải pháp hỗ trợ trong giai đoạn này có thể bao gồm: Sơ tán, tìm kiếm và cứu hộ, hỗ trợ phương tiện đi lại, cung cấp lương thực thực phẩm,... Giai đoạn này có thể vẫn tiếp tục ngay cả khi giai đoạn phục hồi có thể đã được bắt đầu.



Hình 2.1. Quy trình quản lý thiên tai khép kín cho Việt Nam

Nguồn: tham khảo và phát triển từ Sawalha, 2020 [31]

- *Phục hồi sau thiên tai (Recovery)*: Phục hồi bao gồm việc khôi phục, xây dựng lại khu vực bị ảnh hưởng. Mục đích của giai đoạn này là khôi phục môi trường, kinh tế, xã hội để đưa cộng đồng bị ảnh hưởng về trạng thái ban đầu và phát triển tái thiết hướng tới các điều kiện tốt hơn và bền vững hơn.

2.3.2. Cơ sở lý luận trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Cơ sở lý luận để đánh giá hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc và yêu cầu của

Luật phòng chống thiên tai của Việt Nam [9]. Trong đó, Luật đã xác định rõ các yêu cầu và quy định về:

- Xây dựng kế hoạch (Điều 15: Kế hoạch phòng, chống thiên tai - Chương II),

- Trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan (Điều 27: Trách nhiệm trong ứng phó thiên tai của các Bộ và Điều 44: Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về phòng, chống thiên tai - Chương II).

- Các yêu cầu về nguồn lực (Điều 23: Chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai - Chương II);

- Các nội dung về lồng ghép PCTT vào phát triển kinh tế - xã hội (Điều 16: Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, Chương II);

- Các biện pháp ứng phó và các hoạt động khi thiên tai diễn ra (Điều 25: Chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai; Điều 26: Các biện pháp cơ bản ứng phó thiên tai; và Điều 29: Hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trong ứng phó thiên tai - Chương II);

- Các hoạt động của giai đoạn khắc phục hậu quả và phục hồi (Điều 30: Hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai và Điều 30: Hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ);

Ngoài ra, Luận án cũng phân tích cơ sở của việc áp dụng quy trình quản lý thiên tai khép kín bao gồm 04 bước trình như Hình 2.1 thông qua việc phân tích cụ thể các yêu cầu chính trong việc thực hiện ứng phó với thiên tai. Các vấn đề cần đặc biệt quan tâm chính bao gồm: (1) Các yêu cầu về cơ cấu tổ chức thực hiện UPT; (2) Các yêu cầu về xây dựng và lập kế hoạch; (3) Các yêu cầu về nguồn lực; (3) Các yêu cầu về trình độ và kỹ năng trong thực hiện các hành động phục vụ quản lý thiên tai và thực hiện PCTT và TKCN.

1. Cơ cấu tổ chức thực hiện

ADB đưa ra các yêu cầu chính cụ thể về mặt tổ chức và cơ cấu thực hiện, một số yêu cầu đặt ra là:

- Cơ cấu tổ chức trong thực hiện PCTT và TKCN không trùng lặp với hoạt động và tổ chức chính phủ trong điều kiện bình thường;
- Không hoạt động tách rời và hoàn toàn độc lập với các hoạt động và tổ chức chính phủ trong điều kiện bình thường;
- Không vượt quá thẩm quyền hoặc các điều khoản tham chiếu được đưa ra theo quy định của các quốc gia và vùng lãnh thổ, trừ trong các trường hợp cực kỳ khẩn cấp và đặc biệt.

2. Xây dựng và lập kế hoạch

Một số yêu cầu và điều kiện cần thiết trong việc xây dựng và lập kế hoạch cho hệ thống quản lý thiên tai bao gồm: Số liệu và tài liệu phục vụ xây dựng và lập kế hoạch cần rõ ràng, đầy đủ và thống nhất giữa các bên tham gia; Cần xác định rõ ràng và chi tiết các nguồn lực thực hiện các kế hoạch (tất cả các cấp và các đơn vị có liên quan); Quan tâm tới các yếu tố về đào tạo, giám sát và đánh giá, cũng như những đánh giá và dự báo liên quan đến thiên tai và thiên tai trong tương lai; Việc duy trì, phát triển và cập nhật các kế hoạch PCTT cần phải được thực hiện thường xuyên;

Ngoài ra, để có thể đảm bảo được các yêu cầu nêu trên, ADB đặc biệt nhấn mạnh quan điểm trong xây dựng các kế hoạch, là việc tập trung vào các điều kiện của thực tế, hơn là tập trung đảm bảo tính phổ biến và các tiêu chuẩn/quy chuẩn chung.

3. Nguồn lực

Một trong những khó khăn và hạn chế trong PCTT là việc tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực trong quá trình thực hiện. ADB liệt kê một số điểm cần lưu ý và các yêu cầu cần đặc biệt quan tâm khi thực hiện quản lý và PCTT:

- Các nguồn lực (cả hiện tại và tiềm năng) phục vụ phòng chống và quản lý thiên tai cần phải được xác định, phân tích và đánh giá khả năng cung cấp kịp thời, mức độ và thời gian có thể cung cấp;

- Tổ chức phân bổ các nguồn lực cần rõ ràng, chính xác tránh trùng lặp và đảm bảo có khả năng đáp ứng các yêu cầu đặt ra khi các yêu cầu nguồn lực được sử dụng;

- Cần đảm bảo công tác thực hành khả năng cung cấp và phân bổ các nguồn lực;

- Cần đảm bảo các hệ thống thông tin chính xác trong việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực;

- Hệ thống quản lý các nguồn lực cần bao gồm các cơ quan trực thuộc chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, các tổ chức quốc tế và các tổ chức hoạt động tình nguyện;

- Cần đảm bảo kỹ năng của nguồn nhân lực trong quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác quản lý và PCTT.

4. Trình độ và kỹ năng

Một trong những thiệt hại liên quan trực tiếp đến thiên tai là nguồn nhân lực chưa được đào tạo và đủ kỹ năng và năng lực, đặc biệt là lực lượng tìm kiếm và cứu nạn. Do đó, những yêu cầu cụ thể liên quan đến trình độ và năng lực là vô cùng cần thiết và quan trọng. Một số yêu cầu cụ thể liên quan đến đảm bảo trình độ và kỹ năng của nguồn nhân lực bao gồm:

- Cần có các khung chính sách cụ thể và phù hợp trong xác định các nhu cầu đào tạo và đảm bảo nguồn ngân sách cho việc thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển các nguồn nhân lực;

- Các chương trình đào tạo cần phải đảm bảo sự tương thích và đảm bảo sự phù hợp với các kế hoạch và khả năng đáp ứng các yêu cầu khi thực hiện các hành động quản lý, PCTT và TKCN;

- Cần có sự tham gia của tất cả các bên có liên quan trong hệ thống tổ chức về PCTT và TKCN: Bao gồm cả các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, các tổ chức tình nguyện và các đối tượng khác;

- Việc thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển trình độ và kỹ năng cần thực hiện lồng ghép và kết hợp với các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai và thiên tai và các công tác PCTT có liên quan;

2.3.3. Cơ sở thực tiễn trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an

Chương I đã trình bày chi tiết tổng quan các nội dung liên quan đến hệ thống UPT của Việt Nam (cấp Quốc gia) và cấp tỉnh. Với mục tiêu xây dựng phương pháp phù hợp phục vụ đánh giá hiện trạng, khó khăn và những đóng góp của ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN, trong mục này tiến hành tổng hợp và phân tích yêu cầu cho phát triển hệ thống UPT của ngành Công an. Các yêu cầu cụ thể này được xem như là cơ sở thực tiễn nhằm đưa ra các nội dung chính cần xem xét và đánh giá. Các nội dung được đề xuất dựa trên kết quả tổng hợp và phân tích để đồng thời cùng với các yêu cầu theo hướng dẫn của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) (mục 2.3.1) và các yêu cầu cụ thể của Luật phòng, chống thiên tai của Việt Nam (mục 2.3.2).

1. Yêu cầu của công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn quốc gia

Căn cứ và các nội dung chi tiết và phân tích về hệ thống tổ chức, hiện trạng ứng phó các tình huống thiên tai của hệ thống PCTT và TKCN cấp quốc gia, Luận án tổng hợp từ tài liệu thu thập, phân tích và đưa ra một số yêu cầu phát triển của hệ thống như sau:

1) Cơ chế tổ chức thực hiện chưa thống nhất, một số địa phương chưa coi trọng xây dựng cơ chế phù hợp và tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập. Khi gặp thiên tai còn lúng túng trong việc chỉ huy PCTT, không đáp ứng được vai trò điều phối liên ngành, khó khăn trong phối hợp tổ chức.

2) Công tác chỉ đạo và chỉ huy phòng, chống các loại thiên tai khác nhau đang thuộc về nhiều Bộ, ngành chủ quản. Sự phân tán trong quản lý Nhà nước đối với PCTT dẫn tới một số tồn tại sau: Khó khăn trong phối hợp hành động khi xảy ra đồng thời nhiều loại thiên tai, sự cố khác; nguồn lực của Nhà nước bị phân tán, giảm hiệu quả.

3) Các thành viên của BCD QG về PCTT đều hoạt động kiêm nhiệm. Trong hoạt động của BCD QG về PCTT thiếu các quy chế phối hợp cụ thể giữa cơ quan thường trực với các cơ quan liên quan. Ví dụ: Nhiệm vụ thường trực của các BCH phòng chống thiên tai, phòng cháy và chữa cháy rừng, TKCN ở địa phương do Sở NNPTNT đảm nhận. Do không có cán bộ và lực lượng chuyên trách về TKCN nên chức năng chủ yếu chỉ là điều phối thông tin, báo cáo. Công việc triển khai công tác TKCN chủ yếu do lực lượng quân sự địa phương và các cơ quan TKCN liên quan thực hiện. Do vậy công tác TKCN không đảm bảo tính đồng bộ và kịp thời.

4) Công tác tuyên truyền vận động trong cộng đồng còn yếu, dẫn đến sự hợp tác, tham gia của người dân trong phòng tránh, ứng phó với thiên tai chưa đầy đủ, một bộ phận nhân dân còn chủ quan trong triển khai ứng phó với bão như: thực hiện không nghiêm lệnh cấm tàu thuyền ra khơi khi có bão, lệnh sơ tán ra khỏi vùng nguy hiểm đã dẫn tới thiệt hại về người và tài sản.

5) Thông tin liên lạc với tàu thuyền của ngư dân hoạt động trên biển gặp nhiều khó khăn do thiết bị liên lạc không đảm bảo, hoặc có trường hợp không hợp tác với chính quyền không liên lạc do giấu ngư trường,... nên khi bão xảy ra thông tin đến chậm, các cơ quan chuyên môn không thường xuyên cập nhật được thông tin nên việc chỉ huy, chỉ đạo ứng phó bão gặp khó khăn.

6) Công tác TKCN ở các cấp, các ngành địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu. Số lượng các loại phương tiện cứu hộ, cứu nạn ít, tàu không đủ lớn để ra biển ứng cứu khi có gió to sóng lớn. Phương tiện ứng cứu trong đất liền như

ca nô, xuồng, phao cứu sinh,... cũng không bảo đảm, đầy đủ. Lực lượng TKCN các cấp chưa đủ mạnh, tính chuyên nghiệp chưa cao. Công tác huấn luyện, diễn tập không thường xuyên, khi triển khai ứng phó bị động lúng túng.

7) Cơ chế ra quyết định còn thiếu sự đảm bảo sự tích hợp hỗ trợ cần thiết cả về phân tích dự báo, đánh giá thiên tai, đánh giá khả năng ứng phó,... nên nhiều quyết định đưa ra chưa thực sự xác thực và chuẩn xác.

8) Nguồn lực cho công tác PCTT, TKCN, khắc phục hậu quả vừa thiếu về chủng loại, số lượng vừa yếu về công năng, công suất. Chủ yếu được huy động từ vật tư, trang thiết bị của lực lượng vũ trang. Thiếu trang thiết bị chuyên dùng dẫn đến nhiều tình huống trở nên bất khả kháng. Tài chính cho khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai rất hạn chế về hạn mức, cứng nhắc về cơ chế huy động nên đôi khi không đáp ứng được yêu cầu.

2. Yêu cầu của lực lượng Công an trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

**/ Công tác chuẩn bị và phát triển nguồn lực*

- Chỉ có một số đơn vị là chuyên biệt và tập trung chủ yếu vào công tác UPĐKH, PCTT và TKCN, như: PV01, PC05, PK02, PC07, PC08, PC08B, PH01, PX01, các lực lượng còn lại đều là lực lượng kiêm nhiệm [3]. Công an các đơn vị, địa phương chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (chiếm trên 70%), biên chế ít, lực lượng chưa qua đào tạo cơ bản còn cao (chiếm khoảng 20% lực lượng), thiếu phương tiện, thiết bị chuyên dụng (hiện tại mới đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu).

- Chưa có quy định cụ thể về đào tạo, cấp chứng chỉ huấn luyện kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác UPT, nắm vững thao tác sử dụng thuần thục các trang thiết bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn trong thiên tai, sự cố nghiêm trọng cho các lực lượng.

- Chưa có chính sách khuyến khích các hoạt động khoa học công nghệ, thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực cho lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm trong phòng, chống và GNTT.

- Chưa có nhiều chương trình, đề án, dự án và đầu tư kinh phí cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sĩ giỏi đáp ứng yêu cầu công tác UPT.

- Công tác dự phòng vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ yêu cầu “4 tại chỗ” chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, đặc biệt là những vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất,....

- Điều kiện thao trường bãi tập, các đơn vị còn thiếu, chưa đảm bảo tốt cho nội dung huấn luyện kỹ năng UPT.

- Cơ chế chính sách, chế độ, quyền hạn, trách nhiệm của các lực lượng đơn vị, cá nhân tham gia chưa rõ ràng (cần phải thực hiện sớm).

- Chưa xây dựng phương án ứng phó thiên tai (trọng tâm là phương án ứng phó với các tình huống thiên tai khác nhau; phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội; an toàn giao thông trước trong và sau thiên tai).

**/ Công tác đảm bảo cơ sở hạ tầng thiết yếu cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn*

Căn cứ theo yêu cầu về tiêu chuẩn vật chất hậu cần CAND, tính tới năm 2015 và so sánh với thì hệ thống trụ sở, doanh trại của ngành Công an trong công tác UPT còn thiếu rất nhiều, cụ thể: (1) Trong toàn ngành cần phải xây dựng thêm 688.020m² nhà, trong đó diện tích nhà thiếu so với tiêu chuẩn là 313.568m². (2) Diện tích nhà đang phải thuê mượn để làm trụ sở làm việc là 17.097m², diện tích nhà tạm không đảm bảo công tác là 60.829,8m², và diện tích nhà cũ, hỏng cần phải nâng cấp, cải tạo là 296.525,51m² [3].

**/ Công tác đảm bảo phương tiện, trang thiết bị*

Qua điều tra đánh giá hiện trạng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật từ báo cáo các đơn vị địa phương: Gần như 100% các phương tiện, thiết bị kỹ thuật đã trang bị, đang được sử dụng khi có thiên tai, sự cố, tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu của công tác UPT. Cá biệt có những loại phương tiện chưa được đầu tư như xe lưỡng cư tìm kiếm cứu nạn, trạm công tác di động. Thêm vào đó, công tác trang bị và cung cấp phương tiện PCTT, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ vẫn còn chậm được bổ sung, phát triển, nhất là các trang thiết bị chuyên dụng, hiện đại.

**/ Các chính sách và chế độ đãi ngộ cho lực lượng CAND trong thực hiện PCTT và TKCN*

Một số hạn chế, bất cập về chính sách, chế độ đãi ngộ gồm: Chưa có tiêu chuẩn định mức trang bị cho các lực lượng thường trực chuyên trách, xung kích, dự bị tham gia PCTT và TKCN; chưa có quy định rõ ràng về lực lượng thường trực chuyên trách, lực lượng dự bị, lực lượng xung kích và lực lượng kiêm nhiệm; chưa đầy đủ chế độ chính sách, bồi dưỡng kinh phí cho các lực lượng này khi tham gia PCTT, TKCN, huấn luyện, diễn tập cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu huy động [3].

2.3.4. Nội dung đánh giá hiện trạng và đóng góp trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an theo quy trình khép kín 04 bước

Luận án đã xem xét các cơ sở về lý luận và thực tiễn bao gồm các yêu cầu đặt ra cho công tác PCTT và TKCN trong Luật phòng, chống thiên tai của Việt Nam, quan điểm và một số nội dung được đề cập trong các văn bản pháp quy khác của Việt Nam trong PCTT, UPBĐKH (xem mục 1.3.2) và các yêu cầu theo hướng dẫn của ADB (2008) trong quản lý thiên tai theo quy trình 04 giai đoạn khép kín [19]. Trong khi đó, các yêu cầu (mục 2.3.3) được xem xét

như cơ sở thực tiễn để xây dựng các Nội dung đánh giá đóng góp và hiệu quả của ngành/bộ trong thực hiện quy trình chung về PCTT và TKCN của Việt Nam, trong đó nhấn mạnh yếu tố về thời gian xảy ra thiên tai. 04 giai đoạn theo quy trình quản lý khép kín của ADB được xác định như sau:

* **Giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu:** Được xác định là khoảng thời gian mà Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và địa phương *xây dựng và thực hiện các hành động hàng năm khi chưa có các dự báo ngắn hạn* liên quan đến 3 loại hình thiên tai nêu trên. Trong đó tập trung vào các hành động và biện pháp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu xác suất xảy ra hiểm họa thiên tai trong tương lai và giảm thiểu tác động cũng như thiệt hại gây ra từ những hiểm họa không thể tránh khỏi.

* **Giai đoạn chuẩn bị:** Được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và địa phương *xây dựng và thực hiện các hành động khi có các dự báo ngắn hạn* liên quan đến thiên tai. Các hành động trong giai đoạn này sẽ tập trung nhiều vào việc xây dựng kế hoạch hoặc sự chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và phục hồi trước các tình huống khẩn cấp.

* **Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau:** Được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương và cộng đồng *thực hiện các hành động PCTT và TKCN trong và ngay sau khi thiên tai* liên quan đến 03 loại nêu trên xảy ra. Các hành động chính tập trung vào các nỗ lực cứu người và ngăn ngừa thiệt hại thêm về tài sản.

* **Giai đoạn phục hồi và tái thiết:** Được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương và cộng đồng *xây dựng và thực hiện các hành động* khôi phục, xây dựng lại khu vực bị ảnh hưởng, cũng như tiếp tục các nỗ lực ứng phó phù hợp đã được thực hiện trong giai đoạn trên.

Mặc dù các nội dung sử dụng để đánh giá hiện trạng cũng như hiệu quả hoạt động PCTT và TKCN của Bộ Công an được đề xuất phân chia theo 04

giai đoạn nêu trên. Tuy nhiên, trong thực tế, một hành động có thể được xem xét mang lại những những đóng góp và hiệu quả cho nhiều giai đoạn. Trong nhiều trường hợp các giai đoạn cũng có thể không thực sự được phân biệt quá rõ ràng về mặt thời gian.

Các nội dung đánh giá được đề xuất theo 04 nhóm: (i) *Cơ cấu tổ chức*; (ii) *Xây dựng và lập kế hoạch*, (iii) *Nguồn lực*, và (iv) *Trình độ và kỹ năng của lực lượng CAND* tham gia công tác PCTT và TKCN và tương ứng với 04 giai đoạn được xác định trong Luận án. Tuy nhiên, trong giai đoạn “Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau”, với đặc thù tập trung vào các giải pháp có tính thực hiện tức thời và theo các chương trình/kế hoạch về phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được xây dựng trong hai giai đoạn trước, các nội dung về “*Xây dựng và lập kế hoạch*” không được đưa ra phân tích và đánh giá trong giai đoạn này. Chương tiếp theo sẽ tiến hành đánh giá các hành động, đóng góp và hiệu quả của ngành Công an trong PCTT và TKCN. Chi tiết các nội dung cụ thể đề xuất cần xem xét và phân tích khi đánh giá hiện trạng, khó khăn và những đóng góp của ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN gồm:

1) Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Bảng 2.1. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu)

Nhóm	Nội dung
Cơ cấu tổ chức	Quy định về tổ chức bộ máy. Hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến công tác PCTT và TKCN được rà soát và cập nhật
	Đảm bảo sự thống nhất và thông suốt trong chỉ đạo và chỉ huy giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương
Xây dựng và lập kế hoạch	Mức độ cập nhật thông tin và tính sát thực của các kế hoạch
	Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành (gồm 6 nội dung quy định trong Khoản 5 Điều 15 của Luật PCTT)
	Kế hoạch thông tin, truyền thông và tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN

Nhóm	Nội dung
Nguồn lực	Phát triển và nâng cao khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (<i>lực lượng thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị</i>)
	Định kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư mới nhằm đảm bảo nguồn lực (<i>phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác - đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”</i>)
	Định kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư mới trang thiết bị của hệ thống thông tin liên lạc, cảnh báo và quản lý thông tin
	Hỗ trợ thực hiện xây dựng và nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác ở khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai và kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai
	Kế hoạch/dự kiến phân bổ nguồn lực tài chính cho các hoạt động hàng năm thực hiện phòng ngừa và giảm thiểu
	Cơ chế và tình hình thực hiện đãi ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN
Trình độ và kỹ năng	Trình độ của CBCS.
	Áp dụng KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN
	Hoạt động truyền thông và nâng cao năng lực của lực lượng CAND trong PCTT và TKCN.
	Đảm bảo hoạt động diễn tập các phương án phù hợp với các cấp độ rủi ro của sự cố, thiên tai

2) Giai đoạn chuẩn bị

Bảng 2.2. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn chuẩn bị)

Nhóm	Nội dung
Cơ cấu tổ chức và thể chế thực hiện	Đảm bảo thực hiện các chỉ đạo của cấp trên (các quy định, chương trình, kế hoạch, công điện,...)
	Rà soát và kiện toàn bộ máy BCH các cấp (<i>cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, ...</i>)
	Thực hiện trực ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ diễn biến của các loại hình thiên tai
	Phối hợp với các lực lượng đảm bảo các nhà máy thủy điện, các công trình thủy lợi vận hành theo đúng quy định /quyết định và kế hoạch của từng năm của BCH các cấp
Xây dựng và lập kế hoạch	Xây dựng và cập nhật các kế hoạch và phương án cụ thể về nguồn lực, phân công và phối hợp thực hiện (<i>kế hoạch phòng chống bão, lũ quét, sạt lở đất, ...</i>)
	Phối hợp xây dựng phương án phòng chống liên quan đến các rủi ro thứ cấp (<i>ví dụ rủi ro liên quan đến an toàn hồ chứa, nhà máy thủy điện, ...</i>)
	Lập kế hoạch về ngân sách và nguồn tài chính và xây dựng các phương án huy động kinh phí cho các hoạt động PCTT và TKCN đối với ngành Công an các cấp
Nguồn lực	Rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa chữa và bảo dưỡng nhằm đảm bảo nguồn lực (<i>phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác, đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”</i>)
	Khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (<i>thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị</i>)

Nhóm	Nội dung
	Đảm bảo hoạt động của hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin
Trình độ và kỹ năng	Khả năng tiếp nhận và xử lý các thông tin cảnh báo từ cộng đồng và các tổ chức/đơn vị có liên quan
	Khả năng tiếp nhận, phán đoán tình hình và phản ứng phù hợp kịp thời với các thông tin dự báo về thời gian, cường độ và phạm vi ảnh hưởng của thiên tai

3) Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai

Bảng 2.3. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai)

Nhóm	Nội dung
Cơ cấu tổ chức và thể chế thực hiện	Ban hành kịp thời và chính xác các mệnh lệnh, công điện khẩn nhằm thực hiện các hoạt động PCTT và TKCN
	Kết hợp và huy động các nguồn lực và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác PCTT và TKCN
	Khả năng phản ứng nhanh và chủ động trong triển khai các hành động PCTT và TKCN (<i>mức độ phù hợp và kịp thời của các quyết định chỉ huy điều hành ứng phó</i>)
Nguồn lực	Đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc
	Đảm bảo giảm thiểu các thiệt hại đến hoạt động sản xuất (<i>tham gia thu hoạch hoa màu, lúa, nuôi trồng thủy - hải sản</i>)
	Đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ công tác hỗ trợ ngay trong và sau thiên tai
	Đảm bảo thực hiện di dời kịp thời và hiệu quả các hộ gia đình bị ảnh hưởng.
	Đảm bảo ANTT, an toàn giao thông, công trình công cộng, vệ sinh môi trường và dân sinh trong điều kiện thiên tai
	Đảm bảo công tác cứu trợ và tiếp nhận cứu trợ
Trình độ và kỹ năng	Tổ chức ứng phó có hiệu quả, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN
	Ứng dụng KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN

4) Giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển

Bảng 2.4. Các nội dung đánh giá hiện trạng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an (Giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển)

Nhóm	Nội dung
Cơ cấu tổ chức và thể chế thực hiện	Rà soát xây dựng và bổ sung các chính sách trong đó có chính sách đãi ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN
Xây dựng và	Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch,

lập kế hoạch	quy hoạch phát triển ngành (<i>gồm 6 nội dung quy định trong Khoản 5 Điều 15 của Luật PCTT</i>) Xây dựng các kế hoạch khắc phục hậu quả; kế hoạch tái thiết phát triển
Nguồn lực	Đầu tư mới và nâng cấp các phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác, đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”
	Nâng cấp, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến cho các hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin
Trình độ và kỹ năng	Tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm, KHCN và tài chính trong thực hiện PCTT và TKCN
	Thực hiện các đề án, dự án và chương trình, kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn của lực lượng CAND nói chung và CA tỉnh Nghệ An nói riêng trong công tác PCTT và TKCN
	Tập trung phát triển KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan trong thực hiện công tác PCTT và TKCN

2.4. Thiên tai ở Việt Nam và xu thế trong điều kiện biến đổi khí hậu

Trong những năm cuối của thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, những biến đổi thời tiết khí hậu toàn cầu đã làm gia tăng các loại thiên tai. Tại Việt Nam những năm gần đây luôn xảy ra các hiện tượng thiên tai gây thiệt hại nặng nề về người, trong đó nổi bật là các dạng thiên tai bão, lũ và lũ quét. Ngoài ra các loại hình thiên tai khác như sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sương muối, mưa đá, cũng gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng và đời sống sản xuất của người dân. Theo thống kê của Văn phòng Ban Chỉ đạo QG về PCTT, trong khoảng 20 năm trở lại đây thì thiên tai nói chung đã làm 12.915 người chết và mất tích, trung bình mỗi năm 646 người. Riêng 10 năm từ 2007 đến 2017 số người chết và mất tích là 4.633 người, trung bình mỗi năm 463 người; trong đó số người chết do bão là 1.099 người chiếm 23,7%, do lũ 2.637 người chiếm 56,9%, do các thiên tai khác 776 người chiếm 16,7%.

Trong phạm vi của Luận án, tập trung phân tích các thiên tai bão, lũ lụt và lũ quét. Đây là 03 loại hình thiên tai chính và quan trọng mà lực lượng CAND đang trực tiếp thực hiện công tác PCTT và TKCN, cũng như thực hiện các giải pháp ứng phó với 03 loại hình này trong điều kiện BĐKH.

2.4.1. Bão

+/*Về phân bố bão*, ATNĐ: Trung bình hàng năm Việt Nam chịu ảnh hưởng của 5-6 cơn bão, ATNĐ, trong đó có 3-4 cơn đổ bộ trực tiếp và 1-2 cơn gây ảnh hưởng gián tiếp. Khu vực bão, ATNĐ đổ bộ nhiều nhất là các tỉnh Bắc Trung Bộ (19 cơn) và ít nhất là Nam Bộ (3 cơn) [17].

Bão, ATNĐ ảnh hưởng đến Việt Nam chủ yếu tập trung vào nửa sau của năm (từ tháng 7-11). Trong thời gian này thì từ tháng 6 đến tháng 8, bão có nhiều khả năng ảnh hưởng đến Bắc Bộ; từ tháng 9 đến tháng 11 bão thường gây ảnh hưởng đến Trung Bộ và Nam Bộ [17]; thời gian xảy ra nhiều trận bão, ATNĐ gây ảnh hưởng nhất là tháng 8 và tháng 9. Có thể kể đến các cơn bão lớn đổ bộ vào nước ta gây ảnh hưởng nghiêm trọng như bão Xangsane (tháng 9/2006), bão Lekima (9/2007), bão số 6 (tháng 9/2008),... [17].

+/*Phân bố gió*: Tốc độ gió lốc là một trong những yếu tố xác định mức độ tàn phá của bão, ATNĐ. Trong số các cơn bão, ATNĐ ảnh hưởng **trực tiếp** đến nước ta những năm gần đây thì gần một nửa gây gió mạnh cấp 6-7 trên đất liền chiếm 45%; số cơn gây gió mạnh cấp 12 trở lên chiếm 8%. Tất cả các cơn bão mạnh trong 20 năm qua đều đổ bộ vào các tỉnh ven biển Trung Bộ với tần suất giảm dần từ Bắc vào Nam.

+/*Phân bố mưa*: Phần lớn các cơn bão, ATNĐ khi ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam gây mưa với tổng lượng mưa dưới 300mm, chỉ có 7 cơn bão, ATNĐ gây mưa với tổng lượng mưa trên 300 mm. Như vậy có thể kết luận bão, ATNĐ khi ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam gây mưa với tổng lượng mưa tương đối lớn.

+/*Về điểm bất thường của bão*: Những năm gần đây, do ảnh hưởng của BĐKH nên bão diễn ra với rất nhiều điểm dị thường:

Dị thường về mùa bão: Mùa bão ở nước ta thường bắt đầu từ tháng 5-12, tuy nhiên những năm gần đây thì mùa bão lại kết thúc muộn. Ví dụ rõ nhất là mùa bão năm 2006, 2007, 2016, 2020 đều kết thúc muộn vào tháng 01 năm sau.

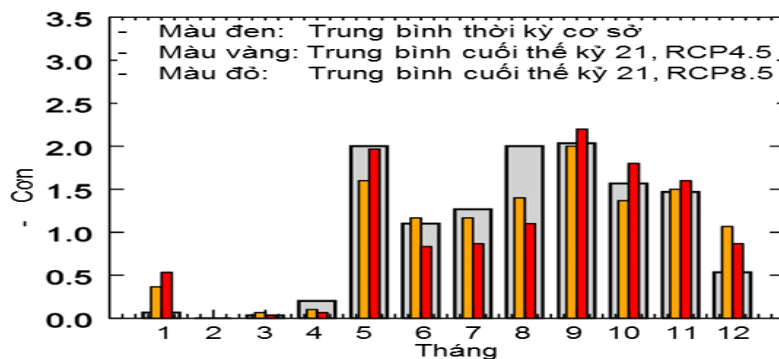
Bão có cường độ mạnh: Số lượng các cơn bão mạnh có xu thế gia tăng, cấp độ bão ngày càng mạnh, tần suất bão mạnh trùng với triều cường có xu hướng tăng. Điển hình nhất là cơn bão số 6 (Xangsane) năm 2006. Đây là một trong số những cơn bão có cường độ mạnh nhất khi đổ bộ vào đất liền trong vòng mấy chục năm qua. Sức gió vùng gần tâm bão Xangsane mạnh cấp 11, cấp 12, giật cấp 13, cấp 14. Sau bão, mưa đã gây lũ trên các sông từ Quảng Ngãi đến Nghệ An, trong đó các tỉnh từ Nghệ An đến Thừa Thiên - Huế có lũ lớn, ngập lụt trên diện rộng.

Bão có quỹ đạo di chuyển dị thường: Quỹ đạo có xu hướng dịch chuyển dần về các vĩ độ phía Nam và xuất hiện nhiều cơn bão có quỹ đạo di chuyển dị thường. Có thể kể đến như bão Sơn Tinh năm 2012 có tốc độ di chuyển ban đầu rất nhanh lên tới 25-30 km/h khi vào Biển Đông và được các chuyên gia khí tượng đánh giá, là “cơn bão nhanh nhất trong gần 10 năm qua”. Ngày 26/10/2012, cơ quan khí tượng cảnh báo bão sẽ đổ bộ vào khu vực miền Trung (từ Quảng Bình tới Quảng Trị). Tuy nhiên, đến ngày 27/10/2012, khu vực đổ bộ của bão vẫn chưa thể xác định, đường đi thay đổi, cường độ bão tăng, có lúc đạt cấp 14 - cấp siêu bão. Một ngày sau, bão đổ bộ trực tiếp vào các tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng và Quảng Ninh. Bão Sơn Tinh với sức gió mạnh và lượng mưa lớn đã gây ra thiệt hại nặng nề về tài sản hơn 7.500 tỷ đồng.

- Xu thế bão ở Việt Nam theo Kịch bản BĐKH:

Về tần suất các cơn bão: Theo kịch bản RCP8.5, vào cuối thế kỷ bão và ATNĐ hoạt động và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng giảm về tần suất.

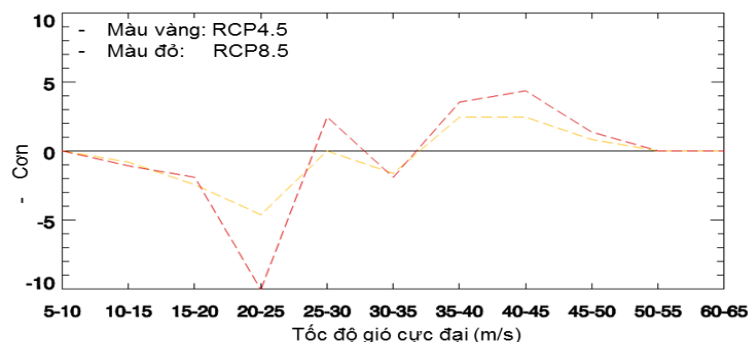
Với kịch bản RCP4.5, mô hình PRECIS cho kết quả dự tính số lượng bão và ATNĐ có xu thế ít biến đổi. Kết quả tính toán từ mô hình PRECIS cho thấy số lượng bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông có xu thế giảm trong các tháng đầu mùa bão (tháng 6, 7, 8) ở cả 2 kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 nhưng lại có xu thế tăng ở cuối mùa bão, đặc biệt là ở kịch bản RCP8.5. Như vậy, hoạt động của bão và ATNĐ có xu thế dịch chuyển về cuối mùa bão, thời kỳ mà bão hoạt động chủ yếu ở phía Nam [6].



Hình 2.2. Dự tính số lượng bão và áp thấp nhiệt đới thời kỳ cuối thế kỷ so với thời kỳ cơ sở (theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5)

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016 [6]

Về cấp độ: Nếu phân chia cấp độ, số lượng bão yếu và trung bình có xu thế giảm trong khi số lượng bão mạnh đến rất mạnh lại có xu thế tăng rõ rệt (Hình 2.2 và Hình 2.3).



Hình 2.3. Biến đổi của bão và áp thấp nhiệt đới vào cuối thế kỷ so với thời kỳ cơ sở (theo kịch bản RCP4.5 và RCP8.5)

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016 [6]

2.4.2. Lũ và ngập lụt

Trong các loại thiên tai ở Việt Nam, lũ lụt là loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra, gây thiệt hại lớn nhất và làm ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế - xã hội. Lũ lụt ở nước ta có đặc điểm riêng và mức độ thiệt hại phân theo từng khu vực lãnh thổ.

Vùng hay xảy ra lũ, lụt và thiệt hại nhiều nhất cả nước hàng năm là miền Trung do số lượng các cơn bão đổ bộ vào khu vực này thường lớn nhất cả nước và lũ thường lên nhanh, rút nhanh, tốc độ dòng chảy lớn gây hậu quả nghiêm trọng. Điển hình như năm 2005, 2009, 2020 đã liên tiếp diễn ra nhiều đợt mưa, lũ lớn ở các tỉnh miền Trung:

Vùng đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ tuy có hệ thống đê điều và các hồ chứa điều tiết nước nhưng một khi xảy ra thiên tai do lũ cực đoan vượt quá khả năng chống đỡ của các công trình gây vỡ đê ở hạ du thì thảm họa sẽ vô cùng lớn.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long thường đối mặt với nhiều trận lũ lụt lớn liên tiếp như các năm 2000, 2001, 2002. Tuy nhiên vì lũ lụt ở đây lên xuống từ từ nên dù ảnh hưởng đến mật độ dân cư lớn và phạm vi rất rộng, thời gian kéo dài nhưng tác động không ác liệt như lũ ở miền Trung.

Lũ lụt ở miền núi và Tây Nguyên thường mang đặc điểm lũ núi, lũ quét, lên nhanh, rút nhanh, tác động ác liệt nhưng trên phạm vi hẹp.

- Xu thế về lũ lụt ở Việt Nam theo Kịch bản BĐKH

Nguy cơ ngập: Theo Kịch bản BĐKH, đến cuối thế kỷ XXI, nếu mực nước biển dâng do BĐKH dâng cao 100 cm thì các vùng trong cả nước sẽ bị ngập nặng nề, cụ thể [6]:

+ Đồng bằng sông Hồng và tỉnh Quảng Ninh: 13,20% diện tích đồng bằng sông Hồng có nguy cơ bị ngập, trong đó, tỉnh Nam Định có thể bị ngập lên tới 43,67% diện tích; 1,94% diện tích tỉnh Quảng Ninh có nguy cơ bị

ngập, trong đó, 23,21% diện tích thị xã Quảng Yên có thể bị ngập;

+ Dải ven biển miền Trung từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Bình Thuận: Khoảng 1,53% diện tích đất các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận có nguy cơ bị ngập, trong đó, tỉnh Thừa Thiên Huế có 5,49% diện tích nằm trong vùng cảnh báo nguy cơ ngập;

+ Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Khoảng 17,15% diện tích Tp. Hồ Chí Minh, khoảng 4,84% diện tích tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nguy cơ bị ngập;

+ Đồng bằng sông Cửu Long: Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực có diện tích chịu nguy cơ ngập cao nhất 31,84% diện tích, trong đó, cao nhất là tỉnh Kiên Giang với 70,89% diện tích có nguy cơ ngập.

Lượng mưa: Mưa lớn là nguyên nhân chủ yếu gây ra lũ lụt. Theo cả hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5, lượng mưa năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước trong các giai đoạn giữa và cuối thế kỷ, riêng khu vực ven biển Đông Bắc mức tăng lượng mưa luôn lớn hơn mức phổ biến từ 10÷20%. Theo quy luật, các trận mưa cực lớn (lượng mưa 100-200mm/ngày) thường xảy ra vào các tháng trong mùa mưa. Tuy nhiên, trong một vài năm gần đây, mưa lớn có thể xuất hiện bất kỳ tháng nào trong năm và mưa cực lớn vẫn có thể xảy ra vào các tháng ít mưa. Điển hình là đợt mưa cực lớn xảy ra ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ từ 31/10 đến 2/11/2008 gây ngập lụt nghiêm trọng đối với các tỉnh, đặc biệt là thủ đô Hà Nội. Mưa lớn càng nhiều thì lũ lụt càng gia tăng và thiệt hại càng nặng nề hơn, điển hình là những trận lũ chồng lên lũ trong các năm 2007, 2009, 2010, 2011 và 2020 xảy ra ở khu vực miền Trung [6].

2.4.3. Lũ quét

Các khu vực thường xảy ra lũ quét là những khu vực miền núi thuộc Bắc Bộ và miền Trung, Tây Nguyên.

- Ở miền Bắc lũ quét tập trung vào đầu mùa (tháng 6, 7, 8) và thường xảy ra ở các địa điểm như: Huyện Phong Thổ, thị xã Lai Châu tỉnh Lai Châu; huyện Mường La - Sơn La; Điện Biên; Sa Pa, Cam Đường, Bát Sắt, Bảo Thắng (hữu ngạn sông Thao), Bảo Yên (Tả ngạn sông Thao),... thuộc tỉnh Lào Cai; Mù Cang Chải - Yên Bái; Phở Yên, Đại Từ, Đình Cả, Võ Nhai thuộc tỉnh Thái Nguyên và các lưu vực sông suối nhỏ thuộc Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Quảng Ninh,...

- Miền Trung và Tây Nguyên lũ quét tập trung vào các tháng 10-12 (nhất là tháng 10) và thường xảy ra ở lưu vực các sông Ngàn Phố (Hà Tĩnh), Đại Giang (Quảng Bình), Thu Bồn (Quảng Nam), sông Ba, sông Đăkbla, sông Sê San, Sêrêpôc cho đến các vùng ít mưa như sông Cái Phan Rang, sông Luỹ, Cà Ty (Bình Thuận),...

- Lũ quét xảy ra ở các lưu vực sông suối nhỏ miền núi, độ dốc lớn, trong thời gian ngắn (3-6 giờ) nhưng thiệt hại vô cùng nghiêm trọng và mang tính hủy diệt. Điển hình như trận lũ ở Mù Cang Chải (Yên Bái) năm 2017 bắt nguồn từ dòng Kim Nội (theo tiếng Thái là suối nhỏ) đã gây ra trận lũ quét khủng khiếp ở thị trấn Mù Cang Chải đêm 3/8, ước tính thiệt hại trên 540,44 tỷ đồng.

- Lũ quét gây sạt lở nghiêm trọng diễn ra ngày càng nhiều. Có thể kể đến như vụ sạt lở nghiêm trọng ở Sa Pa (Lào Cai) năm 2000 làm 20 người chết, 29 người bị thương; lũ quét, sạt lở đất nặng nề tại thành phố Hạ Long (Quảng Ninh) năm 2015 làm 8 người trong một gia đình tử vong,... [15,16].

- Xu thế lũ quét ở Việt Nam theo Kịch bản BĐKH

Mưa và các hình thế thời tiết gây mưa: Lũ quét xảy ra đều do các hình thế thời tiết điển hình gây mưa lớn mà trong đó thường có mưa lớn diện rộng. Những hình thế này lại chính là do các tác nhân như bão, các yếu tố hình

thành do biến đổi khí hậu gây ra nên nguy cơ về lũ quét trong bối cảnh mới ngày càng nghiêm trọng, khó lường.

Những biểu hiện của ảnh hưởng của BĐKH đối với lũ quét:

- Xuất hiện những địa điểm lũ quét mới không ngờ tới;
- Mưa cường độ lớn, tập trung trong thời gian ngắn, diện mưa hẹp, không có trạm quan trắc xảy ra ngày càng nhiều dẫn đến lũ quét bất ngờ, không kịp ứng phó;
- Mức độ ác liệt của lũ quét có xu hướng tăng về cường độ kéo theo sự tàn phá ngày càng nghiêm trọng hơn;
- Có xu hướng lặp lại các trận lũ quét tại cùng một địa điểm đã xảy ra.

2.4.4. Thách thức của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Các tồn tại nêu trên trong việc thực hiện công tác PCTT và TKCN sẽ tiếp tục là thách thức trong bối cảnh BĐKH. Như đã phân tích trong Chương 2, BĐKH sẽ làm gia tăng thiên tai cả về tần suất xuất hiện và cường độ. Do đó, việc triển khai công tác PCTT và TKCN sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Như trên đã phân tích, trong những năm qua, BĐKH đã diễn ra nhanh và xu thế này còn được dự tính tiếp tục diễn ra nhanh hơn trong thế kỷ 21 theo các phương án kịch bản biến đổi khí hậu [6]. Biến đổi khí hậu khiến tính chất mùa (về mặt khí hậu) thay đổi, gia tăng cường độ và tần suất các hiện tượng cực đoan, xuất hiện nhiều hiện tượng cực đoan trái quy luật và khó dự báo hơn. Thách thức do BĐKH gây ra đến từ sự gia tăng tác động của khí hậu và thiên tai. Trong đó, tác động của BĐKH thường nhìn nhận bài toán này theo hai khía cạnh: (1) Tác động của khí hậu biến đổi từ từ (hay biến đổi chậm), chẳng hạn sự tăng lên dần của nhiệt độ, sự giảm đi dần của tổng lượng mưa năm, sự dịch chuyển dần của mùa mưa, mùa nóng, mùa lạnh, hoặc sự dâng lên dần của mực nước biển, ...; (2) Tác động của sự biến đổi về mức độ dao động của

khí hậu, hay sự biến đổi của biên độ và tần số dao động nhiều năm của các yếu tố và hiện tượng khí hậu. Sự biến đổi này liên quan chặt chẽ với sự biến đổi của các hiện tượng khí hậu cực đoan. Chẳng hạn, do biên độ dao động của nhiệt độ tăng lên nên số ngày nắng nóng cũng như cường độ của các đợt nắng nóng sẽ tăng lên, kéo dài hơn, số ngày rét đậm, rét hại giảm đi nhưng các đợt rét đậm, rét hại với cường độ mạnh hơn (hay rét sâu hơn) cũng có thể tăng lên,... Sự biến đổi trong dao động mực nước biển cũng là một vấn đề rất đáng quan tâm.

Đối với đặc thù là công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an, thách thức do BĐKH mang lại được thể hiện qua các khía cạnh cơ bản:

(1) Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ Chính phủ giao cho Bộ Công an trên các lĩnh vực: Ứng phó với biến đổi khí hậu; Phòng chống thiên tai; Cứu nạn, cứu hộ; Tai nạn thương tích và sự thay đổi nhân sự của Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Công an đã thành lập Ban Chỉ đạo U'PV'ĐKH, PCLB và TKCN Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao trên cả 04 lĩnh vực: Ứng phó với biến đổi khí hậu; Phòng chống thiên tai, lụt bão; Cứu nạn, cứu hộ và Tai nạn thương tích.

Thực hiện Nghị định số 02/NĐ-CP, ngày 02/01/2019 của Chính phủ về Phòng thủ dân sự và Quyết định số 1042/QĐ ngày 19/8/2019 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 02 về Phòng thủ dân sự; Bộ Công an đã thành lập Ban Chỉ đạo Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự Bộ Công an (viết tắt là Ban Chỉ đạo U'PT/BCA) để thống nhất chỉ đạo xuyên suốt công tác U'PT từ Bộ tới Công an các đơn vị, địa phương; Thường trực Ban Chỉ đạo là Văn phòng Bộ (V01) hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy U'PT của Công an các đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu

nạn và phòng thủ dân sự (PTDS). Như vậy, có thể thấy từng bước Bộ Công an đã hoàn thiện bộ máy tổ chức về công tác UPT và PTDS. Tuy nhiên, trước sự khó lường của thiên tai dưới tác động của BĐKH, cơ cấu tổ chức này vẫn tồn tại bất cập và sẽ càng là thách thức trước sự thay đổi của thiên tai.

(2) Sự gia tăng thiên tai (bão, ngập lụt và lũ, lũ quét, ...) và thiệt hại do thiên tai trong những năm qua và được dự tính có nguy cơ nghiêm trọng hơn trong thế kỷ 21 theo các phương án kịch bản BĐKH là thách thức nghiêm trọng nhất đối với công tác PCTT và TKCN nói chung, công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an nói riêng. Như đã phân tích trên, hệ quả của BĐKH là gia tăng dao động khí hậu (các cực đoan khí hậu và thiên tai) và khó dự báo hơn. Trong những năm gần đây, các thiên tai này thường xảy ra ở diện rộng và gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, trong thời gian tương đối dài, đặc biệt là đối với khu vực miền Trung. Thiên tai sẽ có thể gây tác động đến cơ sở hạ tầng của công tác PCTT và TKCN của ngành Công an. Hiện nay, cơ sở hạ tầng của ngành còn chưa đủ về số lượng và chưa đáp ứng được về yêu cầu công nghệ. Tác động của thiên tai ngày càng gia tăng trong điều kiện BĐKH sẽ càng gây trở ngại đến công tác PCTT và TKCN của ngành Công an.

(3) Hiện nay, công tác dự báo thiên tai (bão, ngập lụt và lũ, lũ quét,...) đang là thách thức lớn nhất của Ngành KTTV, do vậy cũng là thách thức đối với công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an. Trong đó, khu vực miền Trung là khu vực chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất của các thiên tai này; vì ở đây, thủy điện phần lớn là quy mô vừa và nhỏ trên những con sông có độ dốc lớn, lưu vực sông hẹp nên rất ảnh hưởng đến hạ lưu khi xảy ra sự cố. Điều này dẫn đến các thách thức đối với nguồn lực dành cho PCTT và TKCN của Bộ Công an. Lực lượng CBCS sẽ cần được tăng cường cả về số lượng và chất lượng để có thể đáp ứng kịp thời điều kiện thực tế. Trang thiết bị dành cho PCTT và

TKCN cũng đang dần lạc hậu so với yêu cầu cũng như sự gia tăng tính phức tạp của thiên tai.

(4) Công an các đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng, triển khai các phương án, kế hoạch và tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập công tác ứng phó với các tình huống thiên tai, lụt bão phù hợp với đặc điểm địa lý của từng địa bàn cụ thể. Công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an dựa trên thông tin dự báo hạn ngắn (thời tiết), hạn vừa và hạn dài của Tổng cục Khí tượng Thủy Văn. Trong đó, thông tin dự báo hạn ngắn, đặc biệt đối với các thiên tai (bão, ngập lụt và lũ, lũ quét) được cập nhật liên tục và tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, các bản tin hạn vừa và hạn dài về các thiên tai này vẫn mang tính chung chung và chưa cụ thể. Do vậy, công tác lập kế hoạch PCTT và TKCN cũng gặp phải những khó khăn nhất định.

(5) Công tác ứng phó với BĐKH được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá tác động của BĐKH một cách định lượng. Tuy nhiên, các nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH hiện nay vẫn khá chủ quan và chưa đầy đủ. Đặc biệt, đối với công tác PCTT và TKCN, các đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực này còn nhiều hạn chế.

(6) Tác động của BĐKH từ từ và khó nhận thấy, dẫn đến công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an hiện nay có thể không phù hợp với một điều kiện khí hậu mới trong tương lai. Do đó, công tác tuyên truyền, đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng của CBCS trong PCTT và TKCN sẽ cần liên tục đổi mới và nâng cao để có thể phù hợp với diễn biến của thiên tai trong điều kiện BĐKH.

2.5. Kết luận Chương II

Căn cứ vào những phân tích tổng quan trong Chương 1 về quy trình quản lý hiểm họa trên thế giới, Chương 2 đề xuất áp dụng quy trình khép kín 04 bước để đánh giá được hiện trạng và hiệu quả cũng như đóng góp của

ngành Công an trong công tác PCTT và TKCN. Các yêu cầu về cơ sở lý thuyết cho khung 04 bước khép kín này bao gồm các yêu cầu đặt ra cho công tác PCTT và TKCN trong Luật phòng, chống thiên tai của Việt Nam và các yêu cầu theo hướng dẫn của ADB (2008) trong quản lý thiên tai theo quy trình 04 giai đoạn khép kín. Các cơ sở về thực tiễn được phân tích dựa trên hiện trạng và cơ chế thực hiện công tác PCTT và TKCN của Bộ Công an.

Luận án tiến hành đề xuất các nội dung phục vụ công tác đánh giá hiện trạng và sự đóng góp có hiệu quả của ngành Công an theo 04 giai đoạn khép kín. Căn cứ vào các yêu cầu về lý luận và thực tiễn của công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN của ngành Công an, Luận án đã đề xuất các nội dung đánh giá theo 4 nhóm: (i) Cơ cấu tổ chức; (ii) Xây dựng và lập kế hoạch, (iii) Nguồn lực, và (iv) Trình độ và kỹ năng của lực lượng CAND tham gia công tác UPT. Chương tiếp theo sẽ tiến hành đánh giá hiện trạng đóng góp và hiệu quả của ngành Công an vào nỗ lực chung của quốc gia trong PCTT và TKCN.

Các nội dung cụ thể được đề xuất/xây dựng trong mục 2.3.4 sẽ được thực hiện thông qua các phương pháp nghiên cứu, cụ thể là: Thu thập và phân tích tài liệu, quan sát thực tế có sự tham gia, phỏng vấn bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu. Với cách tiếp cận kết hợp từ trên xuống và từ dưới lên, công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN tại cấp Bộ Công an và cấp địa phương (tỉnh Nghệ An) sẽ được phân tích và đánh giá đồng thời và lồng ghép. Trong đó bao gồm cả những đánh giá và nhận định được nêu trong báo cáo của Bộ Công an, các Bộ ngành và đơn vị khác có liên quan.

**CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP
TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN NGÀNH CÔNG AN
TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

3.1. Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tiếp cận từ trên xuống

Trong mục này tác giả tập trung đánh giá hiện trạng công tác PCTT và TKCN của ngành Công an dựa trên các tài liệu thu thập được và ý kiến của các cán bộ đang trực tiếp tham gia chỉ đạo và thực hiện các hoạt động PCTT và TKCN, cụ thể tập trung vào phạm vi của Luận án với 03/21 loại hình thiên tai chính là bão, lũ lụt và lũ quét và phân chia theo 04 Giai đoạn: (1) Giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu; (2) Giai đoạn chuẩn bị; (3) Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai; (4) Giai đoạn phục hồi và tái thiết.

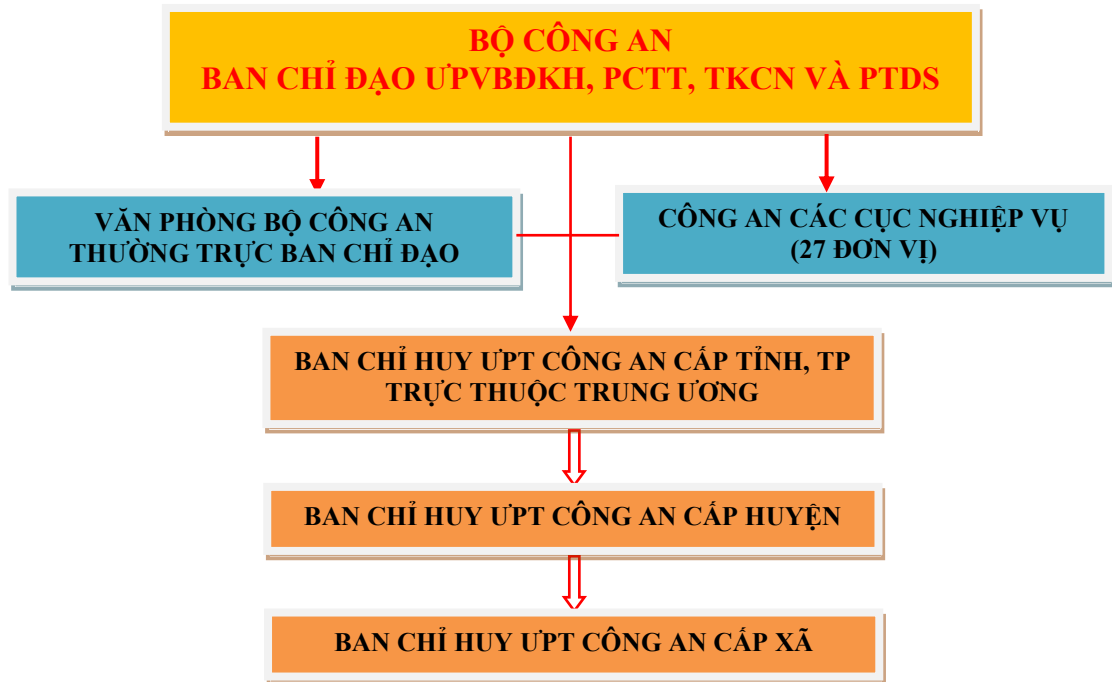
3.1.1. Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Như đã xác định trong mục 2.3.4 các nội dung đánh giá hiện trạng và đóng góp trong thực hiện PCTT và TKCN của ngành Công an theo quy trình khép kín 04 bước. Giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu sẽ tập trung vào việc xây dựng và thực hiện các hành động hàng năm khi chưa có các dự báo ngắn hạn liên quan đến 03 loại hình thiên tai nêu trên. Các nội dung tiếp theo của mục này sẽ phân tích hiện trạng và hiệu quả của các hành động PCTT và TKCN của Bộ Công an.

1. Cơ cấu tổ chức

Hình 3.1 Mô tả bộ máy hoạt động công tác UPBĐKH, PCTT, TKCN và PTDS của ngành Công an. Có 2 nội dung được phân tích và đánh giá, gồm: (1) Rà soát và cập nhật hệ thống văn bản pháp quy có liên quan; (2) Đảm bảo sự thống nhất và thông suốt trong phân công, chỉ đạo và chỉ huy

giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương và cấp cơ sở/cộng đồng;



Hình 3.1. Sơ đồ mô tả tổ chức bộ máy hoạt động công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an từ cấp Bộ đến cấp xã

Bộ Công an đã ban hành một số văn bản pháp quy về UPT có thể được xem xét là các hành động nhằm hướng tới cập nhật, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến UPT cũng như đảm bảo công tác phân công, chỉ đạo và chỉ huy [4]. Hàng năm, Bộ Công an xây dựng các báo cáo đánh giá kết quả và những khó khăn, hạn chế trong thực hiện UPT của năm trước và đề xuất kế hoạch công tác cho năm sau. Các nội dung về ứng phó với BDKH và các tác động BDKH luôn được lồng ghép và đánh giá đầy đủ trong các báo cáo và kế hoạch công tác này. Ngoài ra, hàng năm Bộ Công an cũng tiến hành tổ chức các đoàn kiểm tra công tác PCTT theo kế hoạch của BCH Quốc gia tại BCH PCTT và TKCN tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2021, Bộ Công an đã ban hành Thông tư Quy định về tổ chức ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN trong CAND; Xây dựng 05 Kế hoạch PTDS các lĩnh vực của lực lượng CAND: 01 Kế hoạch PTDS của lực lượng Công an nhân dân trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành; xây dựng 04 Kế hoạch PTDS do 04 đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an xây dựng và trình Bộ trưởng duyệt, ký ban hành; tham mưu kiện toàn thành viên BCĐ UPT/BCA, ban hành quy chế làm việc của BCĐ UPT; ban hành và triển khai thực hiện nhiều kế hoạch lên quan trực tiếp đến công tác PCTT và TKCN, điển hình là kế hoạch về “Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy mùa khô và hỗ trợ Nhân dân vùng hạn mặn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long”, “Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về phòng, chống thiên tai (15-22/5) hàng năm”, “Triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư”,...

BCĐ UPT/BCA hàng năm đều ban hành Kế hoạch hoạt động, trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm và phân công trách nhiệm cụ thể cho Công an các đơn vị, địa phương trong công tác UPT và PTDS; thường xuyên tổ chức họp trực tuyến giữa các thành viên BCĐ với các đơn vị, địa phương liên quan để chủ động ứng phó với thiên tai.

Thêm vào đó các đơn vị chức năng, đặc biệt là Công an các địa phương đã cụ thể hóa các chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, rà soát và bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của địa phương mình. Các cấp và địa phương tham gia công tác PCTT và TKCN hàng năm thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các phương án, quán triệt, nhất quán và thực hiện nghiêm túc phương châm “4 tại chỗ” và phương châm “3 sẵn sàng”.

Như vậy có thể thấy, trong giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu, các nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức, hệ thống văn bản pháp quy nhằm thực hiện PCTT và TKCN, đặc biệt trong điều kiện BĐKH, Bộ Công an đã luôn

quan tâm và văn bản hóa: (1) Cụ thể hóa chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ bằng các kế hoạch, chương trình hành động sát với nhiệm vụ chính trị và thực tiễn công tác phòng, chống thiên tai của đơn vị, địa phương. (2) Rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương án của lực lượng Công an trong ứng phó với thiên tai, nhất là tại các địa bàn thường xuyên bị ảnh hưởng bởi bão, mưa lũ, sạt lở đất. (3) Tăng cường nắm địa bàn, nắm hộ, nắm người tại cơ sở để chủ động trong công tác vận động, tuyên truyền Nhân dân PCTT; phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp kiểm tra, phòng ngừa, khắc phục triệt để nguy cơ gây thiệt hại về người và tài sản khi có thiên tai.

Tuy nhiên, các văn bản pháp quy nêu trên thường tập trung vào phân công các đơn vị thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, trong khi đó trong nhiều trường hợp và tình huống, điều kiện hiện tại của các đơn vị chức năng không thực sự thuận lợi để thực hiện hoàn toàn theo các chỉ đạo ở cấp trên, ngoài ra, các điều kiện khách quan như những thay đổi về mặt xã hội, thời tiết (*dự báo dài hạn*) và các yếu tố khác. Do đó, trong nhiều tình huống, hiệu quả của công tác phòng ngừa giảm thiểu thiệt hại của thiên tai thông qua các chỉ đạo và thực hành về cơ cấu tổ chức hàng năm còn một số bất cập.

Ý kiến của một số các CBCS và cán bộ quản lý tham gia trả lời khảo sát của Luận án cơ bản có nhiều điểm trả lời giống nhau, cụ thể:

“Trong những năm gần đây, đã có nhiều văn bản chỉ đạo và điều hành của Bộ về các nội dung liên quan đến công tác PCTT và TKCN trong điều kiện BĐKH, Bộ đã có nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể hàng năm, cũng như những cập nhật và bổ sung theo các chỉ đạo mới của Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay một số đơn vị đang gặp nhiều khó khăn.” [05.CBQL.NV,A].

“Công tác đào tạo, tập huấn, huấn luyện cho CBCS Công an cấp cơ sở nói chung chưa được thực hiện thường xuyên, Bộ chỉ mới tập trung thực hiện

tập huấn đối với Lãnh đạo cấp Phòng và cán bộ được giao giúp việc BCH UPT Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đối BCH UPT Công an tỉnh Nghệ An nói riêng; đề xuất Bộ thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, huấn luyện kỹ nghiệp vụ, kỹ năng PCTT&TKCN cho Công an các đơn vị chức năng của Công an cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã để thực hiện công tác PCTT và TKCN có hiệu quả cao hơn” [06.CBTTQL.LV,A].

“Về chế độ chính sách phục vụ công tác PCTT&TKCN đặc biệt trong trường hợp CBCS hy sinh, bị thương trong khi cứu giúp Nhân dân, trong trực chiến, huấn luyện, diễn tập,... cần phải có nguồn kinh phí và chế độ chính sách phù hợp để hỗ trợ cán bộ chiến sĩ trực tiếp tham gia ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra” [12.CBTTQL.TL,N].

Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.1.

Bảng 3.1. Đánh giá sơ bộ về cơ cấu tổ chức trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Cơ cấu tổ chức	- Hệ thống văn bản pháp quy có liên quan được rà soát và cập nhật	Đảm bảo
	- Đảm bảo sự thống nhất và thông suốt trong chỉ đạo và chỉ huy giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương và cấp cơ sở	Đảm bảo, tuy nhiên còn một số hạn chế, tồn tại trong thực hiện, kết quả mang lại tại các cấp ở địa phương, cơ sở
	- Rà soát kiện toàn tổ chức PCTT và TKCN hàng năm	Đề đảm bảo thực hiện tốt công tác chỉ đạo, cần rà soát kiện toàn tổ chức.

2. Xây dựng và lập kế hoạch

Để đánh giá hiệu quả công tác xây dựng và thực hiện các kế hoạch hàng năm về PCTT và TKCN, 03 nội dung được đề xuất xem xét và đánh giá như sau: (1) Mức độ cập nhật các thông tin và tính sát thực của các kế hoạch được xây dựng; (2) Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành (gồm 06 nội dung quy định trong Khoản 5 Điều 15 của Luật PCTT); (3) Kế hoạch thông tin, truyền thông

và tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN.

Để thực hiện phòng ngừa và giảm thiểu các thiệt hại cũng như nâng cao hiệu quả công tác UPT, tại Thông tư số 05/2021/TT-BCA ngày 14/1/2021 đã quy định rất rõ, các đơn vị được Bộ Công an giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến ứng phó phó sự cố, PCTT và TKCN chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện diễn tập các phương án phù hợp với các cấp độ rủi ro của sự cố, thiên tai; định kỳ hàng năm có những điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với tình hình mới hoặc theo chỉ đạo của Bộ, BCH PCTT và TKCN tỉnh, thành phố. Ngoài thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức diễn tập các phương án PCTT và TKCN được xác định, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ còn đề xuất các kế hoạch cụ thể về tổ chức các lớp tập huấn và diễn tập cho CBCS. Cụ thể, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động được giao nhiệm vụ kết hợp cùng các đơn vị và địa phương thực hiện diễn tập các phương án, tổ chức các lớp huấn luyện bơi, sử dụng phương tiện đặc chủng cho CBCS K02 và PK02.

Như đã trình bày ở trên, báo cáo hàng năm về kết quả công tác PCTT và TKCN, luôn xây dựng và đề xuất kế hoạch công tác cho năm sau, các thông tin về thực hiện PCTT, TKCN và ứng phó với BĐKH luôn được lồng ghép và cập nhật vào các kế hoạch chi tiết của năm sau. Ngoài ra, các nội dung chỉ đạo điều hành của Chính phủ cũng được cập nhật thường xuyên trong các kế hoạch PCTT, TKCN và ứng phó với BĐKH tại các cấp và các địa phương. Tuy nhiên, theo nhận định, trong các báo cáo về công tác ứng phó BĐKH, PCTT và TKCN của BCD UPBĐKH, PCTT và TKCN Bộ Công an những năm gần đây công tác xây dựng và lập kế hoạch vẫn chưa thực sự sát với tình hình thực tế tại một số địa phương, thiếu sự thống nhất đồng bộ. Đơn cử một số BCH UPT Công an các địa phương chưa thống kê đầy đủ các

điểm xung yếu về giao thông đường bộ, đường thủy, thống kê các ô tô tránh trú bão, các điểm nhà an toàn phục vụ sơ tán dân khi có thiên tai bão lũ,... thậm chí cả nguồn lực, vật lực phục vụ công tác PCTT và TKCN (*NCS tổng hợp từ Báo cáo Tổng kết hàng năm của BCD UPT/BCA*).

Bộ Công an cũng đã nhận thức được mức độ và diễn biến của thiên tai, bão lũ và các hiện tượng thời tiết cực đoan trong điều kiện BĐKH, trong Kế hoạch hành động UPBĐKH của Bộ Công an thực hiện lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT, TKCN và ứng phó với BĐKH trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành được xem là 1 mục tiêu xây dựng và phát triển ngành. Các văn bản pháp quy, luật và quy định của các bộ/ngành có liên quan về PCTT, TKCN và ứng phó với BĐKH được chủ động lồng ghép để tổ chức quán triệt, phổ biến đến cán bộ chiến sĩ. Hiện nay, để phục vụ công tác xây dựng và cập nhật Chiến lược quốc gia về BĐKH, Kế hoạch hành động quốc gia cũng như báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị, Bộ Công an đã thực hiện báo cáo kết quả thực hiện UPBĐKH trong giai đoạn 2011-2020, tuy nhiên các kết quả và hiện trạng công tác lồng ghép chưa thực sự rõ ràng. Theo nhận định của các CBCS trực tiếp tham gia công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện, các nội dung về UPBĐKH đã được cơ bản lồng ghép, đặc biệt là các văn bản mang tính chỉ đạo và điều hành. Ví dụ cụ thể, ngày 28/7/2015, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký Quyết định số 4743/QĐ-BCA-H41 ban hành Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của ngành Công an.

Trong các báo cáo công tác hàng năm về UPT của Bộ Công an, các nội dung về tổ chức diễn tập, huấn luyện và tập huấn được trình bày tương ứng với kết quả thực hiện trong năm trước và kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo. Văn phòng Bộ Công an chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện, diễn tập trong ngành Công an, trong khi đó BCH UPBĐKH, PCTT và TKCN và PTDS Công an các tỉnh và

thành phố chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện cho đơn vị mình quản lý. Như vậy, công tác lập kế hoạch thông tin, truyền thông và tổ chức các tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN, luôn được quan tâm và thực hiện hàng năm. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Đánh giá sơ bộ về xây dựng và lập kế hoạch trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Xây dựng và lập kế hoạch	- Mức độ cập nhật các thông tin và tính sát thực của các kế hoạch được xây dựng	Các thông tin được cập nhật liên tục
	- Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành (<i>gồm 6 nội dung quy định trong Khoản 5 Điều 15 của Luật PCTT</i>)	Đã được từng bước thực hiện, tuy chưa có các báo cáo kết quả rõ ràng và cụ thể
	- Kế hoạch thông tin, truyền thông và tổ chức các tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN	Được quan tâm và thực hiện trong báo cáo hàng năm về UPBĐKH, PCTT và TKCN

3. Nguồn lực

Trong giai đoạn I, Luận án tập trung vào 06 nội dung để đánh giá công tác đảm bảo nguồn lực (chi tiết trong Bảng 3.5). Trong đó bao gồm 03 nguồn lực chính là nguồn nhân lực, nguồn lực về cơ sở vật chất và tài chính. Để có thể phân tích được khả năng huy động nguồn lực hàng năm phục vụ công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN, một số đánh giá mang tính hiện trạng về nguồn lực được trình bày dưới đây.

Về nguồn nhân lực, kết quả điều tra và phân tích cho thấy số lượng cán bộ chiến sĩ qua đào tạo, tập huấn của ngành Công an tham gia công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN là tương đối cao (gần 80%), nhưng lực lượng qua đào tạo hệ trung và sơ cấp còn chiếm tỷ lệ lớn, đến 35%. Điều đó cho thấy chất lượng của cán bộ ngành Công an tham gia công tác UPT còn thấp, khó có thể đáp ứng nhiệm vụ đặt ra trong thời gian sắp tới. Nhìn chung, các lực

lượng tham gia công tác UPT của ngành Công an chủ yếu được đào tạo chuyên ngành cảnh sát chiếm trên 56%, an ninh gần 9%, PCCC gần 18%, cứu nạn, cứu hộ 4,5% và hậu cần - kỹ thuật trên 6%.

Nhận thức được tầm quan trọng trong thực hiện “4 tại chỗ” trong thực hiện công tác UPT, ngành Công an đã tập trung và chỉ đạo theo hướng huy động nguồn nhân lực tại chỗ. Toàn ngành Công an có thể huy động trên 61.000 cán bộ chiến sĩ tham gia các nhiệm vụ chung (năm 2013), gần 43.000 cán bộ chiến sĩ tham gia công tác UPBĐKH, trên 50.000 cán bộ chiến sĩ tham gia PCTT, trên 39.000 cán bộ chiến sĩ tham gia TKCN và trên 38.000 cán bộ chiến sĩ tham gia công tác tai nạn thương tích. Tuy nhiên, do cùng lúc phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên tỷ lệ cán bộ chiến sĩ thường trực, chuyên trách tương đối thấp, cụ thể: Bình quân thường trực chuyên trách chỉ chiếm khoảng 32%, kiêm nhiệm khoảng 22%, xung kích dự bị khoảng 45% (Bảng 3.3).

Bảng 3.3. Khả năng huy động lực lượng ứng phó với thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ [2]

Đơn vị: %

Stt	Nhiệm vụ	Khả năng huy động		
		Thường trực, chuyên trách	Kiểm nhiệm	Dự bị xung kích
I	Nhiệm vụ chung	27,4	24,9	47,7
II	Ứng phó với biến đổi khí hậu	32,9	21,9	45,2
III	Phòng, chống thiên tai	31,2	23,4	45,4
IV	Tìm kiếm cứu nạn	34,2	21,2	44,6
V	Tai nạn thương tích	34,6	21,0	44,5

Do đó, để có thể hoàn thành tốt công tác UPT, cần phải có những cơ chế, chính sách hỗ trợ cũng như có những chương trình, dự án phát triển nâng cao nguồn nhân lực đặc biệt là lực lượng thường trực chuyên trách, đầu tư cơ

sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật và công tác tổ chức cán bộ để ngành Công an đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN.

Một số lực lượng chính tham gia công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN là PC06, PC05, PC07, PC08, PC08B, PV01, PH10, PX03, PC02, PK02,...

Liên quan đến chính sách đãi ngộ nhằm đảm bảo phát triển nguồn nhân lực, trong khi PCTT và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ là công việc khó khăn, nguy hiểm, độc hại, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng của người thực thi nhiệm vụ. Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, chiến sĩ và các lực lượng an tâm làm nhiệm vụ, Bộ Công an đã có các văn bản, quy định, hướng dẫn cụ thể, bảo đảm chế độ, chính sách phù hợp cho các lực lượng làm nhiệm vụ PCTT và TKCN. Tuy nhiên, qua nghiên cứu rà soát một số văn bản này đã được ban hành từ năm 2008 về trước và hiện nay đang tiếp tục được áp dụng; cơ quan thường trực BCD UPT/BCA xây dựng dự thảo hướng dẫn mới và lấy ý kiến Công an các cấp để hoàn chỉnh trình lãnh đạo Bộ phê duyệt thực hiện.

Quỹ nghĩa tình đồng đội tiền thân là Quỹ phòng, chống thiên tai, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo trong lực lượng CAND được thành lập ngày 10/8/2011 theo Quyết định số 1570/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ. Quỹ có nhiệm vụ hỗ trợ các hoạt động phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn thương tích, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, chiến sĩ và thân nhân của cán bộ chiến sĩ. Sự ra đời của Quỹ đã giúp lãnh đạo Bộ Công an kịp thời thăm hỏi cán bộ, chiến sĩ CAND bị thương, hy sinh trong đấu tranh phòng chống tội phạm, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa trong lực lượng CAND và các hoạt động nhân đạo từ thiện khác. Ngoài ra, Bộ Công an cũng ban hành Quyết định về Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, chiến sĩ tham gia phòng, chống thiên tai và chế độ trợ cấp khó khăn cho cán bộ, chiến sĩ bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Hàng năm công tác khen

thường và động viên các CBCS luôn được thực hiện kịp thời. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện đã bộc lộ những bất cập, hạn chế cần khắc phục, sửa đổi, bổ sung để hoàn chỉnh chính sách, đảm bảo quyền lợi của cán bộ chiến sĩ công an.

Về phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, qua điều tra đánh giá hiện trạng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật từ báo cáo các đơn vị địa phương: Gần như 100% các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật đang được sử dụng tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu của công tác UPT.

Bộ Công an đã trang bị cho các lực lượng chuyên trách các trang bị, phương tiện hiện đại phục vụ công tác PCTT và TKCN như xe lội nước đặc chủng, xe thông tin chỉ huy, xe cứu nạn, cứu hộ, ca nô, tàu xuồng ..v.v. Ngoài việc sử dụng nguồn ngân sách trên cấp, Bộ Công an cũng đã huy động, tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo, thiên tai, y tế để mua sắm nhiều trang bị mới theo hướng cơ bản, bền vững, hiện đại, nhất là các đơn vị chuyên trách tại các địa bàn trọng điểm về thiên tai do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Qua điều tra đánh giá hiện trạng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật từ báo cáo các đơn vị địa phương: Gần như 100% các phương tiện, thiết bị kỹ thuật đã trang bị, đang được sử dụng khi có thiên tai, sự cố, tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu của công tác UPT. Cá biệt có những loại phương tiện chưa được đầu tư như xe lưỡng cư tìm kiếm cứu nạn, trạm công tác di động. Đây là một trong những nguyên nhân gây khó khăn rất lớn cho ngành Công an và Công an Nghệ An trong công tác UPT khi có thiên tai, sự cố xảy ra.

Các nội dung về chi viện lực lượng, phương tiện và đảm bảo hậu cần, kỹ thuật luôn được quan tâm và thực hiện nghiêm túc. Trong báo cáo năm 2017, có đến 125.000 lượt CBCS cùng 4.520 phương tiện tham gia phối hợp và hỗ trợ cùng các cơ quan đoàn thể tại địa phương thực hiện công tác UPT.

Ngoài ra, hàng năm Ban Chỉ đạo UPT các cấp luôn đưa ra những nhiệm vụ cụ thể trong công tác rà soát và thực hiện dự trữ vật tư và phương tiện, tiến hành bảo quản và bảo dưỡng. Đặc biệt quan tâm đến nguồn lực phục vụ công tác đảm bảo thông tin liên lạc. Tại các địa phương, hàng năm các phương án đảm bảo thông tin liên lạc luôn được xây dựng và lên kế hoạch với từng tình huống khác nhau. Công tác rà soát và khắc phục các điểm hư hỏng được quan tâm, củng cố.

Ngoài ra, để đảm bảo cung cấp nguồn lực cũng như cập nhật công nghệ và nâng cao chất lượng của phương tiện và vật tư, hệ thống công nghiệp an ninh của Bộ Công an cũng đã đóng góp không nhỏ. Một số cơ sở chính, bao gồm: Công ty Nam Triệu; Công ty May 19-5; Công ty Cổ phần ô tô 3-2; Công ty Thăng Long, Công ty Bạch Đằng; Công ty Thanh Bình,... Các cơ sở này đã tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ công tác PCTT, TKCN, cứu hộ, chiến đấu của lực lượng Công an. Nhìn chung, hệ thống các cơ sở nghiên cứu, sản xuất hiện tại của khu công nghiệp an ninh có quy mô nhỏ, chưa tương xứng với yêu cầu phục vụ chiến đấu và xây dựng lực lượng của ngành Công an trong giai đoạn mới: Các sản phẩm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ trang bị cho các đơn vị, địa phương còn rất thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ của đa số các cơ sở nghiên cứu, sản xuất có hàm lượng công nghệ cao thấp. Thêm vào đó mạng lưới Kho do Bộ Công an quản lý hiện nay bộc lộ nhiều hạn chế. Các điểm kho nhỏ lẻ phân tán, xa các điểm xung yếu về thiên tai, bão lũ, thậm chí, dễ bị chia cắt, cô lập khi có thiên tai, bão, lũ xảy ra. Công nghệ bảo quản lạc hậu; trang thiết bị thô sơ, phân bổ lực lượng chưa hợp lý, nơi thừa, nơi thiếu; chưa đáp ứng tốt nhất yêu cầu nhiệm vụ trong các tình huống đột xuất của Nhà nước và ngành Công an.

Bảng 3.4. Phương tiện, trang thiết bị phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành công an

Nguồn: Bộ Công an, 2016 [3]

Stt	Phương tiện trang thiết bị	Đơn vị	Tổng số	Đang sử dụng	Dự phòng trong kho	Thiếu so với nhu cầu	% Đáp ứng nhu cầu
I. Phương tiện bộ							
1	Xe chỉ huy	chiếc	960	953	7	378	71,75
2	Xe thông tin chỉ huy	chiếc	32	31	1	117	21,48
3	Xe chở quân	chiếc	516	505	11	373	58,04
4	Xe tải các loại	chiếc	1347	1312	35	411	76,62
5	Xe cứu thương	chiếc	132	128	4	154	46,15
6	Xe cứu hộ chuyên dùng	chiếc	584	579	5	375	60,90
7	Xe thang, cầu, nâng	chiếc	42	42		217	16,22
8	Xe chữa cháy	chiếc	92	92		40	69,70
II. Phương tiện thủy							
1	Ca nô CNCH các loại	chiếc	637	600	37	448	58,71
2	Xuồng CNCH các loại	chiếc	261	222	39	463	36,05
3	Tàu tuần tra	chiếc	63	63		64	49,61
4	Tàu kéo	chiếc	0			37	0,00
5	Xe lội nước TKCN	chiếc	8	4	4	46	14,81
III. Trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ							
1	Phao các loại	cái	54911	39813	15098	44580	55,19
2	Đèn các loại	cái	1251	1080	171	2325	34,98
3	Các loại máy phục vụ TKCN	chiếc	1169	1068	101	1631	41,75
4	Bộ đàm	chiếc	3925	3587	338	3078	56,05
5	Ống nhòm	cái	767	623	144	735	51,07
6	Trang thiết bị cầm tay	cái	3623	3143	480	7862	31,55
7	Súng bắn pháo hiệu	khẩu	245	218	27	349	41,25
8	Nhà, giường bạt cứu sinh	cái	2031	1328	703	992	67,18
IV. Trang thiết bị xử lý sự cố môi trường, hóa chất							
1	Tàu xử lý sự cố môi trường	chiếc	2	2		23	8,00
2	Phao quây dầu trên biển, sông	chiếc	300	300		175	63,16
3	Trang thiết bị phòng độc	chiếc	1506	1378	128	4770	24,00
4	Máy bơm hóa chất	chiếc	13	9	4	83	13,54
V. Thiết bị y tế							
1	Bình oxy	bình	178	152	26	589	23,21
2	Băng ca cứu thương	chiếc	627	413	214	1522	29,18
3	Túi thuốc cấp cứu	túi	492	424	68	1003	32,91

Một trong những nguyên nhân hạn chế trên là do việc đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa theo quy hoạch tổng thể của toàn hệ thống. Hiện nay, lượng hàng dự phòng và dự trữ quốc gia ngành an ninh đã được Bộ Công an xây dựng chương trình phát triển, thông qua Quyết định số 3093/QĐ-BCA-

H41, ngày 03/8/2011 Phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới Kho - Kho dự trữ Nhà nước và cơ sở hạ tầng vận tải đường bộ của Bộ Công an đến năm 2020, định hướng đến năm 2050”, do đó, khoảng 16 điểm kho và được phân bố tại 6 khu vực có thể được đưa vào vận hành trong thời gian tới.

Bảng 3.5. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Nguồn lực	- Định kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư mới nhằm đảm bảo nguồn lực (<i>Phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác - đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”</i>);	Luôn được đề cập trong kế hoạch hàng năm, tuy nhiên vẫn còn thiếu nhiều về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.
	- Định kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, đầu tư mới trang thiết bị của hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin	Luôn được đề cập trong kế hoạch hàng năm
	- Hỗ trợ thực hiện xây dựng mới và nâng cấp trụ sở, nơi làm việc của hệ thống Công an cấp xã kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có sự cố, thiên tai; - Đầu tư mới nhằm đảm bảo nguồn lực phương tiện, trang thiết bị thiết yếu cho lực lượng Công an cấp xã theo phương châm “4 tại chỗ”; - Quan điểm hướng về cơ sở để đầu tư.	- Riêng Bộ Công an đã hình thành hệ thống Công an 4 cấp, cụ thể Bộ đã triển khai hệ thống Công an xã chính quy đến tất cả các xã trên toàn quốc; - Tuy nhiên để đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu cũng cần phải xây dựng các đề án, dự án đầu tư để đáp ứng yêu cầu đa nhiệm vụ trong đó có công tác UPT.
	- Kế hoạch/dự kiến Phân bổ nguồn lực tài chính cho các hoạt động hàng năm thực hiện phòng ngừa và giảm thiểu	Có những quy định trong ưu tiên phân bổ nguồn kinh phí và trang cấp.
	- Phát triển và nâng cao chất lượng năng lực CBCS cũng như nâng cao khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (<i>thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị, ...</i>)	Đã đầu tư thực hiện, tuy nhiên trong các kế hoạch hàng năm về UPBĐKH, PCTT và TKCN cần thực hiện tốt hơn nữa.
	- Thực hiện đại ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN	Đã quan tâm, nhưng cần bổ sung các nội dung về chế độ lương, phụ cấp, bảo đảm quyền lợi cho các lực lượng tham gia PCTT và TKCN, cứu hộ của lực lượng CAND

Về nguồn lực tài chính, Bộ Công an luôn có chính sách ưu tiên bố trí kinh phí và trang cấp, bổ sung phương tiện, vật tư phục vụ công tác UPT. Các đơn vị liên quan chủ động đề xuất lãnh đạo Bộ điều chỉnh phân bổ ngân sách, bổ sung danh mục và trang cấp cho Công an địa phương, các đơn vị, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ chính quyền địa phương và xã hội hóa. Ngoài ra, Cục Trang bị và kho vận (H03) thực hiện tiếp nhận và quản lý hàng dự trữ quốc gia được cấp hàng năm cho Bộ Công an thông qua Ủy ban quốc gia.

Đánh giá từ thực tế năm 2020 với tình hình thiên tai xảy ra liên tục, Bộ Công an đã chỉ đạo xuất cấp hết các vật tư, phương tiện phục vụ cho công tác PCTT và TKCN, cứu hộ, qua đây cần nghiêm túc đánh giá công tác đầu tư bảo đảm còn chưa đầy đủ, chưa nói đến đầu tư dự phòng, với các điều kiện và yêu cầu cấp thiết trên Bộ Công an cần tập trung xây dựng các đề án dự án đầu tư mua sắm và trang cấp để phục vụ công tác chiến đấu, PCTT và TKCN. Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.5.

4. Trình độ và kỹ năng

Các nội dung liên quan đến việc phát triển trình độ khoa học công nghệ cho lực lượng CAND đã được đặt ra và thực hiện trong Khung chương trình hành động UPBĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 được ban hành ngày 13/01/2020 theo Quyết định số 270/QĐ-BCA-H06. Hoạt động NCKH công nghệ, tăng cường hợp tác quốc tế để áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại bảo vệ môi trường nhằm UPBĐKH, giảm thiểu tác động xấu ảnh hưởng đến hoạt động của công tác Công an. Khuyến khích áp dụng công nghệ xanh, sạch, ít phát thải vào các nhà máy, cơ sở sản xuất; đầu tư xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm môi trường.

Việc đầu tư hiện đại hóa trang bị, phương tiện PCTT và TKCN là chủ trương và hướng đi đúng của BCD UPT Bộ Công an trong công tác tham mưu cho lãnh đạo Bộ tổ chức thực hiện, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác

phòng, chống, ứng phó thiên tai, và tìm kiếm, cứu nạn trước những diễn biến phức tạp của tình hình an ninh phi truyền thống hiện nay. Thực tế, việc trang bị phương tiện PCTT và TKCN, cứu hộ vẫn còn chậm được đầu tư trang bị, phát triển, nhất là các trang thiết bị chuyên dụng, đặc chủng, hiện đại.

Để có thể có được những nhận định về trình độ và kỹ năng phục vụ công tác UPT trong giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu, một số đánh giá về hiện trạng trình độ chuyên môn của các CBCS được đề cập.

Trong đó, tại cấp địa phương, 55% cán bộ chiến sĩ tham gia nhiệm vụ chung được đào tạo chuyên ngành Cảnh sát, 14% cán bộ chiến sĩ đào tạo chuyên ngành An ninh, 12% được đào tạo PCCC và 3% đào tạo cứu nạn, cứu hộ. Ngoài ra chỉ có 7% lực lượng được đào tạo chuyên ngành hậu cần, kỹ thuật.

- Tham gia với công tác ứng phó với BĐKH: Có 60% lực lượng Công an tham gia có nghiệp vụ cảnh sát, 17% được đào tạo chuyên ngành PCCC, 8% chuyên ngành An ninh và 5% cứu nạn cứu hộ, 4% đào tạo Hậu cần - kỹ thuật.

- Tham gia công tác PCTT: Có 54% cán bộ chiến sĩ được đào tạo chuyên ngành Cảnh sát, 13% là PCCC, 12% chuyên ngành An ninh và 9% có nghiệp vụ Hậu cần - kỹ thuật.

- Tham gia công tác TKCN: Có 57% lực lượng Công an được đào tạo chuyên ngành Cảnh sát, 24% là PCCC, 5% Hậu cần - kỹ thuật và 3% đào tạo chuyên ngành An ninh (Bộ Công an, 2016).

Nhìn chung các lực lượng tham gia công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN của ngành Công an chủ yếu được đào tạo chuyên ngành Cảnh sát bình quân chiếm trên 56%, An ninh gần 9%, PCCC gần 18%, cứu nạn, cứu hộ 4,5% và Hậu cần - kỹ thuật trên 6%. Do đó để đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ ngày càng cao, việc phát triển các cơ sở đào tạo các lĩnh vực nêu trên về chất lượng cũng như số lượng là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của ngành Công an nói chung và của các cơ sở đào tạo ngành Công an nói riêng.

Thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ như Nghị quyết 24, các văn bản cấp quốc gia về PCTT, TKCN và UPBĐKH, Bộ Công an đã thực hiện nhiều biện pháp liên quan đến hoạt động truyền thông và nâng cao năng lực của lực lượng CAND. Cụ thể trong năm 2019, lực lượng Công an đã tổ chức 02 lớp tập huấn về BVMT và UPBĐKH, 03 lớp tập huấn cấp Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát đường thủy cho 555 CBCS Cảnh sát giao thông Công an các đơn vị, địa phương, trong đó có nội dung về PCTT và TKCN, 02 lớp cấp chứng chỉ lái xuồng và 03 lớp cho cán bộ chiến sĩ Cảnh sát giao thông, Cơ động và Quản lý tạm giữ tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng phụ trách công tác ứng phó với sự cố, thiên tai và TKCN [4]. Năm 2020 - 2021 triển khai tập huấn, huấn luyện 07 lớp cho gần 1000 CBCS Công an cấp huyện về công tác UPT, (*tương đương 705 huyện trên toàn quốc*). Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.6.

Bảng 3.6. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến trình độ và kỹ năng trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Trình độ và kỹ năng	- Đẩy mạnh áp dụng KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN	Đã được quan tâm và từng bước thực hiện
	- Đảm bảo hoạt động diễn tập phù hợp với các cấp độ rủi ro của sự cố, thiên tai	Đã được quan tâm và từng bước thực hiện
	- Hoạt động truyền thông và nâng cao năng lực của lực lượng CAND trong PCTT và TKCN.	Đã được quan tâm và từng bước thực hiện

Về công tác tuyên truyền, đã có nhiều tài liệu, sổ tay kiến thức, kỹ năng CNCH cơ bản như: Kỹ năng xử lý các sự cố, tai nạn thường gặp, tuyên truyền bằng pano, áp phích, tờ rơi,... chủ động phối hợp với các cơ quan, đài báo trong và ngoài lực lượng như Đài truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã, Kỹ thuật số VTV, ANTV, VOV, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Tạp chí PCCC,... thường xuyên tuyên truyền và phổ biến kiến thức về BDKH, thiên

tai, cũng như những văn bản quy phạm pháp luật về công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN. Nội dung tuyên truyền bao gồm cả những ví dụ điển hình, những giải thích và trao đổi nhằm thuyết phục và luận giải những thông tin trái chiều.

3.1.2. Giai đoạn chuẩn bị

Như đã trình bày trên mục 2.3.4, để đánh giá hiệu quả thực hiện trong công tác chuẩn bị tập trung vào đánh giá các hành động khi có các dự báo ngắn hạn. Các hành động trong giai đoạn này sẽ tập trung nhiều vào việc xây dựng kế hoạch hoặc sự chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và phục hồi trước các tình huống khẩn cấp.

1. Cơ cấu tổ chức

Ban Chỉ đạo UPT/BCA thường xuyên đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai công tác ứng phó với các đợt bão, lũ và thiên tai khác nhằm tập hợp báo cáo lãnh đạo Bộ Công an để có biện pháp xử lý kịp thời.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc 24/24 trong ngày theo dõi diễn biến của thiên tai, bão, mưa lũ; ban hành nhiều công điện kịp thời chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương trong cả nước. Tập trung đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc hoạt động thông suốt giữa cơ quan Bộ và Công an các đơn vị, địa phương.

Trên thực tế Bộ Công an đã và đang nghiên cứu ban hành các phương án Chi viện lực lượng, phương tiện của ngành Công an tham gia ứng phó với bão mạnh đổ bộ vào Việt Nam. Trong đó xác định rõ vai trò, chức năng, và nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương.

Cụ thể, công tác tổ chức triển khai thực hiện trước khi bão đổ bộ, các nội dung nhiệm vụ yêu cầu:

- **Họp Ban Chỉ đạo** (để vận hành cơ chế): Ngay sau cuộc họp của BCĐ TW về PCTT và UBQG Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN hoặc theo yêu cầu cụ thể của tình hình.

- **Phân công và quán triệt các nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Bộ.** Các nội dung chính thực hiện công tác phân công tổ chức thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị của các đơn vị liên quan trong Bộ Công an bao gồm:

(1) Văn phòng Bộ Thường trực BCĐ UPT Bộ Công an và các đơn vị liên quan tham mưu giúp lãnh đạo Bộ ban hành các văn bản, quyết định cần thiết để chỉ đạo, điều động lực lượng, xuất cấp vật tư, phương tiện.

(2) Văn phòng Bộ Thường trực BCĐ: Phối hợp với Văn phòng Thường trực BCĐ QG, Trung tâm Dự báo KTTV Quốc gia nắm chắc diễn biến của thiên tai và chỉ đạo của Chính phủ, BCĐ Trung ương về PCTT, UBQG Ứng phó sự cố thiên tai và TKCN, chủ động tham mưu với lãnh đạo Bộ chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương triển khai các phương án ứng phó với cơn bão; thông tin kịp thời trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an và Website (pttt-bca.gov.vn) của BCĐ UPT Bộ Công an.

(3) Các đơn vị thành viên BCĐ UPT Bộ Công an tổ chức lực lượng ứng trực 24/24 giờ sẵn sàng triển khai có hiệu quả các phương án chi viện phòng, chống bão, lũ và khắc phục hậu quả do bão, lũ gây ra khi có yêu cầu.

(4) Tham mưu thành lập Sở Chỉ huy tiền phương của BCĐ Bộ tại Công an địa phương vùng trọng điểm thiên tai, bão lũ do lãnh đạo Bộ hoặc lãnh đạo BCĐ UPT Bộ Công an chỉ huy điều hành; thành phần gồm đại diện lãnh đạo các đơn vị chức năng trực thuộc Bộ và đại diện lãnh đạo Công an địa phương; phóng viên báo, đài trong CAND. Phân công lãnh đạo tham gia đoàn công tác tiền phương của Chính phủ. Thành lập các đoàn công tác của Bộ Công an đi kiểm tra, phối hợp chỉ đạo công tác PCTT, bão, lụt tại các địa phương trọng điểm vùng bão.

(5) Chỉ đạo các đơn vị Cục Trang bị và Kho vận, Cục Y tế, Văn phòng Thường trực BCD nắm chắc lực lượng, phương tiện, trang thiết bị hiện có do các đơn vị trực thuộc quản lý; các phương tiện, trang thiết bị hiện đang bảo quản trong kho của Bộ (*kể cả hàng dự trữ Quốc gia do Bộ Công an quản lý*) và kho của các đơn vị chức năng liên quan để kịp thời huy động chi viện ứng cứu và khắc phục hậu quả do thiên tai, bão lụt gây ra.

Bổ trí phương tiện hỗ trợ vận chuyển lực lượng tham gia chi viện, đoàn công tác tiền phương, đội cứu thương, y tế dự phòng, thông tin liên lạc... cùng xe cứu thương, thông tin chỉ huy và các phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng, đặc chủng khác đến địa điểm chi viện theo lệnh điều động.

Chỉ đạo Cục Thông tin và Cơ yếu chuẩn bị xe thông tin di động, hệ thống liên lạc vô tuyến, bộ đàm, máy phát điện cùng cán bộ kỹ thuật sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thông tin khi hệ thống thông tin di động, cố định bị gián đoạn hoặc do mất điện diện rộng tại Trung tâm chỉ huy của Bộ ở Hà Nội và tại Sở Chỉ huy tiền phương.

Chỉ đạo Ban Quản lý dự án Trung tâm thông tin chỉ huy phối hợp chặt chẽ với Trung tâm thông tin chỉ huy Bộ Công an bảo đảm đường truyền thông suốt để sẵn sàng phục vụ BCD họp trực tuyến với Sở Chỉ huy tiền phương.

Chỉ đạo Cục Y tế và các bệnh viện, bệnh xá Công an triển khai kế hoạch huy động lực lượng y - bác sĩ, chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị y tế, cơ sở thuốc cần thiết, đáp ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, vệ sinh môi trường do thiên tai, bão lụt gây ra.

(6) Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động: Điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị PCTT, bão lụt và cứu nạn, cứu hộ để chi viện Công an các đơn vị, địa phương, giúp Nhân dân chằng chống nhà cửa, sơ tán dân ra khỏi vùng xung yếu, nguy hiểm.

(7) Hệ lực lượng Cảnh sát, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội chi viện lực lượng phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương và các lực lượng chức năng vùng bảo đảm bảo trật tự giao thông, nhất là tại các nơi bị ngập sâu, nguy hiểm, đập tràn, không để người dân tập trung tại các bến tàu, phà, đò ngang, đò dọc trong thời gian bão đổ bộ; tham gia giúp đỡ Nhân dân sơ tán, cứu nạn, cứu hộ; tăng cường kiểm soát, kêu gọi, sắp xếp, neo đậu tàu thuyền vào nơi tránh trú an toàn, thực hiện nghiêm túc lệnh cấm biển của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, thành phố vùng bão; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu kinh tế, chính trị trọng điểm.

(8) Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Bộ Công an tổ chức kiểm tra công tác bảo đảm an toàn phòng chống cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở trọng điểm trước khi có bão; sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó với các tình huống khi có yêu cầu.

(9) Hệ xây dựng lực lượng Công an nhân dân chỉ đạo các trường Công an nhân dân điều động lực lượng xung kích là học sinh, sinh viên tham gia giúp Nhân dân nơi đóng quân phòng chống bão, lũ và khắc phục hậu quả khi có yêu cầu; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thông tin kịp thời về diễn biến của bão và hoạt động của các lực lượng trong CAND tham gia phòng, chống thiên tai, bão lũ và giúp dân khắc phục hậu quả do thiên tai, bão lũ gây ra.

Chủ động tham mưu, đề xuất lãnh đạo Bộ hỗ trợ kinh phí cho Công an các đơn vị, địa phương và giúp Nhân dân khắc phục hậu quả do bão, lũ gây ra từ nguồn Quỹ nghĩa tình đồng đội CAND.

(10) Cục Kế hoạch và Tài chính phối hợp với Văn phòng Thường trực BCD (V01) và Công an các đơn vị, địa phương tham mưu, đề xuất lãnh đạo Bộ duyệt cấp kinh phí hỗ trợ Công an các đơn vị, địa phương khắc phục hậu quả do thiên tai, bão, lũ gây ra.

Ngoài ra, Bộ Công an cũng phối hợp cùng các bên liên quan trong chủ động rà soát, xây dựng phương án ứng phó đối với từng loại hình thiên tai, sự cố cơ bản có thể xảy ra trên địa bàn và thuộc phạm vi quản lý; sẵn sàng vật tư, trang thiết bị, nhân lực để ứng phó kịp thời. Đặc biệt cần xây dựng phương án ứng phó mưa, lũ lớn, bảo đảm an toàn tính mạng người dân, công trình đê điều, hồ đập (*nhất là đối với 200 hồ chứa nước xung yếu có nguy cơ xảy ra sự cố trong mùa mưa lũ*); phương án ứng phó với lũ quét, sạt lở đất ở miền núi.

Bảng 3.7. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Cơ cấu tổ chức	- Đảm bảo thực hiện các mệnh lệnh chỉ đạo của cấp trên (<i>các quy định, chương trình, kế hoạch, công điện, ...</i>);	Đã được quan tâm
	- Rà soát và kiểm toàn bộ máy UPT tại Công an 04 cấp: Cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã);	Đã được quan tâm và thực hiện nghiêm túc đến cấp huyện và tiếp tục kiểm toàn đến cấp xã.
	- Thực hiện trực ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ diễn biến của các loại hình thiên tai;	Đã được quan tâm và thực hiện nghiêm túc
	- Phối hợp các đơn vị chức năng đảm bảo các nhà máy thủy điện, các công trình thủy lợi vận hành theo đúng quy định/quyết định và kế hoạch của từng năm.	Đã phối hợp thực hiện với các đơn vị có liên quan

Ngoài ra, căn cứ vào mức độ phân loại theo quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai (Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ). Việc thực hiện các quy định hiện hành nói trên đã cơ bản đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo thiên tai, phục vụ hiệu quả công tác PCTT tại Việt Nam về cấp độ rủi ro thiên tai, Bộ Công an có các phương án khác nhau trong thực hiện các biện pháp PCTT và TKCN. Cấp độ rủi ro thiên tai là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện

sống và hoạt động kinh tế - xã hội. Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai; làm cơ sở cho việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp ứng phó với thiên tai. Ứng với mỗi cấp độ rủi ro khác nhau, mức độ tham gia thực hiện và sắp xếp tổ chức của các đơn vị trong Bộ cũng được xác định rõ ràng.

Như vậy, có thể nhận thấy Bộ Công an đã thực hiện tương đối tốt công tác quản lý và cơ cấu tổ chức trong giai đoạn chuẩn bị, khi có các thông tin dự báo ngắn hạn và trung hạn về thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan,... Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.7.

2. Xây dựng và lập kế hoạch

Trong các báo cáo công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN, các đơn vị được phân công của Bộ Công an đã luôn thực hiện điều chỉnh các phương án PCTT, các phương án sơ tán, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ phù hợp với tình hình dự báo và diễn biến của thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Cụ thể, trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện xây dựng các phương án ứng theo các loại hình thiên tai tương ứng với cấp độ rủi ro thiên tai, các nội dung cần phải thực hiện điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế đã được xác định rõ, bao gồm:

- a) Xác định thời điểm ứng phó;
- b) Các biện pháp ứng phó theo các thời điểm;
- c) Nhân lực, vật tư, phương tiện ứng phó theo các thời điểm;
- d) Công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó theo các thời điểm;
- đ) Công tác đảm bảo an ninh, trật tự;
- e) Công tác thông tin liên lạc;
- g) Công tác đảm bảo hậu cần (điện, lương thực, thực phẩm, thuốc men,...).

Căn cứ vào các nội dung của BCĐ TW về PCTT [1], Bộ Công an kết hợp cùng các đơn vị liên quan từ cấp quốc gia, cấp tỉnh và địa phương xây dựng, lên kế hoạch và điều chỉnh các phương án ứng phó cho một số nội dung tương ứng với các loại hình thiên tai cụ thể. Trong đó, nêu rõ cấp độ rủi ro của từng loại thiên tai, đối tượng bị ảnh hưởng và phương án ứng phó cần thiết được triển khai (Bảng 3.8).

Bảng 3.8. Các nội dung cần lên kế hoạch và điều chỉnh ứng với các cấp độ rủi ro liên quan đến các loại hình thiên tai

Loại hình thiên tai	Cấp độ rủi ro	Đối tượng bị ảnh hưởng	Phương án ứng phó
Bão, ATNĐ	3 - 5	- Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển; - Tàu thuyền và ngư dân ven bờ; - Cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng, công trình PCTT và các công trình khác.	- Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Ứng phó trên biển; - Ứng phó trên đất liền (<i>Sơ tán dân, bảo vệ các công trình, ...</i>). - Phương án nhân lực, phương tiện, ... - Phương án đảm bảo ANTT, an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần, ... - Phương án khắc phục hậu quả.
Mưa lớn, lũ	1 - 3	- Nhà cửa, cơ sở hạ tầng khu vực ngập lụt tại các vùng trũng thấp, nội thị, ven sông; - Dân cư vùng ven sông; cơ sở nuôi trồng thủy sản trên sông; phương tiện vận tải thủy; - Các công trình PCTT: Đê, kè, hồ chứa nước; - Hoạt động xả lũ hồ chứa.	- Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, các công trình đê, kè, cống; - Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa và vận hành xả lũ khi hồ đầy nước do mưa lớn, ... - Phương án đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần, ... - Phương án khắc phục hậu quả.
Lũ, Ngập lụt	1 - 5	Nhà cửa, cơ sở hạ tầng khu vực ngập lụt: - Dân cư vùng lũ, ngập lụt; - Các công trình PCTT: Đê, kè, hồ chứa nước; - Hoạt động xả lũ hồ chứa; - Hoạt động giao thông, ...	- Phương án chỉ đạo chỉ huy; - Phương án đảm bảo an toàn cho người, các công trình đê, kè, cống; - Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa và vận hành xả lũ khi có lũ, ngập lụt; - Phương án đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, hậu cần, ... - Phương án khắc phục hậu quả.
Lũ quét, sạt lở đất	1-3	- Con người; - Nhà cửa, cơ sở hạ tầng.	- Phương án đảm bảo an toàn cho người, cơ sở hạ tầng, hoạt động sản xuất; - Phương án khắc phục hậu quả.

Như vậy có thể thấy, các hoạt động xây dựng, thực hiện và điều chỉnh các kế hoạch trong UPBĐKH, PCTT và TKCN của Bộ Công an cũng đã được thực hiện thông suốt và đầy đủ. Tuy nhiên, các thông tin về nguồn ngân sách dự kiến cho các công tác triển khai còn chưa mở, có thể tạo ra những bất lợi trong công tác xây dựng và điều chỉnh các phương án, đặc biệt tại các địa phương không có nhiều nguồn lực dự trữ. Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.9.

Bảng 3.9. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến xây dựng và lập kế hoạch trong giai đoạn chuẩn bị

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Xây dựng và lập kế hoạch	- Xây dựng, thường xuyên cập nhật các kế hoạch và phương án cụ thể về nguồn lực, phân công và phối hợp thực hiện (<i>kế hoạch phòng chống bão, lụt, lũ quét, sạt lở đất, ...</i>)	Được quan tâm đặc biệt
	- Phối hợp xây dựng các phương án phòng chống liên quan đến các rủi ro thứ cấp (<i>Ví dụ rủi ro liên quan đến an toàn các hồ chứa, nhà máy thủy điện, ...</i>)	Được quan tâm và thực hiện
	- Lập kế hoạch về ngân sách và nguồn tài chính và xây dựng các phương án huy động kinh phí cho các hoạt động PCTT và TKCN	Nguồn lực hạn chế, Bộ sử dụng kinh phí chi an ninh thường xuyên

3. Nguồn lực

Trong giai đoạn chuẩn bị, có 03 nội dung chính cần được tiến hành đánh giá về hiệu quả và đóng góp của ngành Công an cùng các hoạt động chung của Quốc gia bao gồm:

- Khả năng đảm bảo nguồn lực (*phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác, đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”*);
- Khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (*thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị*);
- Đảm bảo hoạt động của hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin.

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, UBND về BDKH; Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Ủy ban Quốc gia UPSCTT & TKCN, trong những năm qua Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an đã quan tâm và chỉ đạo quyết liệt công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN trong toàn lực lượng Công an Nhân dân. Chủ động tổ chức kiểm tra đôn đốc công tác PCTT và TKCN của Công an các đơn vị, địa phương, đặc biệt tại những địa bàn trọng điểm về bão, lũ; rà soát, thống kê, đánh giá thực lực vật tư phương tiện PCTT và TKCN trong toàn lực lượng; kịp thời trang cấp và bổ sung kinh phí phục vụ yêu cầu “4 tại chỗ” cho Công an các đơn vị, địa phương trước mùa mưa bão, nên công tác ứng phó với thiên tai, lụt bão đã chủ động hơn và có nhiều chuyển biến tích cực góp phần hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, sự cố gây ra.

Căn cứ vào Quyết định số 7685/QĐ-BCA ngày 29/11/2018 của Bộ Công an, 63 tỉnh thành trong cả nước đảm bảo thực hiện bám sát địa bàn, thực hiện nghiêm túc phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng” (*Cụ thể “4 tại chỗ” gồm: Chỉ huy tại chỗ; Lực lượng tại chỗ; Phương tiện vật tư tại chỗ; Hậu cần tại chỗ* và “3 sẵn sàng” về *Phương tiện; Con người; Thuốc men*). Trong đó các tỉnh, giao lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ làm công tác cứu nạn, cứu hộ chính và các lực lượng khác kiêm nhiệm, phối hợp. Ý thức trách nhiệm, năng lực chỉ huy, điều hành của lãnh đạo chỉ huy Công an các cấp trong công tác PCTT, tai nạn, tham gia cứu nạn, cứu hộ đã có nhiều chuyển biến tích cực; CBCS đã chủ động khắc phục khó khăn nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với công tác PCTT, bão, lụt, TKCN, tham gia di dời sơ tán dân, đảm bảo ANTT được Nhân dân và cấp ủy, chính quyền các cấp ghi nhận và đánh giá cao phẩm chất “*Vì nước quên thân, vì dân phục vụ*” của cán bộ chiến sĩ lực lượng CAND, khẳng định được vai trò

quan trọng, nòng cốt, đi đầu của lực lượng CAND trong phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Ví dụ điển hình: (1) Trong năm 2012, căn cứ vào các nội dung dự báo trung hạn về tình hình diễn biến của thời tiết và bão lũ trong năm 2012, Bộ Công an đã cấp bổ sung kinh phí phục vụ yêu cầu PCTT và TKCN theo phương châm “4 tại chỗ” cho Công an 26 địa phương trọng điểm về bão, lũ với tổng số tiền là: 4,6 tỷ đồng; tổ chức và hỗ trợ Công an các địa phương xây dựng các mạng thông tin bộ đàm VHF/UHF đảm bảo thông tin liên lạc luôn ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu trong công tác đột xuất cũng như thường xuyên đặc biệt rất hiệu quả khi xảy ra tình huống mưa, bão của Công an các đơn vị, địa phương. Điều động, tăng cường 02 xe lội nước và một số mặt hàng PCTT và TKCN bố trí tại Trạm 2, Kỳ Anh - Hà Tĩnh để phục vụ công tác PCTT và TKCN cho các địa phương trọng điểm về bão, lũ khu vực miền Trung trước mùa mưa, bão [3]; (2) Trong năm 2020, với tình hình thiên tai khốc liệt bão chồng bão, lũ chồng lũ tại 09 tỉnh miền Trung, Bộ Công an đã huy động tổng lực các vật tư, phương tiện trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó với bão, mưa, lũ và công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

Tuy vậy, ngành Công an nhất là Công an ở đơn vị, địa phương nhiều nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại, phương án PCTT và TKCN ở một số nơi vẫn chưa sát thực tế, công tác chuẩn bị theo phương châm “4 tại chỗ” chưa thực sự được quan tâm đúng mức, thiếu nhiều phương tiện, thiết bị phục vụ PCTT nên hiệu quả ứng phó, xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai, hiểm họa chưa cao. Ở một số địa phương, mặc dù các kế hoạch và phương án đã được xây dựng và điều chỉnh, song công tác huy động nguồn lực vẫn chưa hoàn chỉnh, thiếu tính thống nhất, chưa mang tính chuyên nghiệp. Các phương tiện chuyên dùng, đặc chủng chưa đủ mạnh để chủ động ứng phó với

các tình huống sự cố, thiên tai xảy ra. Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.10.

Bảng 3.10. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến chuẩn bị nguồn lực trong giai đoạn chuẩn bị

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Chuẩn bị nguồn lực	- Rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa chữa và bảo dưỡng nhằm đảm bảo nguồn lực (<i>phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”</i>);	Đã được quan tâm và thực hiện. Cần được tiếp tục phát triển và đầu tư
	- Khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (<i>thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị</i>);	Đã được quan tâm và thực hiện. Cần được tiếp tục phát triển và đầu tư
	- Đảm bảo hoạt động của hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin.	Đã được quan tâm và thực hiện. Cần được tiếp tục phát triển và đầu tư

4. Trình độ và kỹ năng

Các kết quả của hoạt động UPBĐKH, PCTT và TKCN của Bộ Công an là không thể phủ nhận, tuy nhiên Bộ Công an cũng đã chỉ ra các thiết hụt về mặt trình độ và kỹ năng của các CBCS. Trong mục 3.1.1, Luận án đã đánh giá hiện trạng chung về trình độ và kỹ năng của lực lượng Công an trong thực hiện các giải pháp UPBĐKH, PCTT và TKCN. Bảng 3.5 đã đánh giá sơ bộ về trình độ và kỹ năng nói chung của các CBCS. Với mục tiêu đánh giá hiện trạng về trình độ và kỹ năng của các CBCS thực hiện công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN trong giai đoạn chuẩn bị khi các thông tin về dự báo trung hạn hoặc ngắn hạn đã được cập nhật và ghi nhận, tập trung vào 02 nội dung, bao gồm khả năng ứng phó của các chiến sĩ với các nguồn thông tin từ cộng đồng, các đơn vị tổ chức có liên quan, cũng như khả năng tiếp cận và phán đoán tình hình và đưa ra những hành động/quyết định phù hợp với tình hình và thông tin về thời tiết khí hậu.

Mặc dù các thông tin này quan trọng và quyết định hiệu quả của công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN, tuy nhiên, hiện nay còn thiếu báo cáo chi tiết về hiện trạng và những vướng mắc mà các CBCS gặp phải. Để có thể nâng cao hiệu quả và đóng góp của ngành Công an, do đó Luận án sẽ tiến hành đề xuất các giải pháp liên quan đến trình độ và kỹ năng của CBCS trong các giai đoạn khác nhau (*Chi tiết trong Chương 4*). Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.11.

Bảng 3.11. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến chuẩn trình độ và kỹ năng trong giai đoạn chuẩn bị

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Trình độ và kỹ năng	- Khả năng tiếp nhận và xử lý các thông tin cảnh báo từ cộng đồng và các tổ chức/đơn vị có liên quan	Thường được giao cho các CBCS có kinh nghiệm thực tế chuẩn bị (<i>Giao cho bộ phận Tham mưu; Hậu cần; Giao thông, Cơ động PCCC thực hiện</i>)
	- Khả năng tiếp nhận, phán đoán tình hình và phản ứng phù hợp kịp thời với các thông tin dự báo về thời gian, cường độ và phạm vi ảnh hưởng của thiên tai	Thường được giao cho các CBCS có kinh nghiệm thực tế chuẩn bị (<i>Giao cho bộ phận Tham mưu; Hậu cần; Giao thông, Cơ động PCCC thực hiện</i>)

3.1.3. Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai

1. Cơ cấu tổ chức

Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương liên quan chủ động ứng phó với thiên tai, tổ chức thành lập nhiều đoàn công tác tiền phương do lãnh đạo Bộ làm trưởng đoàn trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo công tác ứng phó và TKCN, cứu hộ cũng như hỗ trợ khắc phục hậu quả do thiên tai, bão lũ gây ra; ban hành hàng chục Công điện, mệnh lệnh chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương ứng phó kịp thời. Hỗ trợ vận chuyển các chuyên hàng PCTT và kinh phí, nhu yếu phẩm cho Công an các đơn vị, địa phương bị thiệt hại do thiên tai để khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống, công tác, sinh hoạt.

Ngoài tuân thủ các quy định trong các Luật (*như Luật Phòng chống thiên tai*), các văn bản pháp quy của Chính phủ như Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 06/7/2021 (thay thế Nghị định số 160/2018/NĐ-CP), về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều, các văn pháp quy khác, nhằm thực hiện hiệu quả công tác cơ cấu tổ chức trong giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai, Bộ Công an ban hành Thông tư 05/2021/TT-BCA, quy định về hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN của lực lượng Công an. Các nội dung chi tiết cụ thể yêu cầu thực hiện trong giai đoạn này cũng được nêu ra chi tiết trong Quyết định số 5797/QĐ-BCA trong đó, với các cấp độ rủi ro khác nhau và các loại hình thiên tai khác nhau được quy định cụ thể.

Trong Chương 2 Luận án đã trình bày các nhiệm vụ cơ bản được thực hiện bởi lực lượng CAND trong và ngay sau khi xảy ra sự cố và hiểm họa về thiên tai. Trong mục này, Luận án tập trung đánh giá hiện trạng, hiệu quả đóng góp của lực lượng CAND trong thực hiện các giải pháp của cả nước nhằm thực hiện nhiệm vụ UPBĐKH, PCTT và TKCN, Luận án tiến hành đánh giá dựa trên 3 tiêu chí:

(1) Ban hành kịp thời và chính xác các công điện, mệnh lệnh nhằm thực hiện các hoạt động PCTT và TKCN;

(2) Kết hợp và huy động các nguồn lực và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác PCTT và TKCN;

(3) Khả năng phản ứng nhanh và chủ động trong triển khai các hành động PCTT và TKCN (*mức độ phù hợp và kịp thời của các quyết định chỉ huy điều hành ứng phó*).

Để có thể có những hành động phù hợp và kịp thời với những diễn biến phức tạp của thời tiết và những thiệt hại tại các đơn vị, địa phương, Bộ Công an luôn sát sao và ban hành các Công điện chỉ đạo việc thực hiện các hoạt

động PCTT và TKCN. Hàng năm, vào mùa mưa, bão, các đơn vị được phân công của Bộ Công an luôn tổ chức thường trực 24/24 và ban hành các Công điện kịp thời. Cụ thể như, năm 2016: Ban hành 25 Công điện chỉ đạo các đơn vị lực lượng Công an tổ chức ứng phó 09 cơn bão lớn và các đợt thiên tai nguy hiểm; Năm 2017: Ban hành 28 Công điện; Năm 2018: Ban hành 17 Công điện; Năm 2019: Ban hành 28 Công điện. Trong năm 2020 với mức độ khốc liệt và diễn biến thất thường của mưa lũ và các trận bão lớn liên tiếp, Bộ Công an đã ban hành 23 Công điện và 04 Điện mật. Năm 2021 ban hành 25 Công điện để chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân các đơn vị tổ chức ứng phó các đợt thiên tai, bão lũ, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả thiên tai tại các tỉnh miền Trung trong đợt mưa, lũ lịch sử năm 2020 (Hình 3.2).



Hình 3.2. Cán bộ chiến sĩ thực hiện công tác cứu hộ cứu nạn tại Miền Trung (tháng 10/2020)

Nguồn: (NCS tham gia tại địa phương)

Bảng 3.12. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức trong giai đoạn ứng phó trong và sau thiên tai

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Cơ cấu tổ chức	- Ban hành kịp thời và chính xác các công điện, mệnh lệnh nhằm thực hiện các hoạt động PCTT và TKCN;	Đã thực hiện và đảm bảo tốt các yêu cầu của thực tế
	- Kết hợp và huy động các nguồn lực và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác PCTT và TKCN;	Đã được quan tâm và thực hiện nghiêm túc. Đã góp phần không nhỏ và giảm các mức độ thiệt hại người và của tại các địa phương
	- Khả năng phản ứng nhanh và chủ động trong triển khai các hành động PCTT và TKCN (mức độ phù hợp và kịp thời của các quyết định chỉ huy điều hành ứng phó).	Đã thực hiện và đảm bảo tốt các yêu cầu của thực tế

Công tác huy động lực lượng trong và ngay sau thiên tai và sự cố luôn được thực hiện nghiêm túc và bài bản. Ví dụ, trong năm 2014, riêng Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động (K02) đã điều động tăng cường hơn 2.000 lượt cán bộ chiến sĩ trực thuộc cùng với trang thiết bị kịp thời xuống địa bàn, phối hợp với các lực lượng và cấp ủy chính, quyền địa phương sơ tán Nhân dân, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, vận chuyển lương thực, thực phẩm nước uống đến địa bàn bị mưa lũ chia cắt, tham gia khắc phục hậu quả do thiên tai mưa lũ gây ra tại các tỉnh miền Trung như: Thừa Thiên - Huế, thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, tiêu biểu các đơn vị như Tiểu đoàn CSDN số 3 và Trung đoàn CSCĐ duyên hải Nam Trung Bộ (E23) đã trực tiếp chỉ huy và xuống đại bàn giúp dân ứng phó và khắc phục hậu quả. Trong đợt mưa lũ miền Trung tháng 10/2020, lực lượng Công an các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung đã phối hợp với chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố lên phương án và sơ tán tổng cộng 3.250 hộ với 10.994 người (Quảng Trị 2.796 hộ/10.141 người, Thừa Thiên - Huế 271 hộ/780 người, Đà Nẵng 23 hộ/73 người, Quảng Nam 59 hộ) tại các khu vực bị ngập sâu, nguy cơ cao xảy

ra sạt lở đất đến nơi an toàn. Ngoài ra, tiếp tục nắm tình hình, diễn biến thiên tai để tham mưu cấp uỷ, chính quyền địa phương có các phương án tiếp tục di dời, sơ tán Nhân dân và hỗ trợ người dân khu vực bị chia cắt lương thực, thuốc men và nhu yếu phẩm.

Nhìn chung, trong thời gian vừa qua, công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN đã được ngành Công an triển khai quyết liệt và có những kết quả nhất định, thiệt hại về người, tài sản đã giảm nhưng vẫn ở mức cao (Bảng 3.12).

2. Nguồn lực

Việc đảm bảo nguồn lực trong giai đoạn này đóng vai trò then chốt trong công tác PCTT và TKCN của toàn ngành, cũng như đóng góp quan trọng và nỗ lực chung của tỉnh, địa phương và cả nước. Phương châm và nguyên tắc chỉ đạo của Bộ Công an là tổ chức thường trực nghiêm túc 24/24h trong ngày, theo dõi sát diễn biến của thiên tai, bão, mưa lũ; ban hành nhiều Công điện để kịp thời chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai công tác ứng phó với đợt thiên tai trên toàn quốc. Đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc hoạt động thông suốt giữa cơ quan Bộ và Công an các đơn vị, địa phương. Tuy vậy, trong tình hình diễn biến thực tế của các trận, bão, lũ lụt và lũ quét, tại nhiều địa phương các chế độ về thông tin, báo cáo vẫn chưa thực sự nghiêm và đáp ứng được các yêu cầu của chế độ thông tin báo cáo.

Về kinh phí thực hiện các nhiệm vụ PCTT và TKCN, Bộ Công an luôn chủ động cấp phát kinh phí, vật tư và phương tiện cho Công an địa phương và các đơn vị, cũng như các nguồn kinh phí cấp phát bổ sung và hỗ trợ cho các hoạt động khắc phục và phục hồi các tổn thất và thiệt hại cho các khu vực bị ảnh hưởng. Ví dụ năm 2016, kinh phí cấp phát vật tư, trang thiết bị cho Công an các đơn vị và địa phương là hơn 7 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả ngay sau thiên tai là hơn 58 tỷ đồng, ngoài ra các Quỹ của Bộ Công an còn hỗ trợ thêm như Quỹ Nghĩa tình đồng đội hỗ trợ số tiền là hơn 11 tỷ

đồng. Đặc biệt trong đợt mưa lũ miền Trung tháng 10 đến hết tháng 11 năm 2020, Bộ Công an cũng đã huy động mạnh mẽ các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện và hỗ trợ các hoạt động PCTT và TKCN cho Công an các đơn vị, địa phương tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Ngãi, Bình Định với số tiền trên 25 tỷ đồng và các trang thiết bị và phương tiện tương đương 08 tỷ đồng. Kết quả đánh giá được tổng hợp trong Bảng 3.13.

Bảng 3.13. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn trong và sau thiên tai

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Nguồn lực	- Đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc	Luôn được đề cập trong kế hoạch hàng năm, tuy nhiên vẫn còn thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.
	- Đảm bảo giảm thiểu các thiệt hại đến hoạt động sản xuất (<i>thu hoạch hoa màu, lúa, nuôi trồng thủy hải sản, ...</i>).	Các hoạt động đã được thực hiện theo phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của các CBCS, tuy nhiên hạn chế về mặt cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và trình độ công nghệ, do đó vẫn còn có những hạn chế nhất định.
	- Đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ công tác hỗ trợ ngay trong và sau thiên tai	
	- Đảm bảo thực hiện di dời kịp thời và hiệu quả các hộ gia đình bị ảnh hưởng.	
	- Đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và ANTT, an toàn công trình công cộng và dân sinh trong điều kiện thiên tai	
- Đảm bảo công tác cứu trợ và tiếp nhận cứu trợ		

3. Trình độ và kỹ năng

Ngoài trình độ và kỹ năng trong thực hiện các hoạt động UPT, để giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản cho dân vùng bị ảnh hưởng, trong nội dung này Luận án đánh giá công tác đảm bảo an toàn cho lực lượng CBCS làm nhiệm vụ. Trên thực tế, có rất nhiều nguy hiểm cho lực lượng CAND, đặc biệt trong công tác TKCN. Hàng năm, luôn có số lượng các CBCS làm nhiệm vụ bị thương hoặc hy sinh, như năm 2012 là 02 đồng chí bị hy sinh, 06 đồng

chị bị thương; năm 2013 là 02 đồng chí bị hy sinh; năm 2016 là 01 đồng chí bị hy sinh; năm 2020 là 01 đồng chí bị hy sinh.

Bảng 3.14. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn phục hồi và tái thiết

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Trình độ và kỹ năng	- Ứng dụng KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN	Đã đang triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch (<i>Xây dựng và thành lập 08 cụm tuyến liên kết vùng PCTT và TKCN của 08 vùng trọng điểm thiên tai</i>)
	- Đảm bảo an toàn cho lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN	Luôn được quan tâm và triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm bảo tính an toàn trong ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Như vậy có thể thấy, mặc dù công tác chuẩn bị và huấn luyện lực lượng đã được thực hiện bài bản và liên tục được cập nhật và bổ sung, tuy nhiên trong điều kiện thiên tai, thời tiết và khó khăn về địa hình cũng như thiếu các trang thiết bị bảo hộ hiện đại, thiệt hại về người của lực lượng CAND, đặc biệt trong công tác TKCN, cứu hộ còn nhiều thử thách. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.14.

3.1.4. Giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển

Như đã trình bày trong mục 2.3.4, giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương và cộng đồng xây dựng và thực hiện các hành động khôi phục, xây dựng lại khu vực bị ảnh hưởng, cũng như tiếp tục các nỗ lực ứng phó phù hợp đã được thực hiện trong các giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu, giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai.

Trong mục này, Luận án tập trung phân tích các tiêu chí liên quan đến hiệu quả và đóng góp của ngành Công an trong công tác phục hồi và tái thiết Công an các đơn vị và địa phương, cũng như các ngành và các đơn vị có liên quan bị tác động cho thiên tai, bão, lũ lụt và lũ quét trong bối cảnh BĐKH.

1. Cơ cấu tổ chức

Trong mục 3.1.1 đã trình bày sơ bộ về hiện trạng công tác đảm bảo các chế độ và chính sách đãi ngộ CBCS thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN. Để có thể hướng tới tái thiết và phát triển lực lượng CAND, đặc biệt tham gia hiệu quả và an toàn công tác TKCN, Bộ Công an cần phải xây dựng và bổ sung các quy định cụ thể về đào tạo, cấp chứng chỉ huấn luyện kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN. Xây dựng và thực hiện các chính sách mới khuyến khích các hoạt động khoa học công nghệ, thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực cho lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm phục vụ công tác phòng, chống và GNTT.

Quyết định số 4147/QĐ-BCA-H43 ban hành ngày 28/9/2016 đã xác định cụ thể các nhiệm vụ có liên quan đến công tác đảm bảo trang cấp cho lực lượng CBCS tham gia công tác PCTT và TKCN, 100% cán bộ thường trực chuyên trách có đủ nơi làm việc và nơi ở theo quy chuẩn chất lượng hậu cần của Nghị định 18/2013/NĐ-CP. Tuy nhiên tính đến năm 2020, chưa có nhiều thông tin và báo cáo những tiến bộ và kết quả đạt được mục tiêu này. (Năm 2018, Bộ Công an triển khai cơ cấu tổ chức mới theo Nghị định số 01/2018/NĐ-CP, ngày 06/8/2018 của Chính phủ). Để tiếp tục triển khai thực hiện theo đề án này, cơ quan thường trực cần phải đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới theo Nghị định số 01/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.15.

Bảng 3.15. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Cơ cấu tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN; - Xây dựng và bổ sung các chính sách đãi ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN. 	Đã được đặt ra trong Đề án thực hiện giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030.

2. Xây dựng và lập kế hoạch

Như đã trình bày trong mục 3.1.1 liên quan đến các nội dung lồng ghép các yêu cầu và quy định trong thực hiện PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, Bộ Công an đã từng bước triển khai và thực hiện. Tuy nhiên chưa có nhiều báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ này. Thêm vào đó, để có thể phục hồi và phát triển lực lượng CAND trong bối cảnh của BĐKH, Bộ Công an cần xác định các mục tiêu cụ thể và tiêu chí đánh giá việc lồng ghép này trong các kế hoạch và đề án phát triển trung hạn và dài hạn của ngành Công an. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.16.

Bảng 3.16. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến xây dựng và lập kế hoạch trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Xây dựng và lập kế hoạch	- Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành (gồm 06 nội dung quy định trong Khoản 5 Điều 15 của Luật PCTT)	<i>Chưa thực hiện nhiều trong công tác xây dựng và lập kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của ngành</i>

3. Nguồn lực

Để đảm bảo nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả và phát triển lực lượng CAND tham gia công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN, Quyết định số 4147/QĐ-BCA-H43 ban hành ngày 28/9/2016 đã xác định cụ thể các mục tiêu về nguồn nhân lực, nguồn lực về cơ sở hạ tầng, nguồn lực khoa học công nghệ và nguồn lực quốc tế. Trong đó:

- 100% Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố có phòng cảnh sát cứu nạn cứu hộ; 100% phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an tỉnh có đội cảnh sát cứu nạn, cứu hộ;

- 100% Phòng cảnh sát PCCC quận, huyện có đội cảnh sát CNCH;

- 100% Các đơn vị kiêm nhiệm, các đơn vị có chức năng tham gia công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN (*CSCĐ, CSGT, Y tế, Thông tin liên lạc, ...*) thành lập lực lượng dự bị cơ động được trang bị phương tiện và huấn luyện kỹ năng;

- 100% Các trường Công an, Công an các địa phương thành lập các đơn vị dự bị xung kích PCTT và TKCN là học sinh, sinh viên và đoàn viên thanh niên.

Ngoài ra Bộ Công an cũng đặt ra một số các tiêu chí về phát triển khoa học công nghệ, cụ thể 90% các cơ sở sản xuất, công nghiệp trong ngành Công an áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu. Các đề tài NCKH trong ngành hướng tới được áp dụng 100% trong triển khai và thực hiện công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.17.

Bảng 3.17. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến nguồn lực trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Nguồn lực	- Đầu tư mới và nâng cấp các phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác;	Đã được đề cập và từng bước thực hiện trong các chiến lược và kế hoạch phát triển của ngành, tuy nhiên thiếu các số liệu cập nhật kết quả và tình hình thực hiện.
	- Nâng cấp và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến cho các hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin;	
	- Tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm, KHCN và tài chính trong thực hiện PCTT và TKCN.	

4. Trình độ và kỹ năng

Bảng 3.18. Đánh giá sơ bộ về nội dung liên quan đến trình độ và kỹ năng trong giai đoạn phục hồi và tái thiết/phát triển

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Trình độ và kỹ năng	- Thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn của lực lượng CAND trong PCTT và TKCN	Đã được đề cập và từng bước thực hiện trong các chiến lược và kế hoạch phát triển của ngành, tuy nhiên thiếu các số liệu cập nhật kết quả và tình hình thực hiện.
	- Tập trung phát triển KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN	

Trình độ và kỹ năng của cán bộ chiến sĩ trong ngành Công an, được đánh giá thông qua các đề án, dự án, chương trình về phát triển khoa học công nghệ và các buổi tập huấn nâng cao trình độ liên quan đến công tác UPT được tổ chức trong ngành. Kết quả đánh giá sơ bộ được tổng kết trong Bảng 3.18.

3.2. Đánh giá hiện trạng công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tiếp cận từ dưới lên

Để có thể đánh giá được đóng góp và hiệu quả của ngành Công an theo hướng phân tích hiện trạng công tác PCTT và TKCN cấp tỉnh (thông qua các hoạt động của Công an Nghệ An), Luận án tiến hành thu thập tài liệu, điều tra khảo sát và phỏng vấn các CBCS trên địa bàn tỉnh. Các nội dung phỏng vấn theo bảng hỏi chi tiết trong Phụ lục đã được thực hiện tại Nghệ An. Luận án cũng tiến hành phỏng vấn nhóm các CBSC theo các nội dung được đề xuất trong mục 2.3.4. Các kết quả có thể được phân tích như sau:

3.2.1. Giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

1. Cơ cấu tổ chức

Công an Nghệ An luôn thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Bộ Công an và các chỉ đạo của UBND tỉnh, đặc biệt trong PCTT và TKCN. Các văn bản luôn được cập nhật và báo cáo theo yêu cầu của cấp trên. Có thể nhận thấy về cơ cấu tổ chức tại Công an Nghệ An được thực hiện đồng nhất và hiệu quả.

Theo nhận xét của CBCS Công an Nghệ An trực tiếp tham gia lực lượng PCTT và TKCN của tỉnh:

“Khi nhận được các văn bản chỉ đạo của Bộ thì Công an tỉnh Nghệ An tiến hành tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong toàn tỉnh và báo cáo Bộ theo quy định hàng tháng, quý, 6 tháng và báo cáo tổng kết năm” [08.TT.NVD....].

“Lãnh đạo Công an tỉnh thường thực hiện chỉ đạo rất sát sao công tác triển khai các văn bản chỉ đạo, các phương án đã được thống nhất từ Bộ Công an và UBND tỉnh” [34.TT.NTA...].

2. Về xây dựng và lập kế hoạch

Trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu, Công an Nghệ An luôn phối hợp và tham gia cùng BCH PCTT và TKCN tỉnh xây dựng các báo cáo đánh

giá công tác hàng năm và phương hướng nhiệm vụ cho các năm tiếp theo. Các CBCS trong các đơn vị có liên quan và Công an các đơn vị địa phương (Thành phố, huyện, thị xã, thị trấn, phường, xã, ...) luôn tham gia góp ý về dự thảo các báo cáo. Do đó, các thông tin và tính sát thực của các kế hoạch thực hiện UPBĐKH, PCTT và TKCN của tỉnh luôn được cập nhật đến cấp xã.

Một trong những nhiệm vụ mà CBCS thực hiện công tác quản lý tại Công an địa phương là tham gia soạn thảo và xây dựng văn bản và các kế hoạch về PCTT và TKCN, tham mưu xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các kế hoạch phòng, chống thiên tai cũng như lồng ghép các hoạt động này vào các kế hoạch phát triển của ngành Công an trên địa bàn tỉnh. Theo các CBCS tại Nghệ An, Công an địa phương luôn tham gia vào BCH PCTT và TKCN các cấp đây cũng là lực lượng nòng cốt để tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác PCTT và TKCN.

Ngoài ra, để chuẩn bị sẵn sàng các hoạt động PCTT và TKCN của tỉnh khi mùa mưa bão đến, Công an Nghệ An quán triệt thực hiện xây dựng và lên các kế hoạch cụ thể về công tác thông tin, truyền thông và tổ chức các tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN. Công an Nghệ An đã xây dựng chi tiết các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cũng như nhu cầu đào tạo và tập huấn cho các lực lượng.

Công an tỉnh Nghệ An cùng với BCH quân sự tỉnh tổ chức diễn tập, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cứu hộ, cứu nạn. Tuy nhiên về hiệu quả và nhu cầu đáp ứng của công tác lên kế hoạch và thực hiện các kế hoạch trong đào tạo và tập huấn còn hạn chế, một số các CBCS cho rằng:

“Công tác đào tạo, tập huấn, huấn luyện, diễn tập các phương án còn ít, số lượng chưa qua đào tạo các công việc liên quan đến UPBĐKH,

PCTT&TKCN còn nhiều, điều kiện thao trường bãi tập còn chưa đáp ứng được yêu cầu [09.TT.NTA...].

Thêm vào đó kết quả điều tra khảo sát cũng cho thấy, hệ thống thể chế và cơ chế quản lý ở cấp địa phương cần có những điều chỉnh bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và lập kế hoạch. Hình 3.3 chỉ ra, trong tổng số 50 cán bộ chiến sĩ (CBCS) được phỏng vấn tại Nghệ An, có 34 đồng chí phản ánh về nhu cầu thực hiện các giải pháp liên quan đến thể chế và cơ cấu thực hiện các nhiệm vụ PCTT và TKCN.

3. Về nguồn lực thực hiện và trình độ kỹ năng của lực lượng CAND

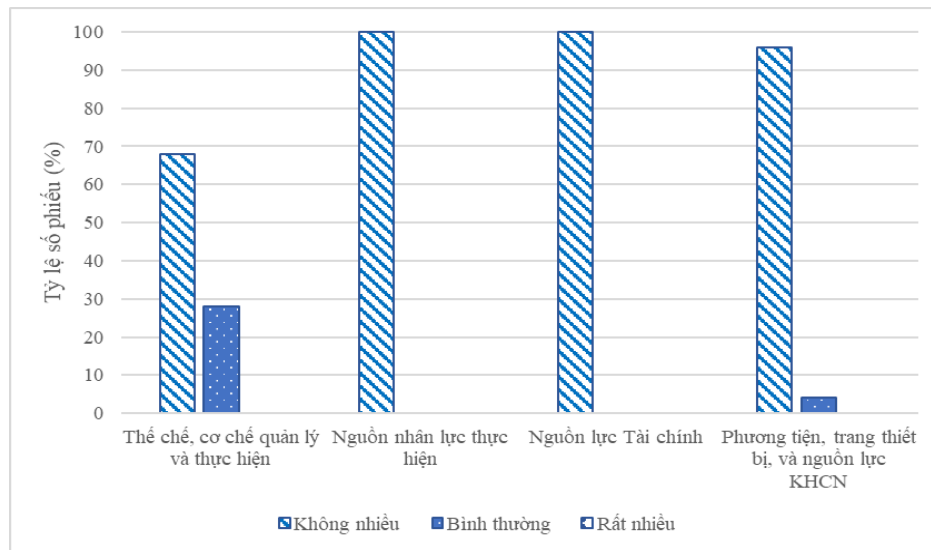
Trong giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu, Công an Nghệ An hàng năm thực hiện tổng hợp các nhu cầu, lập dự trù vật tư, phương tiện và quán triệt công tác huy động mọi nguồn lực tại chỗ phục vụ công tác PCTT và TKCN.

Khả năng huy động nguồn lực tối đa các CBCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An, (tính đến năm 2020) là 3700 người. Chi tiết số lượng các CBCS tương ứng với các các nhiệm vụ và đối tượng như trong Bảng 3.19.

Như vậy có thể thấy lực lượng kiêm nhiệm, dự bị và xung kích là lực lượng dự bị tăng cường bổ sung cho các lực lượng chuyên trách và kiêm nhiệm. Ngoài ra, nhiều ý kiến cho rằng cần phải có các giải pháp điều chỉnh và nâng cao chất lượng của các CBCS trong thực hiện công tác PCTT và TKCN trong giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu.

Bảng 3.19. Thống kê số lượng cán bộ chiến sĩ tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Nhiệm vụ	Đơn vị	Thường trực	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Xung kích	Dự bị
ƯPBDKH	PH10	10%	5%	95%	50%	15%
PCTT	PV01	50%	5%	95%	100%	15%
TKCN	PC07, PC08, PC08B	70%	70%	30%	100%	25%



Hình 3.3. Đánh giá của cán bộ chiến sĩ về mức độ và nhu cầu trong giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu

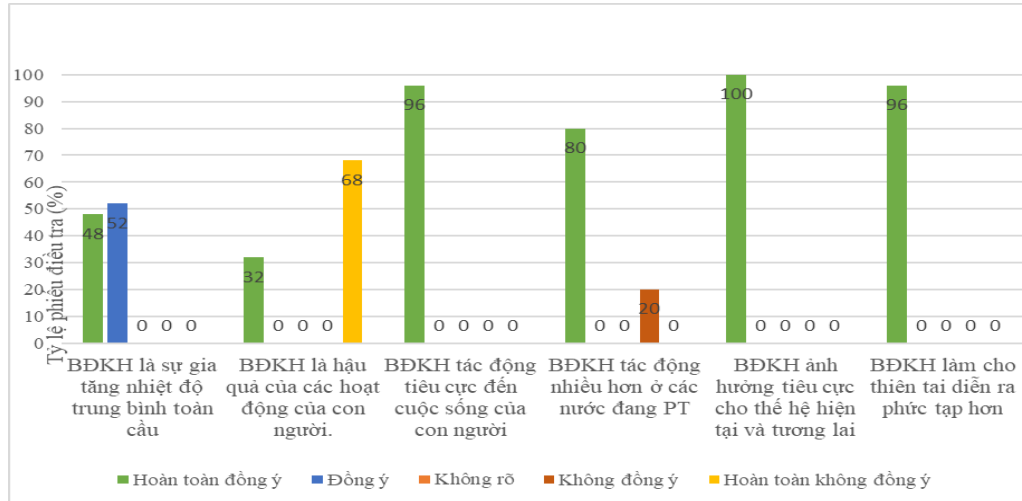
Nguồn: (Khảo sát thực tế tại Nghệ An)

Hình 3.3 cũng chỉ ra, nhu cầu của lực lượng Công an tỉnh Nghệ An trong thực hiện các biện pháp PCTT và TKCN trong giai đoạn chuẩn phòng ngừa/giảm thiểu. Các CBCS đề cập đến nguồn lực tài chính là 1 trong 2 vấn đề cần được lãnh đạo Bộ Công an cùng UBND tỉnh xem xét và giải quyết. Hiện nay, kinh phí PCTT chưa được quy định trong mục lục ngân sách nhà nước, hoạt động phòng ngừa còn phải vận dụng các quy định khác để thực hiện.

Thêm vào đó, nhận thức về BDKH của các CBCS thuộc Công an tỉnh Nghệ An được trình bày như trong Hình 3.4. Có thể nhận thấy sự tương đồng trong nhận thức và kiến thức về BDKH, tuy nhiên vẫn có đến 68% CBCS trả lời không đồng ý rằng BDKH là hậu quả của các hoạt động con người, không phải là hiện tượng tự nhiên.

Ngoài ra, với trình độ khoa học công nghệ và hiện trạng các loại hình công nghệ và trang thiết bị phục vụ công tác các CBCS cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và nguy hiểm đến tính mạng, đặc biệt trong công tác TKCN, 48/50 đồng chí thể hiện nhu cầu cần nâng cao và áp dụng KHCN

tiên tiến hiện đại cho Công an địa phương tại Nghệ An. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.20.



Hình 3.4. Nhận thức về biến đổi khí hậu của cán bộ chiến sĩ làm công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở Nghệ An

Nguồn: (Khảo sát thực tế tại Nghệ An)

Bảng 3.20. Đánh giá đóng góp và hiệu quả của Công an Nghệ An trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu

Nhóm	Nội dung	Đánh giá có sự tham gia
Cơ cấu tổ chức	- Hệ thống văn bản pháp quy có liên quan được rà soát và cập nhật	Quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an và BCH PCTT và TKCN tỉnh Nghệ An
	- Đảm bảo sự thống nhất và thông suốt trong chỉ đạo và chỉ huy giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương, và cấp cơ sở/cộng đồng	Công an địa phương Nghệ An đảm bảo thực hiện xuyên suốt trên địa bàn tỉnh
Xây dựng và lập kế hoạch	- Mức độ cập nhật các thông tin và tính sát thực của các kế hoạch được xây dựng	Các thông tin được cập nhật liên tục và quan tâm thực hiện
	- Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành	
	- Kế hoạch thông tin, truyền thông và tổ chức các tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN	Được quan tâm và thực hiện trong báo cáo hàng năm về UPBĐKH, PCTT và TKCN. Tuy nhiên số lượng còn ít

Nhóm	Nội dung	Đánh giá có sự tham gia
Nguồn lực	- Định kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư mới nhằm đảm bảo nguồn lực (<i>phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác – đảm bảo nguyên tắc “4 tại chỗ”</i>);	Luôn được đề cập trong kế hoạch hàng năm, tuy nhiên vẫn còn thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.
	- Định kỳ thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư mới trang thiết bị của hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin	Luôn được đề cập trong kế hoạch hàng năm
	- Hỗ trợ thực hiện xây dựng và nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác ở khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai và kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai	Hệ thống trụ sở, công trình của Bộ và Công an địa phương được Bộ chỉ đạo Cục quản lý xây dựng và doanh trại của Bộ tổ chức thống kê và có phương án nâng cấp phù hợp với công tác PCTT và TKCN trong điều kiện BDKH.
	- Kế hoạch/dự kiến Phân bổ nguồn lực tài chính cho các hoạt động hàng năm thực hiện phòng ngừa và giảm thiểu	Sử dụng nguồn kinh phí chi an ninh thường xuyên của BCA cấp cho địa phương hàng năm,...
	- Phát triển và nâng cao chất lượng lực CBCS cũng như nâng cao khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (<i>Thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị</i>)	Đã đầu tư thực hiện, tuy nhiên trong các kế hoạch hàng năm về UPBĐKH, PCTT và TKCN cần thực hiện tốt hơn nữa
	- Thực hiện đãi ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN	Đã quan tâm, nhưng cần bổ sung các nội dung về chế độ lương, phụ cấp, bảo đảm quyền lợi cho các lực lượng tham gia PCTT và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ CAND
Trình độ và kỹ năng	- Đẩy mạnh áp dụng KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN	Đã được quan tâm và từng bước thực hiện, tuy nhiên cơ sở hạ tầng còn hạn chế
	- Đảm bảo hoạt động diễn tập phù hợp với các cấp độ rủi ro của sự cố, thiên tai	Đã được quan tâm và từng bước thực hiện
	- Hoạt động truyền thông và nâng cao năng lực của lực lượng CAND trong PCTT và TKCN.	Đã được quan tâm và từng bước thực hiện

3.2.2. Giai đoạn chuẩn bị

Trong mục này, Luận án tiến hành đánh giá thực trạng và đóng góp của của lực lượng Công an tỉnh Nghệ An trong công tác PCTT và TKCN trong giai đoạn khi có các dự báo ngắn hạn về thiên tai. Các hành động trong giai đoạn này sẽ tập trung nhiều vào việc xây dựng kế hoạch hoặc sự chuẩn bị sẵn sàng ứng phó và phục hồi trước các tình huống khẩn cấp.

1. Về cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào các nội dung đánh giá đề xuất trong mục 2.3.4, có thể thấy, Công an Nghệ An đã triển khai thực hiện và đảm bảo đầy đủ các chỉ đạo của cấp trên kịp thời và phù hợp với điều kiện của địa phương. Tất cả các CBCS tham gia làm nhiệm vụ PCTT và TKCN đều phản ánh mức độ và thái độ nghiêm túc trong thực hiện trực ban để theo dõi nắm bắt thông tin, tình hình từ Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia cũng như công điện chỉ đạo của Trung ương [2]. 100% CBSC được phỏng vấn, phản hồi là đánh giá cao tính hiệu quả của công tác trực ban.

2. Xây dựng và lập kế hoạch

Một trong những nhiệm vụ nhận được nhiều ý kiến của lực lượng CBCS tại Nghệ An về việc tham gia trong giai đoạn chuẩn bị khi có các thông tin về các thiên tai là công tác tham gia chỉ đạo và giám sát công tác chuẩn bị dự phòng, bảo quản, bảo dưỡng vật tư, phương tiện, trang thiết bị, lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men phục vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả sau bão, lụt. 100% CBSC được phỏng vấn, phản hồi là tham gia rất nhiều và đánh giá cao tính hiệu quả của công tác trực ban.

Ngoài ra để có thể chủ động huy động nhanh và hiệu quả các nguồn lực và lực lượng tại chỗ tham gia công tác PCTT và TKCN, khi có các thông tin về dự báo ngắn hạn, Công an Nghệ An, tùy tình hình thực tế địa phương hoặc mức độ rủi ro của các thiên tai mà điều động hoặc lên kế hoạch cụ thể về điều

động các lực lượng tham gia diễn tập PCTT, tai nạn, thương tích và TKCN. Điều này đảm bảo tính chủ động và sẵn sàng của Công an Nghệ An trong giai đoạn chuẩn bị ứng phó với thiên tai.

Các dự trù về nhu cầu vật tư, phương tiện và chỉ huy tại chỗ cũng được các lực lượng CAND thực hiện từ cấp tỉnh, huyện và cấp xã. Chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, lương thực dự trữ vật chất hậu cần, tài chính bảo đảm cho công tác PCTT và TKCN. Đồng thời tham mưu cho UBND các huyện, thành, thị tổ chức hội nghị hiệp đồng lực lượng, phương tiện làm nhiệm vụ PCTT và TKCN với các đơn vị Công an, Quân đội đứng chân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân có phương tiện phục vụ cho công tác cứu hộ, cứu nạn.

Trong giai đoạn chuẩn bị, lực lượng CBCS Công an Nghệ An đã tham gia cùng với các đơn vị chức năng trong tỉnh xây dựng và thực hiện các quyết định của UBND tỉnh cũng như BCH PCTT và TKCN về các phương án ứng phó với thiên tai trên địa bàn Tỉnh, trong đó bao gồm cả những chỉ đạo về đảm bảo an toàn cho hệ thống thủy lợi trọng điểm như: Thủy lợi Nam, Thủy lợi Bắc, hồ Vực Máu, hồ Sông Sào, hồ Khe Đá; phê duyệt phương án PCLB tuyến đê Tả Lam, cống Nam Đàn, phương án bảo vệ 95 hồ chứa do doanh nghiệp Thủy lợi quản lý và phương án PCLB đảm bảo an toàn đập.

3. Về nguồn lực và trình độ kỹ năng của các CBCS

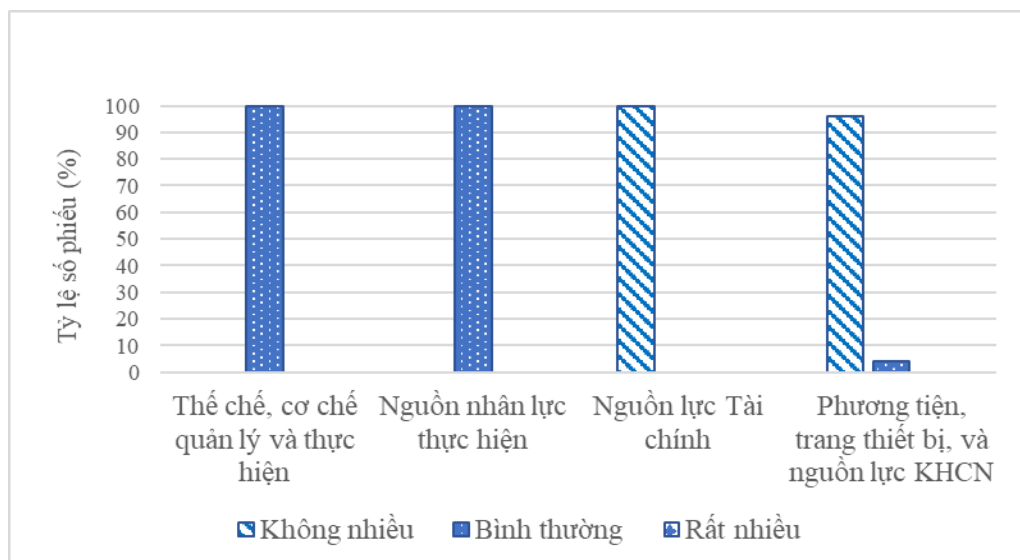
Tương tự với các hoạt động trong giai đoạn phòng ngừa/giảm thiểu, lực lượng CAND tỉnh Nghệ An tham gia tích cực vào các hoạt động PCTT và TKCN trong giai đoạn chuẩn bị khi có các thông tin dự báo thiên tai. Lực lượng Công an cùng với lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc việc không cho tàu thuyền ra khơi khi có thông tin dự báo về khả năng xảy ra của bão và ATNĐ. Hướng dẫn, sắp xếp các tàu thuyền vào nơi neo đậu, giữ gìn ANTT tại khu vực tránh bão. Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra trang bị phương tiện đảm bảo an toàn cho ngư dân hoạt động

trên biển theo quy định và nắm chắc số lượng, vị trí tàu thuyền trên biển, hướng dẫn di chuyển khi có bão, ATNĐ; sẵn sàng phương tiện, lực lượng tham gia TKCN khi xảy ra thiên tai.

Tuy nhiên, thông qua các lần điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin cho thấy, các CBCS ở các vị trí quản lý hay trực tiếp tham gia công tác PCTT và TKCN cũng đưa ra những nhận định về khó khăn và thiếu hụt mà họ phải đối mặt trong giai đoạn chuẩn bị, khi mà các dự báo ngắn hạn về thiên tai đã được thông báo.

Hầu hết các CBCS tham gia phỏng vấn đều phản ánh các hạn chế về nguồn nhân lực tham gia hoạt động UPT, cụ thể là số lượng, lực lượng mỏng, hạn chế về công tác đảm bảo hậu cần, kỹ thuật còn chưa đáp ứng yêu cầu, có nhiều vụ việc tham gia ứng phó với thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chữa cháy rừng phải huy động phương tiện và nhân lực từ bên ngoài.

Chi tiết kết quả tổng hợp phản hồi của các CBCS về nguồn lực và trình độ kỹ năng của CBCS tham gia hoạt động UPT được tổng kết trong Hình 3.5. Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 3.21.



Hình 3.5. Tổng hợp phản hồi của các CBCS về nguồn lực và trình độ kỹ năng của CBCS tham gia hoạt động UPT trong giai đoạn chuẩn bị

Bảng 3.21. Đánh giá đóng góp và hiệu quả hoạt động Công an Nghệ An trong giai đoạn chuẩn bị

Nhóm	Nội dung	Đánh giá có sự tham gia
Cơ cấu tổ chức	- Đảm bảo thực hiện các chỉ đạo của cấp trên (<i>các quy định, kế hoạch, công điện, ...</i>);	Đã được quan tâm và thực hiện nghiêm túc
	- Rà soát và Kiểm toàn bộ máy tại các cấp (cấp Bộ, địa phương, huyện, xã)	
	- Thực hiện trực ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ diễn biến của các loại hình thiên tai	
	- Đảm bảo các nhà máy thủy điện, các công trình thủy lợi vận hành theo đúng quy định/quyết định và kế hoạch của từng năm	
Xây dựng và lập kế hoạch	- Xây dựng và cập nhật các kế hoạch và phương án cụ thể về nguồn lực, phân công và phối hợp thực hiện (<i>kế hoạch phòng chống bão, lũ quét, sạt lở đất, ...</i>)	Được quan tâm và thực hiện
	- Xây dựng các phương án phòng chống liên quan đến các rủi ro thứ cấp (<i>ví dụ rủi ro liên quan đến an toàn các hồ chứa, nhà máy thủy điện, ...</i>)	
	- Lập kế hoạch về ngân sách và nguồn tài chính và xây dựng các phương án huy động kinh phí cho các hoạt động PCTT và TKCN	Giao các đơn vị thuộc CA tỉnh: PV01, PH10, PC07, PC08, PK02 để phối hợp xây dựng đề xuất kinh phí chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả trước mắt và báo cáo đề nghị Bộ hỗ trợ kinh phí
Chuẩn bị nguồn lực	- Rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa chữa và bảo dưỡng nhằm đảm bảo nguồn lực (<i>phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác - đảm bảo nguyên tắc "4 tại chỗ"</i>);	Đã được Bộ và CAT Nghệ An quan tâm và thực hiện. Cần được tiếp tục phát triển và đầu tư
	- Khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT&TKCN	
	- Đảm bảo hoạt động của hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin.	
Trình độ và kỹ năng	- Khả năng tiếp nhận và xử lý các thông tin cảnh báo từ cộng đồng và các tổ chức/đơn vị có liên quan	Chủ yếu là Phòng Tham mưu PV01 phối hợp các đơn vị PC07, Pc08 và PH10 đề xuất thực hiện
	- Khả năng tiếp nhận, phán đoán tình hình và phản ứng phù hợp kịp thời với các thông tin dự báo về thời gian, cường độ và phạm vi ảnh hưởng của thiên tai	Chủ yếu là Phòng Tham mưu PV01 phối hợp các đơn vị PC07, Pc08 và PH10 đề xuất thực hiện

3.2.3. Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau thiên tai

1. Cơ cấu tổ chức

Lực lượng Công an Nghệ An phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện nghiêm túc theo các chỉ đạo và các phương án ứng phó của BCH PCTT và TKCN của tỉnh. Cùng với BCH quân sự tỉnh Nghệ An, các CBCS Công an phối hợp chặt chẽ với Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ trong việc theo dõi tình hình thời tiết, thực hiện tốt việc cảnh báo thiên tai.

Kết quả khảo sát điều tra cũng cho thấy, tất cả các CBCS đều tham gia nhiều trong công tác: Tổ chức phân luồng giao thông, thực hiện cấm các cột mốc biển báo trên các tuyến đường bị ngập lụt; Ổn định việc di dời, sơ tán dân và bảo vệ an ninh an toàn về người và tài sản cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra; tổ chức cứu nạn, cứu hộ đưa người đi cấp cứu; tham gia giúp nhân dân khắc phục hậu quả, sửa chữa nhà cửa cho nhân dân và tổng hợp nhu cầu về lương thực, nhu yếu phẩm và nước uống, thuốc men, hóa chất lọc nước từ đó báo cáo lên Công an cấp trên cũng như BCH PCTT và TKCN của Tỉnh để có phương án hỗ trợ cho nhân dân.



Hình 3.6. Công an huyện Quỳnh Châu lập các điểm báo để cảnh báo người dân

Nguồn: (<http://cand.com.vn/Hoat-dong-LL-CAND/Cong-an-Nghe-An-tang-cuong-luc-luong-giup-dan-phong-chong-lu-lut-616228/>)



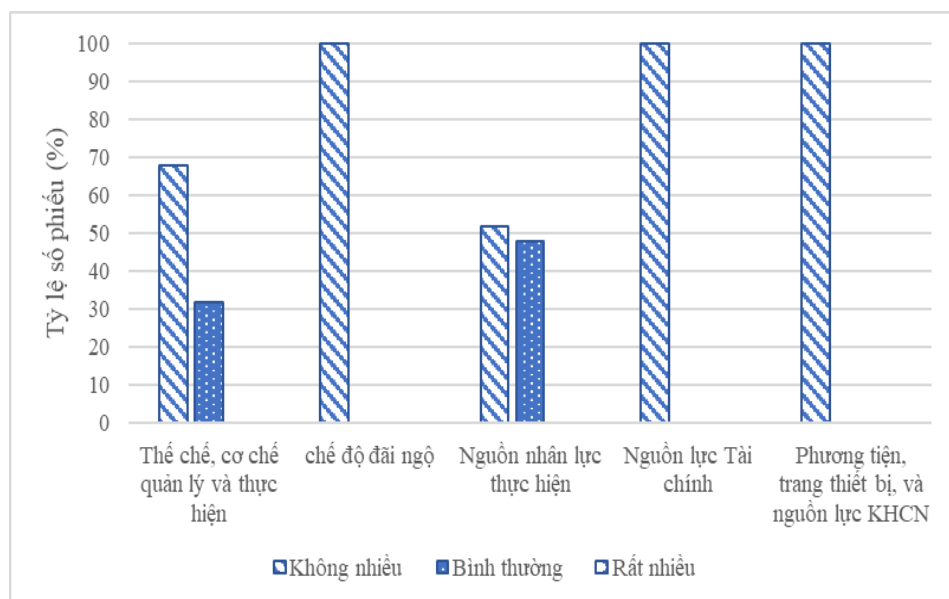
Hình 3.7. Lực lượng Công an Nghệ An giúp đỡ người dân di dời hàng hóa trong đợt mưa lớn kéo dài T10/2020

Nguồn: <https://congannghean.vn/gia-dinh-xa-hoi/202010/chu-dong-cac-giai-phap-phong-chong-thien-tai-910847/>

Ngoài ra, cùng với Bộ đội địa phương, các CBCS Công an đã phối hợp thực hiện nghiêm túc việc ngăn chặn không cho tàu thuyền ra khơi khi có bão và ATNĐ. Hướng dẫn, sắp xếp các tàu thuyền vào nơi neo đậu, giữ gìn ANTT tại khu vực tránh bão. Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra trang bị phương tiện đảm bảo an toàn cho ngư dân hoạt động trên biển theo quy định và nắm chắc số lượng, vị trí tàu thuyền trên biển, hướng dẫn di chuyển khi có bão, ATNĐ; sẵn sàng phương tiện, lực lượng tham gia TKCN khi xảy ra sự cố.

2. Về nguồn lực, trình độ và kỹ năng của CBCS

Tuy nhiên, để có thể thực hiện được tốt hơn các nhiệm vụ được giao trong công tác PCTT và TKCN, cũng như đảm bảo an toàn cho CBCS tham gia thực hiện nhiệm vụ, các CBCS cũng đưa ra những nhận định về khó khăn và thiếu hụt liên quan đến nguồn lực thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



Hình 3.8. Thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn trong và ngay sau thiên tai

Ngoài các nhu cầu điều chỉnh và bổ sung về nguồn lực tài chính, KHCN và kỹ thuật, Công an Nghệ An cũng đã có những chính sách đãi ngộ

và động viên kịp thời đối với CBCS tham gia làm nhiệm vụ, tuy nhiên Hình 3.8 cho thấy nhu cầu cao của CBCS về chế độ đãi ngộ, đặc biệt với công tác TKCN. Kết quả đánh giá được tổng kết trong Bảng 3.22.

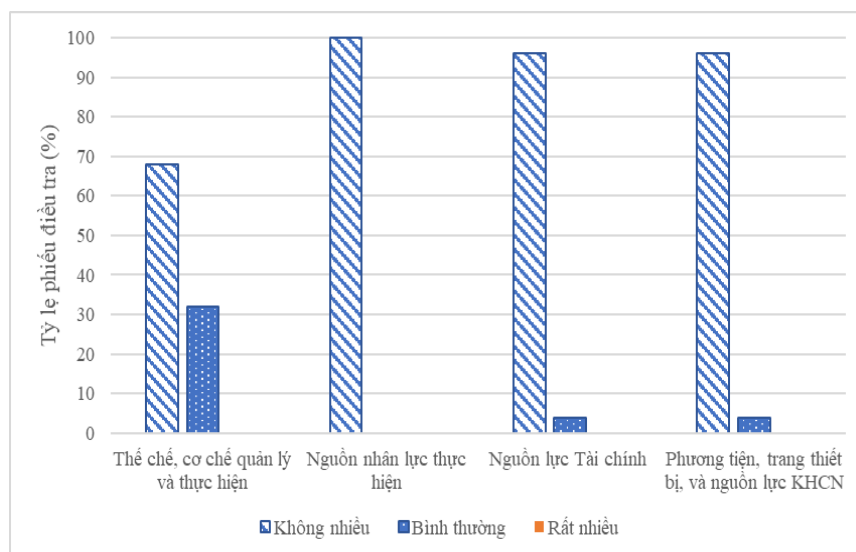
Bảng 3.22. Đánh giá đóng góp và hiệu quả hoạt động của Công an Nghệ An trong giai đoạn ứng phó trong và sau thiên tai

Nhóm	Nội dung	Đánh giá có sự tham gia
Cơ cấu tổ chức	- Ban hành kịp thời và chính xác các công điện, mệnh lệnh nhằm thực hiện các hoạt động PCTT và TKCN;	Đã thực hiện và đảm bảo tốt các yêu cầu của thực tế
	- Kết hợp và huy động các nguồn lực và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác PCTT và TKCN;	
	- Khả năng phản ứng nhanh và chủ động trong triển khai các hành động PCTT và TKCN (<i>mức độ phù hợp và kịp thời của các quyết định chỉ huy điều hành ứng phó</i>);	
Nguồn lực	- Đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc	Luôn được đề cập trong kế hoạch hàng năm, tuy nhiên vẫn còn thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.
	- Đảm bảo giảm thiểu các thiệt hại đến hoạt động sản xuất;	Các hoạt động đã được thực hiện theo phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của các CBCS, tuy nhiên hạn chế về mặt cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và trình độ công nghệ, do đó vẫn còn có những hạn chế nhất định.
	- Đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ công tác hỗ trợ ngay trong và sau thiên tai;	
	- Đảm bảo thực hiện di dời kịp thời và hiệu quả các hộ gia đình bị ảnh hưởng;	
	- Đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và ANTT, an toàn công trình công cộng và dân sinh trong điều kiện thiên tai;	
	- Đảm bảo công tác cứu trợ và tiếp nhận cứu trợ;	
Trình độ và kỹ năng	- Ứng dụng KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN;	Đã đang triển khai thực hiện các chương trình và kế hoạch
	- Đảm bảo an toàn cho lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN.	Đã quan tâm và triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm bảo tính mạng và an toàn cho CBCS

3.2.4. Giai đoạn phục hồi và tái thiết

Công an Nghệ An đã triển khai thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích động viên và có những giải pháp đãi ngộ phù hợp và kịp thời như đã trình bày ở mục trên. Thêm vào đó, các hành động và chế độ đãi ngộ thường được quan tâm và tập trung nhiều hơn trong giai đoạn trong và ngay sau thiên tai và cho những tổn hại mang tính trước mắt, trong khi những mất mát và tổn hại về tính mạng và sức khỏe của các CBCS thường có những tác động lâu dài.

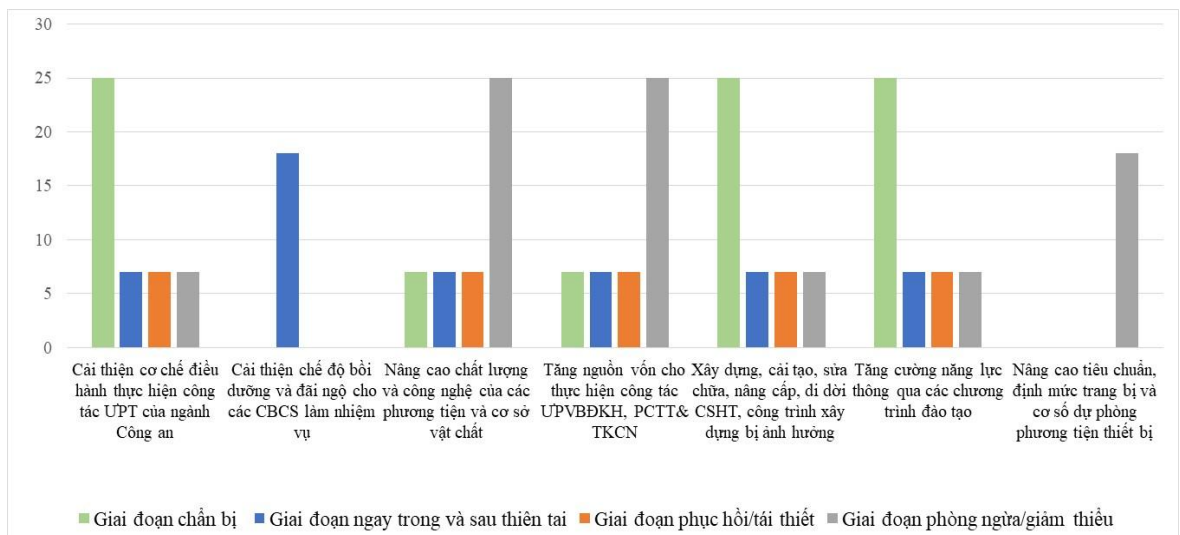
Theo nhận định của nhiều CBCS tham gia trả lời phỏng vấn, nguồn lực đầu tư cho công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai còn rất hạn chế, chủ yếu tập trung công tác khắc phục hậu quả mang tính khẩn cấp, ngắn hạn. Khi đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác UPBĐKH, PCTT và TKCN, các giải pháp trong giai đoạn phục hồi và tái thiết cũng nhận được ít sự quan tâm của các CBCS so với 3 giai đoạn: Phòng ngừa và giảm thiểu, giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn trong và ngay sau thiên tai (chi tiết trong Hình 3.9). Kết quả tổng hợp được trình bày trong Bảng 3.23.



Hình 3.9. Thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn phục hồi và tái thiết

Bảng 3.23. Đánh giá đóng góp và hiệu quả hoạt động của Công an Nghệ An trong giai đoạn phục hồi và tái thiết

Nhóm	Nội dung	Đánh giá sơ bộ
Cơ cấu tổ chức	- Xây dựng và bổ sung các chính sách đãi ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN;	Thực hiện theo các đề án, dự án chung của Bộ Công an.
Xây dựng và lập kế hoạch	- Lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành;	Đã được triển khai thực hiện tại địa phương nhưng không có kết quả báo cáo và đánh giá việc thực hiện
Nguồn lực	- Đầu tư mới và nâng cấp các phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác;	Đã được đề cập và từng bước thực hiện trong các chiến lược và kế hoạch phát triển của ngành và địa phương
	- Nâng cấp và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến cho các hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo và hệ thống quản lý thông tin;	
	- Tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm, KHCN và tài chính trong thực hiện PCTT và TKCN;	
Trình độ và năng	- Thực hiện các đề án và chương trình nâng cao trình độ chuyên môn của lực lượng CAND trong PCTT và TKCN;	Đã được đề cập và từng bước thực hiện trong các chiến lược và kế hoạch phát triển của ngành và địa phương, tuy nhiên thiếu các số liệu cập nhật kết quả và tình hình thực hiện.
	- Tập trung phát triển KHCN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN.	



Hình 3.10. Nhận định về tầm quan trọng của các giải pháp trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

3.3. Tồn tại và thách thức của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Từ kết quả đánh giá hiện trạng và đóng góp của ngành Công an trong công tác UPT theo cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên, có thể thấy, trong công tác này của ngành còn một số tồn tại, cụ thể như sau:

3.3.1. Theo đánh giá từ cấp Bộ (tiếp cận từ trên xuống)

1. Về cơ cấu tổ chức

Sự thống nhất và thông suốt trong chỉ đạo và chỉ huy giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương và cấp cơ sở, tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong quá trình thực hiện cũng như kết quả mang lại tại các cấp ở địa phương, cơ sở chưa cao.

2. Về xây dựng và lập kế hoạch

Thông tin về thiên tai, BĐKH đã được cập nhật, tuy nhiên, nguồn lực dành cho nhiệm vụ này còn hạn chế, công tác xây dựng và lập kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của ngành còn chưa nhiều. Công tác lồng ghép các nội dung liên quan đến UPBĐKH, PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành đã được từng bước thực hiện, tuy nhiên chưa có các báo cáo kết quả rõ ràng và cụ thể, BĐKH cũng chưa được quan tâm lồng ghép trong các kế hoạch.

3. Về nguồn lực

Phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác còn thiếu nhiều về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế. Công tác phát triển và nâng cao chất lượng năng lực CBCS cũng như nâng cao khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN (thường trực, kiêm nhiệm, chuyên trách, xung kích và dự bị, ...) còn hạn chế. Công tác chế độ lương,

phụ cấp, bảo đảm quyền lợi cho các lực lượng tham gia PCTT và TKCN, cứu hộ của lực lượng CAND còn nhiều bất cập.

4. Về trình độ và kỹ năng

Đã được đề cập và từng bước thực hiện trong các chiến lược và kế hoạch phát triển của ngành, tuy nhiên trình độ và kỹ năng của CBCS tham gia công tác UPT cần được nâng cao để phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới.

3.3.2. Theo đánh giá từ cấp tỉnh (tiếp cận từ dưới lên)

Với các kết quả đánh giá từ cấp tỉnh về hiện trạng công tác PCTT và TKCN tại tỉnh Nghệ An, có thể rút ra một số tồn tại như sau:

- Kế hoạch thông tin, truyền thông và tổ chức các tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN còn ít về số lượng.

- Phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác còn thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.

- Phát triển và nâng cao chất lượng lực CBCS cũng như nâng cao khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN đã được đầu tư thực hiện, tuy nhiên trong các kế hoạch hàng năm về UPBĐKH, PCTT và TKCN cần được đẩy mạnh hơn nữa.

- Thực hiện đãi ngộ cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN đã được quan tâm, nhưng cần bổ sung các nội dung về chế độ lương, phụ cấp, bảo đảm quyền lợi cho các lực lượng tham gia PCTT và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ CAND.

- Áp dụng KHCHN trong chỉ huy, điều hành và phối hợp với các ngành/đơn vị có liên quan khác trong thực hiện PCTT và TKCN đã được quan tâm, nhưng vẫn còn hạn chế.

3.3.3. Định hướng giải pháp tăng cường năng lực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Trên cơ sở phân tích các tồn tại về triển khai công tác UPT của ngành Công an được trình bày trong Chương 3, Luận án đã tiến hành xác định một số hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác UPT của ngành Công an (Bảng 3.24).

Trong các mục tiếp theo, Luận án sẽ nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại nêu trên, qua đó, tăng cường năng lực và tính hiệu quả của việc thực hiện công tác UPT cho ngành Công an. Các giải pháp sẽ tập trung vào các hoạt động cụ thể: hoàn thiện tổ chức bộ máy; hoàn thiện cơ chế, chính sách; phát triển và đầu tư các nguồn lực; tuyên truyền, giáo dục, tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ.

Bảng 3.24. Phân tích tồn tại và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an

Vấn đề tồn tại	Đề xuất giải pháp
Theo cách tiếp cận từ trên xuống	
Về cơ cấu tổ chức	
Vẫn còn hạn chế trong thực hiện công tác chỉ đạo và chỉ huy giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương và cấp cơ sở, do đó, hạn chế về kết quả mang lại tại các cấp ở địa phương, cơ sở	Điều chỉnh, hoàn thiện cơ cấu tổ chức từ cấp Bộ đến cấp cơ sở
Xây dựng và lập kế hoạch	
Nguồn lực dành cho công tác PCTT, TKCN của Bộ Công an còn hạn chế, chi sử dụng kinh phí chi an ninh thường xuyên	Tăng cường nguồn lực
Công tác xây dựng và lập kế hoạch trung và dài hạn của ngành chưa được thực hiện đầy đủ	Tăng cường xây dựng kế hoạch trung và dài hạn
Công tác lồng ghép các nội dung liên quan đến PCTT và TKCN trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành đã được từng bước thực hiện, tuy nhiên, còn chưa có các báo cáo kết quả rõ ràng và cụ thể	Tăng cường công tác lồng ghép UPT trong kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành
Nguồn lực	

Vấn đề tồn tại	Đề xuất giải pháp
Phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.	Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cũng như trình độ công nghệ
Công tác phát triển và nâng cao năng lực CBCS còn chưa được thực hiện đầy đủ.	Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ
Còn thiếu về chế độ ưu đãi lương, phụ cấp, bảo đảm quyền lợi cho các lực lượng tham gia PCTT và TKCN, cứu hộ của lực lượng CAND	Bổ sung chính sách ưu đãi cho các lực lượng tham gia PCTT và TKCN, cứu hộ của lực lượng CAND
Trình độ và kỹ năng	
Trình độ và kỹ năng CBCS trong PCTT và TKCN vẫn còn hạn chế.	Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ
Theo cách tiếp cận từ dưới lên	
Kế hoạch thông tin, truyền thông và tổ chức các tập huấn, huấn luyện, diễn tập và đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực của lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN còn ít về số lượng.	Tăng cường tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ
Phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm, các công trình PCTT và nguồn lực khác còn thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao; cơ sở vật chất, trang thiết bị và trình độ công nghệ còn hạn chế.	Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cũng như trình độ công nghệ
Công tác phát triển và nâng cao chất lượng lực lượng CBCS cũng như nâng cao khả năng huy động lực lượng CAND thực hiện PCTT và TKCN đã được đầu tư thực hiện, tuy nhiên, vẫn còn tình trạng trình độ của CBCS chưa phù hợp với phát triển của KHCN.	Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ Tăng cường công tác xây dựng kế hoạch trung và dài hạn
Cần bổ sung các nội dung về chế độ lương, phụ cấp, bảo đảm quyền lợi cho các lực lượng tham gia PCTT và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của CAND	Bổ sung chính sách ưu đãi cho các lực lượng tham gia PCTT và TKCN, cứu hộ của lực lượng CAND
Còn hạn chế trong áp dụng KHCN trong thực hiện PCTT và TKCN	Nâng cao trình độ KHCN trong thực hiện PCTT và TKCN

3.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong bối cảnh biến đổi khí hậu

3.4.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức

Như đã phân tích ở trên việc chỉ định đơn vị thường trực công tác UPT tại BCH UPT Công an các địa phương còn chưa rõ ràng, thống nhất, có BCH chỉ định PV01 là đơn vị thường trực, có BCH chỉ định PH10, có nơi lại là PC07,

PC08... không có cán bộ chuyên trách về công tác UPT tại các BCH, chỉ có cán bộ kiêm nhiệm nên hiệu quả công việc chưa cao, chưa đạt yêu cầu. Trên cơ sở phân tích các tồn tại, bất cập trong cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành ứng phó thiên tai hiện nay của ngành Công an ở Việt Nam và tham khảo mô hình tổ chức về quản lý thiên tai ở một số nước trên thế giới, Luận án đề xuất phương án điều chỉnh cơ cấu tổ chức UPT của Bộ Công an như sau:

- Nội dung chính của phương án:

+ Thành lập 01 Phòng nghiệp vụ chuyên trách UPBĐKH, PCTT, TKCN và PTDS (bổ sung chức năng PTDS), thành lập các Bộ phận theo đủ 04 chức năng được giao Thường trực chung như: (1) Bộ phận UPBĐKH; (2) Bộ phận PCTT; (3) Bộ phận TKCN; (4) Bộ phận PTDS. Với chức năng nhiệm vụ giúp Trưởng BCĐ UPT & PTDS Bộ Công an chỉ đạo, điều hành công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, PCTT, tìm kiếm cứu nạn và PTDS.

+ Cơ quan Thường trực: Văn phòng Bộ Công an

* *Ưu điểm*: Phương án đề xuất này sẽ không làm xáo trộn lớn về cơ cấu tổ chức UPT & PTDS hiện nay đã được quy định trong các văn bản của Bộ Công an. Tiết kiệm nguồn nhân lực, phù hợp với xu hướng đổi mới thu gọn bộ máy quản lý hành chính của Bộ. Ngoài ra, cũng đảm bảo tính kế thừa và phát huy được những mặt tích cực của các đơn vị, tổ chức và phương thức hoạt động hiện nay được đánh giá là hiệu quả trong chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai. Bổ sung cho cơ quan tham mưu mới đảm bảo tính chuyên nghiệp, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai một cách hiệu quả theo 04 bước của chu trình quản lý thiên tai như thực tiễn và quy định quốc tế.

* *Nhược điểm*: Phương án này sẽ thành lập thêm các Bộ phận hoặc Ban sẽ phải bổ sung cán bộ để hoàn chỉnh có thể ảnh hưởng đến cơ cấu biên chế của đơn vị. Tuy nhiên, những nhược điểm này sẽ được khắc phục điều động cán bộ

trong nội bộ, không tuyển mới.

3.4.2. Hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động

Theo kết quả phân tích cho thấy, hiện nay, ngành Công an đã hình thành tổ chức bộ máy hoạt động về UPT, tuy nhiên, sự thống nhất và thông suốt trong chỉ đạo và chỉ huy giữa các cấp/ngành có liên quan từ Trung ương đến địa phương và cấp cơ sở vẫn còn một số hạn chế trong thực hiện, đó đó hạn chế kết quả tại các cấp ở địa phương, cơ sở. Chính vì vậy, Luận án đề xuất giải pháp về tổ chức bộ máy thực hiện UPT các cấp như sau:

1. Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn Bộ Công an

- Trưởng Ban Chỉ đạo: 01 đồng chí Lãnh đạo Bộ Công an.

- Thành viên Ban Chỉ đạo là đại diện Lãnh đạo các Cục trực thuộc Bộ: Văn phòng Bộ Công an, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động, Cục Y tế, Cục Cảnh sát giao thông, Cục Kế hoạch và tài chính, Cục Hậu cần, Cục Viễn thông Cơ yếu, Cục Trang bị và Kho vận,...

Trong đó, Văn phòng Bộ Công an làm Thường trực chung và trực tiếp thường trực phòng, chống thiên tai và PTDS; Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Cục C07): Thường trực ứng phó với sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và đảm bảo phương tiện, kỹ thuật, hậu cần, thông tin liên lạc phục vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn [12]; Cục Y tế thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trong CAND,... Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó và giúp nhân dân trước, trong và sau thiên tai,... (So sánh BCD UPT/BCA hiện nay được tích hợp bởi nhiều Ban chỉ huy các lĩnh vực khác vào làm một BCD, nên cơ cấu tổ chức phải yêu cầu các đơn vị nghiệp vụ liên quan tham gia vào BCD, tổ chức hiện nay cũng khác so với Quốc gia và các Bộ, ban, ngành liên quan).

2. Đối với Công an các tỉnh, thành phố

- Trưởng BCH: 01 đồng chí Lãnh đạo Công an Tỉnh, thành phố (là thành viên BCH PCTT và TKCN Tỉnh/TP);

- Phó trưởng Ban Thường trực: Trưởng phòng tham mưu; và các Phó Trưởng Ban: Trưởng phòng Hậu cần (PH01) và Trưởng phòng PCCC (PC07) hoặc Trưởng phòng Cảnh sát cơ động (PK02);

Ngoài ra, các đơn vị khác gồm: Thường trực BCH: Trung tâm thông tin chỉ huy - Phòng tham mưu (PV01); Thường trực Tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ: Phòng PCCC (PC07); Thường trực UPBĐKH: Phòng Hậu cần PH01; Thường trực Tai nạn thương tích: Bệnh viện, bệnh xá Công an Tỉnh, Thành phố; Điều động chi viện, ứng cứu; giải quyết chế độ chính sách: PX01; Đảm bảo hậu cần kỹ thuật, tài chính: Phòng Hậu cần (PH10); Đảm bảo thông tin liên lạc: PV01; Thông tin tuyên truyền, đề xuất khen thưởng: Phòng Chính trị (PX03).

3. Đối với Công an quận, huyện, thị xã

- Trưởng BCH: Trưởng Công an quận, huyện, thị xã;

- Phó Trưởng Ban: Đội trưởng Đội Tham mưu tổng hợp;

Các đơn vị khác gồm: Thường trực BCH: Đội Tham mưu tổng hợp; Thường trực TKCN, cứu hộ: Đội Cảnh sát QLHC; Thường trực PCTT: Đội Hậu cần, Kỹ thuật.

4. Đối với Công an xã

- Phó Trưởng BCH PCTT và TKCN cấp xã: Trưởng Công an xã;

- Thường trực PCTT: Bộ phận Tham mưu tổng hợp của Công an xã;

5. Lực lượng tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Kết quả đánh giá cho thấy, ngành Công an chưa có quy định rõ ràng đâu là lực lượng thường trực chuyên trách, lực lượng dự bị, lực lượng xung

kích và lực lượng kiêm nhiệm. Do đó, Luận án đề xuất quy định về các lực lượng này như sau:

- **Lực lượng Chuyên trách:** ở cấp Bộ gồm: Phòng Công tác cứu nạn, cứu hộ thuộc Cục Cảnh sát PCCC và CNCH; Bộ phận UPT - Phòng Thường trực giúp việc các BCD, Văn phòng Bộ Công an và Phòng Quản lý môi trường thuộc Cục H06 - BCA. Đối với Công an các tỉnh, thành phố gồm các lực lượng thuộc phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ.

- **Lực lượng Kiêm nhiệm:** ở cấp Bộ là thành viên BCD UPT Bộ Công an, Trung tâm Thông tin chỉ huy (V01) các lực lượng thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Cục Cảnh sát giao thông, Cục thông tin và cơ yếu, Cục Y tế. Đối với Công an các đơn vị, địa phương, gồm: Các thành viên BCH UPT Công an các tỉnh; các lực lượng thuộc PV01, PK02, PC07, PC08, PH10,...;

- **Lực lượng Dự bị:** Đối với lực lượng dự bị cơ động: là cán bộ chiến sĩ của các đơn vị kiêm nhiệm, các đơn vị có chức năng tham gia công tác UPT; thành lập các Tiểu đội, Trung đội hoặc Đại đội ứng trực, cơ động PCTT và TKCN; Đối với lực lượng dự bị xung kích: là học sinh, sinh viên của các Trường CAND, là Đoàn viên thanh niên Công an các đơn vị, địa phương; thành lập các Tiểu đội, Trung đội hoặc Đại đội học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên xung kích PCTT lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.

- **Lực lượng khác:** Là các lực lượng không thuộc các lực lượng trên, được huy động tham gia khi có thiên tai, bão lũ, hiểm họa, sự cố lớn xảy ra.

3.4.3. Hoàn thiện chế độ chính sách

Hiện nay, lực lượng tham gia công tác UPT của ngành Công an đang được hưởng các chế độ, chính sách về lương, phụ cấp như sau:

1. Lực lượng chuyên trách: được hưởng chế độ Hạ Sĩ quan, Sĩ quan nghiệp vụ, phụ cấp đặc thù nghề nghiệp, chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với thành viên BCD, BCH UPT, chế độ bồi dưỡng trực ban hàng ngày đối với lực

lượng ứng trực trong, ngoài giờ, chế độ bồi dưỡng trực ứng phó, xử lý khi có thiên tai, sự cố.

2. Lực lượng kiêm nhiệm, dự bị: được hưởng chế độ bồi dưỡng trực ứng phó, xử lý khi có thiên tai, sự cố.

3. Lực lượng chi viện hỗ trợ, ứng cứu tại nơi xảy ra thiên tai, sự cố: căn cứ theo Quyết định số 633/2008/QĐ-BCA ngày 30/5/2008 của Bộ Công an về Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, chiến sĩ tham gia PCTT và chế độ trợ cấp khó khăn cho cán bộ, chiến sĩ bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

Mặc dù đã có các chế độ chế độ, chính sách về lương, phụ cấp và bồi dưỡng cho lực lượng tham gia công tác UPT, tuy nhiên, trong thực hiện vẫn bộc lộ các tồn tại. Do vậy, Bộ Công an cần xem xét bổ sung các chế độ chính sách về: Chế độ bồi dưỡng đặc thù khi chi viện ứng cứu tại nơi xảy ra thiên tai, bão, lụt, sự cố; Chế độ tiền ăn thêm khi ứng cứu, diễn tập, huấn luyện, tập huấn; Chế độ động viên khen thưởng; Chế độ bồi dưỡng khi huấn luyện, diễn tập, tập huấn; Chế độ chính sách khi bị thương, hy sinh khi tham gia PCTT và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3.4.4. Tăng cường nguồn lực

Về phương tiện trang thiết bị, hiện nay, ngành công an chưa có tiêu chuẩn định mức trang bị cho các lực lượng thường trực chuyên trách, xung kích, dự bị tham gia PCTT, TKCN như từ cấp tiểu đội, trung đội đến đại đội... Qua điều tra đánh giá hiện trạng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật từ báo cáo các đơn vị địa phương: Gần như 100% các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật đang được sử dụng tuy nhiên mới chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu của công tác UPT. Để có thể phát triển lực lượng UPT của ngành Công an, một số chỉ tiêu sau cần đặt ra đối với nội dung tăng cường trang thiết bị, phương tiện của ngành trong giai đoạn 2025:

Cung cấp phương tiện, thiết bị chuyên dùng cho lực lượng làm công tác PCTT, bảo lụt, lũ quét (hiểm họa thiên nhiên) để nâng cao năng lực ứng cứu khi thiên tai, hiểm họa thiên nhiên xảy ra, nhằm giảm thiểu tối đa hậu quả của thiên nhiên đối với đời sống con người, tài sản. Tập trung đầu tư phương tiện, trang thiết bị thiết yếu và chuyên dụng cho từng lực lượng tham gia công tác UPT. Dự kiến đến năm 2025, đảm bảo trang cấp cho các lực lượng tham gia PCTT, tìm kiếm cứu nạn: Đáp ứng đầy đủ định mức trang bị phương tiện đặc chủng, thiết yếu cho lực lượng chuyên trách thường trực BCD, BCH; Đáp ứng 70% định mức trang bị phương tiện thiết yếu, 50% định mức trang bị phương tiện đặc chủng cho lực lượng chuyên trách; Đáp ứng 50% định mức trang bị phương tiện thiết yếu, 30% định mức trang bị phương tiện đặc chủng cho lực lượng kiêm nhiệm; Đáp ứng 30% định mức trang bị phương tiện thiết yếu, cho lực lượng Dự bị.

Dự kiến đến năm 2030: Đảm bảo đáp ứng đủ 100% định mức trang bị phương tiện đặc chủng cho các lực lượng tham gia công tác PCTT và TKCN trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Về phát triển nguồn nhân lực: phân đầu đảm bảo Công an các tỉnh, thành phố; các Cục, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Cục Cảnh sát giao thông, các Trường Công an, các Trại giam có BCH và cán bộ thường trực chuyên trách BCH. Bên cạnh đó, đảm bảo Công an các đơn vị địa phương, các đơn vị trực thuộc Bộ có trụ sở riêng có BCH UPT (đến cấp huyện); Để nâng cao trình độ CBCS cần phân đầu toàn bộ lực lượng thường trực, chuyên trách công tác PCTT được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Với vai trò quan trọng của Phòng Cảnh sát PCCC trong công tác TKCN, cố gắng đảm bảo tất cả các phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện có đội cảnh sát cứu nạn, cứu hộ; và đảm bảo các đơn vị kiêm nhiệm, các đơn vị có

chức năng tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, PCTT và tìm kiếm cứu nạn (*CSCĐ, CSGT, Y tế, thông tin liên lạc...*) thành lập lực lượng dự bị cơ động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, được trang bị phương tiện và huấn luyện kỹ năng ứng phó với thiên tai, sự cố.

Về tăng cường cơ sở vật chất: Hiện nay, Bộ Công an đã có tổ chức 04 cấp: Bộ, tỉnh, huyện và xã; từ tháng 8/2018 đến nay Bộ Công an đã thành lập lực lượng Công an chính quy tất cả các xã trên toàn quốc, như vậy về nhu cầu nơi làm việc và trụ sở Công an xã hiện đang là một nhu cầu rất lớn, cấp thiết, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền địa phương và ngành Công an triển khai thực hiện quyết liệt để đáp ứng yêu cầu về trụ sở làm việc phục vụ công tác Công an và công tác UPT. Phân đấu để 100% cán bộ thường trực, chuyên trách PCTT, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ có đủ nơi làm việc, nơi ở theo tiêu chuẩn. Dự kiến đến năm 2030, đảm bảo đầy đủ định mức phương tiện, trang thiết bị đặc chủng, thiết yếu cho các lực lượng tham gia công tác UPT; di dời toàn bộ hệ thống cơ sở Công an ra khỏi vùng nguy hiểm bởi thiên tai và BDKH.

3.4.5. Tuyên truyền, giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ

Từ nay đến năm 2025, ngành Công an cần tăng cường hơn nữa nhận thức của cán bộ chiến sĩ CAND về ảnh hưởng của BDKH, công tác PCTT và TKCN thông qua đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng TKCN, phòng, chống các hành vi, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với BDKH, cụ thể: Phổ biến, tuyên truyền, quán triệt đường lối, chính sách, chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an cho CBCS về tác động ảnh hưởng của BDKH và giải pháp ứng phó, giảm thiểu, thích ứng với BDKH; Giảng dạy trong trường Công an về lĩnh vực UPT, xây dựng chuyên đề về UPT trên báo, tạp chí, truyền hình CAND để tuyên truyền về UPT; Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, hội nghị, hội thảo về ứng phó với BDKH, PCTT và

TKCN cho CBCS; Xây dựng, biên soạn và in ấn các tài liệu, đào tạo, tập huấn về UPBĐKH, PCTT và TKCN trong lực lượng Công an.

3.5. Kết luận Chương III

Trong Chương này, Luận án đã tiến hành phân tích các Nội dung được đề xuất trong mục 2.3.4. Các nội dung phân tích được thực hiện theo các tiếp cận kết hợp gồm (i) cách tiếp cận từ trên xuống căn cứ vào tài liệu số liệu từ cấp Bộ; và (ii) cách tiếp cận từ dưới lên căn cứ vào kết quả điều tra khảo sát theo bảng hỏi, phỏng vấn sâu, và quan sát và trải nghiệm thực tế của tác giả Luận án tại Nghệ An.

Kết quả phân tích và đánh giá cho thấy, ở cả cấp Bộ Công an và cấp tỉnh, trong cả 04 giai đoạn, phần lớn các nội dung về Cơ cấu tổ chức; Xây dựng, lập kế hoạch, Nguồn lực, Trình độ, kỹ năng của lực lượng CAND tham gia công tác PCTT và TKCN đều được lên kế hoạch và triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn phục hồi, tái thiết sau thiên tai phần nào còn bị hạn chế trong việc đầu tư nguồn lực thực hiện các nội dung cụ thể. Các giải pháp hiện nay đang được áp dụng còn phần lớn tập trung công tác khắc phục hậu quả mang tính khẩn cấp, ngắn hạn. Khi đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác PCTT và TKCN, các giải pháp trong giai đoạn phục hồi và tái thiết cũng nhận được ít sự quan tâm của các CBCS so với 03 giai đoạn còn lại.

Từ các kết quả đánh giá hiện trạng công tác PCTT và TKCN, Luận án đã phân tích các tồn tại và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường năng lực về công tác này cho ngành Công an trong bối cảnh BĐKH, cụ thể:

- Luận án đề xuất phương án điều chỉnh cơ cấu tổ chức UPT của Bộ Công an với việc thành lập 01 Phòng nghiệp vụ chuyên trách UPBĐKH, PCTT, TKCN và PTDS (bổ sung chức năng PTDS), thành lập các Bộ phận theo chức năng được giao Thường trực chung. Cơ quan thường trực được đặt

tại Văn phòng Bộ Công an.

- Luận án cũng đề xuất các giải pháp tổ chức bộ máy từ BCD UPT, Công an các cấp (tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã; xã và các lực lượng tham gia công tác UPT).

- Đề xuất các giải pháp tăng cường nguồn lực và giải pháp tăng cường tuyên truyền, đào tạo, nâng cao trình độ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở phân tích dựa trên hiện trạng triển khai thực hiện công tác UPT của Bộ Công an, Luận án đã xác định quy trình quản lý rủi ro thiên tai theo quy trình khép kín 04 bước bao gồm các yêu cầu đặt ra cho công tác này, gồm: (1) Giai đoạn phòng ngừa và giảm thiểu, đây là giai đoạn được xác định là khoảng thời gian mà Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và địa phương xây dựng và thực hiện các hành động hàng năm khi chưa có các dự báo ngắn hạn liên quan đến 03/21 loại hình thiên tai, bão, lũ lụt, lũ quét; (2) Giai đoạn chuẩn bị, được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành và địa phương xây dựng và thực hiện các hành động khi có các dự báo ngắn hạn; (3) Giai đoạn ứng phó trong và ngay sau: Được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương và cộng đồng thực hiện các hành động PCTT và TKCN trong và ngay sau khi thiên tai; (4) Giai đoạn phục hồi và tái thiết: Được xác định là giai đoạn từ khi Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương và cộng đồng thực hiện các hành động khôi phục, xây dựng lại khu vực bị ảnh hưởng, cũng như tiếp tục các nỗ lực ứng phó phù hợp đã được thực hiện trong giai đoạn khác trong vòng khép kín. Giai đoạn này sẽ hỗ trợ trực tiếp cho giai đoạn 1 trong vòng tuần hoàn khép kín.

Luận án đã đánh giá theo hai hướng tiếp cận (từ trên xuống – phân tích việc thực hiện UPT của Bộ Công an; và, từ dưới lên - phân tích việc thực hiện UPT cấp tỉnh (lấy tỉnh Nghệ An làm thí điểm)) để đánh giá hiện trạng, nhu cầu trong triển khai công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn của ngành Công an. Trên cơ sở các phân tích nói trên, Luận án đã đề xuất được các giải pháp cho lực lượng Công an nhân dân nhằm tăng cường năng lực và đóng góp cho công

tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu, gồm:

- Để đảm bảo tốt cho công tác PCTT và TKCN trong bối cảnh BĐKH, cần chuẩn bị tốt về các nguồn lực như phương tiện, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết khác nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra.

- Tăng cường đủ biên chế, đảm bảo chế độ chính sách, kinh phí cho lực lượng tham gia công tác UPT.

- Chú trọng công tác đào tạo huấn luyện, tập huấn, diễn tập, đáp ứng yêu cầu công tác UPT và PTDS.

- Tăng cường đào tạo, huấn luyện, tập huấn, diễn tập, đáp ứng yêu cầu công tác UPT và PTDS; cấp kinh phí phù hợp và chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tổ chức luyện tập, diễn tập phương án TKCN quy mô lớn với nhiều lực lượng tham gia; đầu tư xây dựng trung tâm huấn luyện TKCN với trang bị phương tiện, thiết bị, dụng cụ mô hình, học cụ phù hợp với thực tế để tổ chức huấn luyện cho CBCS nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác UPBĐKH, PCTT, TKCN và PTDS.

- Xây dựng các kế hoạch, phương án cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng khi có tình huống sự cố, thiên tai, hiểm họa xảy ra....

2. Kiến nghị

Luận án đã đánh giá công tác PCTT và TKCN của ngành Công an theo quy trình 04 bước khép kín dựa trên các yêu cầu nội dung cụ thể về (i) Cơ cấu tổ chức, (ii) Xây dựng và lập kế hoạch, (iii) Nguồn lực và (iv) Trình độ và kỹ năng của cán bộ chiến sỹ. Các nội dung được xác định dựa trên tài liệu Sổ tay hướng dẫn dành cho người quản lý rủi ro thiên tai của ADB. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của Luận án, tác giả chưa tham vấn rộng rãi các bên liên quan về các tiêu chí này. Do đó, để có thể triển khai áp dụng các cơ sở khoa học này

trong Bộ Công an, cần có những nghiên cứu tham chiếu và lấy ý kiến rộng rãi trong lực lượng Công an và các bên liên quan có liên quan.

Trong phạm vi nghiên cứu, Luận án mới thu thập thông tin thông qua điều tra khảo sát bằng bảng hỏi tại tỉnh Nghệ An và các cán bộ làm công tác tham mưu, quản lý và trực tiếp chiến đấu là thành viên BCD, Tổ giúp việc BCD UPT/BCA. Để có thể thu được kết quả đánh giá khách quan hơn, cần mở rộng điều tra khảo sát ở các đơn vị, địa phương khác.

Mặt khác, còn một số nội dung liên quan đến tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu chưa được xem xét trong khuôn khổ Luận án. Trong thời gian tới, khi Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu có hiệu lực, cần thiết phải lồng ghép các nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, rủi ro do biến đổi khí hậu, tổn thất và thiệt hại, trong quy trình quản lý rủi ro thiên tai khép kín được đề xuất trong Luận án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai. (2018). *Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai*.
2. Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Nghệ An. (2020). *Báo cáo tổng kết công tác PCTT và TKCN năm 2019, phương hướng nhiệm vụ PCTT và TKCN năm 2020*.
3. Bộ Công an. (2016). *Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó với BĐKH, PCTT và TKCN ngành Công an đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
4. Bộ Công an. (2019). *Báo cáo thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu. Kèm theo công văn số 3330/BCA-H06 ngày 4/11/2019*. Bộ Công an. Hà Nội, Việt Nam.
5. Bộ Công an. (2021). *Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 của Bộ Công an*. (Kế hoạch số 503, ban hành ngày 01/12/2021)
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2016). *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam. Nhà Xuất bản Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam*.
7. IMHEN và UNDP (2015), Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về Quản lý rủi ro thiên tai và hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu [Trần Thục, Koos Neefjes, Tạ Thị Thanh Hương, Nguyễn Văn Thắng, Mai Trọng Nhuận, Lê Quang Trí, Lê Đình Thành, Huỳnh Thị Lan Hương, Võ Thanh Sơn, Nguyễn Thị Hiền Thuận, Lê Nguyên Tường], *NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ, Hà Nội, 2015*.
8. Huỳnh Thị Lan Hương. (2020). *Đề tài: Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ quản lý đa thiên tai, xây dựng công cụ hỗ trợ ra quyết*

định ứng phó với đa thiên tai, áp dụng thí điểm cho khu vực ven biển Trung Trung Bộ.

9. Quốc hội. (2013). *Luật Phòng, chống thiên tai (33/2013/QH13)*.
10. Quốc hội. (2020). *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều (60/2020/QH14)*.
11. Russel Berberd, Hoàng Trọng, nnk (dịch) (2009). *Các phương pháp nghiên cứu nhân học, tiếp cận định tính và định lượng*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
12. Thủ tướng Chính phủ. (2014). *Quyết định số 1041/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020*. Quyết định số 1041/QĐ-TTg, ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
13. Tổng cục phòng chống thiên tai. (n.d.). *Chức năng, nhiệm vụ - Cơ cấu tổ chức BCD PCTT cấp tỉnh*.
<http://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/chuc-nang-nhiem-vu-co-cau-to-chuc-bcd-pctt-cap-tinh.aspx>
14. Trần Thị Kim Xuyên và Trần Thị Bích Liên. (2020). *Trình bày phương pháp quan sát trong nghiên cứu xã hội học*.
15. Trần Hưng. (n.d.-a). *Giảm nhẹ thiệt hại do lũ lụt gây ra: Cần hành động thiết thực*. <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/Giảm-nhẹ-thiệt-hại-do-lũ-lụt-gây-ra:-Cần-hành-động-thiết-thực-498148/> truy cập ngày 16 tháng 9 năm 2019.
16. Trần Hưng. (n.d.-b). *Những bài học từ công tác phòng, chống thiên tai*. *Nhân Dân*. <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/cong-tac-phong-chong-thien-tai-nam-2020-bai-hoc-cho-nhung-mua-tiep-theo-649083/> truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2021.
17. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia. (2020). *Hình thành và hoạt động của bão*.

18. <https://vtv.vn/chuyen-dong-24h/thien-tai-o-nhat-ban-hau-qua-va-ung-pho-20180719162759821.htm>, truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2019.

Tiếng Anh

19. Carter, W. N. (2008). *Disaster management: A disaster manager's handbook*.
20. Canadian Forces (tháng 5/1998). “B-GA-209-001/FP-001 DFO 5449 NATIONAL SAR MANUAL” (PDF). Truy cập ngày 12/7/2018.
21. Coetzee, C., & Van Niekerk, D. (2012). Tracking the evolution of the disaster management cycle: A general system theory approach. *Jàmbá: Journal of Disaster Risk Studies*, 4(1), 1–9.
22. FEMA. (n.d.). *Emergency Management in the United States (Unit 4)*. Federal Emergency Management Agency (FEMA). https://training.fema.gov/emiweb/downloads/is111_unit4.pdf
23. IPCC, (2012), Managing the Risks of Extreme Events and Disasters to Advance Climate Change Adaptation. A Special Report of Working Groups I and II of the Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC) [Field, C.B., V.Barros, T.F.Stocker, D.Qin, D.J.Dokken, K.L. Ebi, M.D. Mastrandrea, K.J. Mach, G.-K. Plattner, S.K. Allen, M. Tignor, and P.M. Midgley (eds.)]. *Cambridge University Press, Cambridge, UK, and New York, NY, USA, Cambridge*.
24. Harrison, S. E., & Johnson, P. A. (2016). Crowdsourcing the disaster management cycle. *International Journal of Information Systems for Crisis Response and Management (IJISCRAM)*, 8(4), 17–40.
25. Hay, I. (2016). *Qualitative research methods in human geography* (Fourth edi).
26. Holloway, A. (2003). Disaster risk reduction in southern Africa: hot rhetoric—cold reality. *African Security Studies*, 12(1), 29–38.

27. Horita, F. E. A., Degrossi, L. C., de Assis, L. F. G., Zipf, A., & de Albuquerque, J. P. (2013). *The use of volunteered geographic information (VGI) and crowdsourcing in disaster management: a systematic literature review*.
28. Olowu, D. (2010). The Hyogo Framework for Action and its implications for disaster management and reduction in Africa. *JAMBA: Journal of Disaster Risk Studies*, 3(1), 303–320.
29. Queensland Fire and Emergency Services. (2018). *Queensland: Prevention, Preparedness and Recovery Disaster management guideline*.
30. Sakalasooriya Nishan. (2015). *Disaster Management Cycle*.
31. Sawalha, I. H. (2020). A contemporary perspective on the disaster management cycle. *Foresight*.
32. UNISDR. (2015). *Sendai framework for disaster risk reduction 2015–2030*.
http://www.wcdrr.org/uploads/Sendai_Framework_for_Disaster_Risk_Reduction_2015-2030.pdf.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

- 1. Nguyễn Văn Khiêm,** Huỳnh Thị Lan Hương, Mai Văn Khiêm (2018), “Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai trong lực lượng công an nhân dân”, *Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu*, số 7, 9/2018, tr.81-86.
- 2. Nguyễn Văn Khiêm,** Huỳnh Thị Lan Hương, Mai Văn Khiêm, Nguyễn Ngọc Chung, “Tiêu chí đánh giá hiện trạng và đóng góp của ngành công an trong phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn”. *Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu*, số 18, 6/2021, tr.58-67.
- 3. Nguyễn Văn Khiêm,** Huỳnh Thị Lan Hương, Mai Văn Khiêm, Đỗ Thị Hương, Nguyễn Ngọc Chung (2021), “Hiệu quả, đóng góp của ngành Công an trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn”, *Tạp chí Khí tượng Thủy văn*, số 730, tr.53-67, DOI: 10.36335/VNJHM.2021(730).53-67 9.
- 4. Nguyễn Văn Khiêm,** Huỳnh Thị Lan Hương, Mai Văn Khiêm, Đỗ Thị Hương (2021), “Nâng cao hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an”, *Tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu* số 18, 12/2021, tr.18-27.

PHỤ LỤC: PHIẾU KHẢO SÁT ĐIỀU TRA

I. Mẫu phiếu điều tra: Cán bộ quản lý và xây dựng chính sách về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong Bộ Công an

MÃ PHIẾU	TÊN NGƯỜI PHỎNG VẤN	NGÀY PHỎNG VẤN
		/ / 2020

A. Thông tin cơ bản

- Tên người được phỏng vấn:[] Nam [] Nữ
- Đơn vị công tác:.....
- Chức vụ:
- Thời gian công tác (thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác PCTT và TKCN):

B. Hiểu biết của anh/chị về BĐKH nói chung, và diễn biến của BĐKH trên địa bàn anh/chị công tác

1. Nhận định về BĐKH của anh/chị

Quan điểm và nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không rõ	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
BĐKH và nóng lên toàn cầu là sự gia tăng liên tục của nhiệt độ trung bình trên bề mặt trái đất ở quy mô toàn cầu					
BĐKH là hậu quả của các hoạt động của con người, không phải hiện tượng tự nhiên.					
BĐKH đã và đang gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của con người trên mọi lĩnh vực, cả về môi trường và kinh tế - xã hội					
BĐKH gây tác động nhiều hơn cho người dân ở các nước đang phát triển so với các nước phát triển					
BĐKH gây ra ảnh hưởng tiêu cực cho thế hệ hiện tại và tương lai					
BĐKH làm cho thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra nhiều hơn, với cường độ mạnh hơn và phức tạp hơn					

2. Nguồn thông tin mà anh chị nhận được về BĐKH

- Truyền hình (tivi) và đài phát thanh (radio)
- Báo và tạp chí và Internet
- Bạn bè, gia đình và đồng nghiệp
- Trường học
- Các thông báo, phổ biến kiến thức từ các cơ quan nhà nước/chính quyền địa phương
- Các tổ chức, hội, đoàn xã hội (công đoàn, hội phụ nữ, đoàn thanh niên)
- Cộng đồng dân cư nơi sinh sống
- Khác, xin cho biết thêm:

3. Quan điểm của anh chị về thiệt hại do BĐKH đến cuộc sống của người dân

- Hư hại tài sản của gia đình và các công trình cơ sở hạ tầng
- Gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp, Giao thông vận tải, ...)
- Làm tăng chi phí của gia đình (vd, lắp đặt máy điều hòa, thiếu nước sinh hoạt, ...)
- Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe gia đình và cộng đồng (các bệnh truyền nhiễm, thiệt mạng và bị thương do thiên tai, trầm cảm do lo lắng, ...)
- Khác, xin cho biết thêm:

C. Thông tin về thiên tai và các tác động của thiên tai đến đời sống và hoạt động phát triển kinh tế - xã hội nơi anh/chị công tác

1. Trên địa bàn tỉnh Anh/Chị quản lý thường hay xảy ra các dạng thiên tai nào?

Dạng thiên tai	Tần suất/ năm ¹
Bão và Áp thấp nhiệt đới	
Ngập lụt	
Lũ quét	
Sạt lở đất	

¹ Có thể để các con số lẻ và nhỏ hơn 1: Ví dụ 2,5 cơn/năm, hoặc 0,67 cơn/năm

2. Mức độ tác động của các dạng thiên tai trong thời gian gần đây?

Dạng thiên tai	Mức độ tác động		
	Không nghiêm trọng	Tương đối nghiêm trọng	Nghiêm trọng
Bão và Áp thấp nhiệt đới			
Ngập lụt			
Lũ quét			
Sạt lở đất			

Nêu thiệt hại của các trận điển hình trong thời gian năm gần đây (nếu có):

.....

3, Tác động của BĐKH đến lực lượng CAND trong thời gian gần đây?

a) Ảnh hưởng đến công tác Công an

- Nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị và bảo vệ trật tự an toàn xã hội.
- Nguy cơ biểu tình, chống phá do các đối tượng xấu lợi dụng tình hình khó khăn do thiên tai và BĐKH gây ra
- Các hoạt động nghiệp vụ:
- Khác, xin cho biết thêm:.....

b) Ảnh hưởng đến công tác, chiến đấu, cuộc sống, sinh hoạt của lực lượng CAND

- Ảnh hưởng đến trụ sở, doanh trại, các cơ sở của ngành Công an.
- Ảnh hưởng đến cuộc sống của CBCS (hạn hán, xâm thực mặn, cháy rừng, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất, gia tăng dịch bệnh, ảnh hưởng đến cuộc sống của CBCS);
- Ảnh hưởng đến sức khỏe của các lực lượng (CSTG, CSGT, CS PCCC, CSCĐ, CSBV,...) (bị thương và thiệt mạng trong lúc làm nhiệm vụ, các bệnh truyền nhiễm, ...);
- Công tác Hậu cần, Kỹ thuật của lực lượng Công an (nghiên cứu, sản xuất, cung ứng, vận chuyển, bảo quản vật tư, phương tiện, vũ khí, trang thiết bị phục vụ công tác và chiến đấu)
- Khác, xin cho biết thêm:

D. Thông tin về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn mà Anh/chị đảm nhiệm trong điều kiện BĐKH

1. Công việc cụ thể mà anh chị tham gia trong xây dựng các kế hoạch, giải pháp và văn bản pháp quy về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong Bộ Công an?

- Tham gia soạn thảo và xây dựng văn bản và các kế hoạch về

- Đánh giá tác động và Thẩm định các văn bản pháp quy
- Tham gia góp ý kiến về bản dự thảo của các văn bản và kế hoạch
- Tham mưu xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn trong lực lượng Công an nhân dân (cấp tỉnh/cấp quốc gia)
- Tham mưu, báo cáo lãnh đạo cấp có thẩm quyền quyết định điều động nhân lực, phương tiện và kinh phí của Bộ Công an để ứng cứu kịp thời những tình huống cấp bách
- Tham gia tham mưu, tổ chức thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai; công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của Bộ Công an với Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai
- Tham mưu cho lãnh đạo Ban Chỉ đạo, chỉ đạo lực lượng cứu nạn, cứu hộ (cấp tỉnh/cấp quốc gia)
- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất mua sắm các phương tiện, vật tư phục vụ công tác phòng, xây dựng cơ sở hạ tầng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng thường trực chuyên trách ngành Công an trong công tác phòng chống thiên tai, bão lụt, lũ quét của Bộ Công an
-

- Khác, xin cho biết thêm:

2. Theo anh/chị, công việc cụ thể mà anh/chị tham gia đóng góp thể nào trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trên địa bàn anh/chị làm việc (cả cấp tỉnh và cấp quốc gia)

Nội dung đóng góp/công việc cụ thể	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Rất nhiều
Tham gia soạn thảo và xây dựng văn bản và các kế hoạch về			
Đánh giá tác động và Thẩm định các văn bản pháp quy			
Tham gia góp ý kiến về bản dự thảo của các văn bản và kế hoạch			
Tham mưu xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn trong lực lượng Công an nhân dân (cấp tỉnh/cấp quốc gia)			
Tham mưu, báo cáo lãnh đạo cấp có thẩm quyền			

quyết định điều động nhân lực, phương tiện và kinh phí của Bộ Công an để ứng cứu kịp thời những tình huống cấp bách			
Tham gia tham mưu, tổ chức thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai; công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của Bộ Công an với Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai			
Tham mưu cho lãnh đạo Ban Chỉ đạo, chỉ đạo lực lượng cứu nạn, cứu hộ (cấp tỉnh/cấp quốc gia)			
Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất mua sắm các phương tiện, vật tư phục vụ công tác phòng, xây dựng cơ sở hạ tầng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ			
Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng thường trực chuyên trách ngành Công an trong công tác phòng chống thiên tai, bão lụt, lũ quét của Bộ Công an			
.....			

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn các hành động và đóng góp và mức độ mà anh/chị cho là quan trọng và có ý nghĩa nhất

E. Nhận định về các khó khăn và thiếu hụt trong công tác bảo vệ ANTT, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong điều kiện ĐDKH hiện nay?

1. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong Công tác Chuẩn bị ứng phó với thiên tai hiện nay?

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Rất nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN			

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

2. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong Phản ứng khi thiên tai xảy ra của lực lượng CAND hiện nay?

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Không nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Chế độ chính sách đãi ngộ			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN	-	-	-

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

3. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong công tác Khắc phục và phục hồi sau thiên tai?

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Không nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN	-	-	-

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

4. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong công tác Phòng chống và giảm nhẹ các tác động?

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Không nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN	-	-	-

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

F. Theo anh/chị các giải pháp nào có thể cải thiện những khó khăn, thiếu hụt và nâng cao vai trò và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BDKH?

Các giải pháp	Công tác Chuẩn bị	Phản ứng khi thiên tai diễn ra	Khắc phục và phục hồi sau thiên tai	Phòng chống và giảm nhẹ các tác động
- Giải pháp cải thiện cơ chế điều hành thực hiện công tác UP&TKCN của ngành Công an				
- Giải pháp về nâng cao chất lượng và công nghệ của các phương tiện và cơ sở vật chất phục vụ công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Tăng nguồn vốn cho thực hiện công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, di dời, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng bị ảnh hưởng của thiên tai tại Công an các đơn vị, địa phương				
- Tăng cường năng lực thông qua các chương trình đào tạo về phòng chống thiên tai và BDKH				

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng các kế hoạch và hoạt động liên kết vùng trong thực hiện phòng chống thiên tai và TKCN				
- Xây dựng bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành về xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng				

- Xin anh/chị biết thêm các giải pháp khác (nếu có).....

.....

- Anh/chị mô tả kỹ hơn các giải pháp mà anh/chị cho là quan trọng và đóng góp lớn nhất đến công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

.....

G. Theo anh/chị các giải pháp nào có thể cải thiện những khó khăn, thiếu hụt và nâng cao vai trò và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH?

Các giải pháp	Công tác Chuẩn bị	Phản ứng khi thiên tai diễn ra	Phục hồi sau thiên tai	Phòng chống và giảm nhẹ các tác động
- Giải pháp xây dựng hệ thống tổ chức và cơ chế điều hành thực hiện công tác UPT của ngành Công an				
- Giải pháp Quy hoạch đáp ứng các yêu cầu trước mắt và mục tiêu lâu dài				
- Giải pháp tuyên truyền, giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Giải pháp phát triển công nghiệp an ninh phục vụ công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Giải pháp xây dựng lực lượng dự phòng và dự trữ Quốc gia ngành An ninh đáp ứng yêu cầu công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Giải pháp Phát triển khoa học công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và GNTT, tìm kiếm cứu nạn				
- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, di dời, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xây				

dụng bị ảnh hưởng của thiên tai tại Công an các đơn vị, địa phương				
- Tăng cường năng lực				

- Xin anh/chị Khác, xin cho biết thêm các giải pháp khác (nếu có)

.....

- Anh/chị mô tả kỹ hơn các giải pháp mà anh/chị cho là quan trọng và đóng góp lớn nhất đến công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

II. Mẫu phiếu điều tra: Cán bộ chiến sỹ thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong Bộ Công an

MÃ PHIẾU	TÊN NGƯỜI PHỎNG VẤN	NGÀY PHỎNG VẤN
		/ / 2020

I. Thông tin cơ bản

1. Tên người được phỏng vấn:[] Nam [] Nữ

2. Đơn vị công tác:

.....

3. Chức vụ:

.....

4. Thời gian công tác (thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác PCTT&TKCN):.....

.....

II. Hiểu biết của anh/chị về BĐKH nói chung và diễn biến của BĐKH trên địa bàn anh/chị công tác

1. Nhận định về BĐKH của anh/chị

Quan điểm và nhận định	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không rõ	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
BĐKH và nóng lên toàn cầu là sự gia tăng liên tục của nhiệt độ trung bình trên bề mặt trái đất ở quy mô toàn cầu					
BĐKH là hậu quả của các hoạt động của con người, không phải hiện tượng tự nhiên.					
BĐKH đã và đang gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của con người trên mọi lĩnh vực, cả về môi trường và kinh tế - xã hội					
BĐKH gây tác động nhiều hơn cho người dân ở các nước đang phát triển so với các nước phát triển					
BĐKH gây ra ảnh hưởng tiêu cực cho thế hệ hiện tại và tương lai					
BĐKH làm cho thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra nhiều hơn, với cường độ mạnh hơn					

và phức tạp hơn					
-----------------	--	--	--	--	--

2. Nguồn thông tin mà anh chị nhận được về BĐKH

Truyền hình (tivi) và đài phát thanh (radio)

- Báo và tạp chí và Internet

- Bạn bè, gia đình và đồng nghiệp

- Trường học

- Các thông báo, phổ biến kiến thức từ các cơ quan nhà nước/chính quyền địa phương

- Các tổ chức, hội, đoàn xã hội (công đoàn, hội phụ nữ, đoàn thanh niên)

- Cộng đồng dân cư nơi sinh sống

- Khác, xin cho biết thêm:

3. Quan điểm của anh chị về thiệt hại do BĐKH đến cuộc sống của người dân

- Hư hại tài sản của gia đình và các công trình cơ sở hạ tầng

- Gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp, Giao thông vận tải, ...)

- Làm tăng chi phí của gia đình (vd, lắp đặt máy điều hòa, thiếu nước sinh hoạt, ...)

- Ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe gia đình và cộng đồng (các bệnh truyền nhiễm, thiệt mạng và bị thương do thiên tai, trầm cảm do lo lắng,...)

- Khác, xin cho biết thêm:

III. Thông tin về thiên tai và các tác động của thiên tai đến đời sống và hoạt động phát triển kinh tế - xã hội nơi anh/chị công tác

1. Trên địa bàn tỉnh Anh/chị quản lý thường hay xảy ra các dạng thiên tai nào?

Dạng thiên tai	Tần suất/ năm ²
Bão và Áp thấp nhiệt đới	
Ngập lụt	
Lũ quét	
Sạt lở đất	

2. Mức độ tác động của các dạng thiên tai trong thời gian gần đây?

Dạng thiên tai	Mức độ tác động
----------------	-----------------

² Có thể để các con số lẻ và nhỏ hơn 1: Ví dụ 2,5 cơn/năm, hoặc 0,67 cơn/năm

Bão và Áp thấp nhiệt đới	Không nghiêm trọng	Tương đối nghiêm trọng	Nghiêm trọng
Ngập lụt			
Lũ quét			
Sạt lở đất			

Nêu thiệt hại của các trận điển hình trong thời gian năm gần đây (nếu có):

.....

3, Tác động của BĐKH đến lực lượng CAND trong thời gian gần đây?

a) Ảnh hưởng đến công tác Công an

- Nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị và bảo vệ trật tự an toàn xã hội.
- Nguy cơ biểu tình, chống phá do các đối tượng xấu lợi dụng tình hình khó khăn do thiên tai và BĐKH gây ra
- Các hoạt động nghiệp vụ:
- Khác, xin cho biết thêm:
.....

b) Ảnh hưởng đến công tác, chiến đấu, cuộc sống, sinh hoạt của lực lượng CAND

- Ảnh hưởng đến trụ sở, doanh trại, các cơ sở của ngành Công an.
- Ảnh hưởng đến cuộc sống của CBCS (hạn hán, xâm thực mặn, cháy rừng, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất, gia tăng dịch bệnh, ảnh hưởng đến cuộc sống của CBCS);
- Ảnh hưởng đến sức khỏe của các lực lượng (CSTG, CSGT, CS PCCC, CSCĐ, CSBV,...) (bị thương và thiệt mạng trong lúc làm nhiệm vụ, các bệnh truyền nhiễm, ...);
- Công tác Hậu cần, Kỹ thuật của lực lượng Công an (nghiên cứu, sản xuất, cung ứng, vận chuyển, bảo quản vật tư, phương tiện, vũ khí, trang thiết bị phục vụ công tác và chiến đấu)
- Khác, xin cho biết thêm:
.....

IV. Thông tin về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn mà Anh/chị đảm nhiệm trong điều kiện BĐKH

1. Công việc cụ thể mà anh chị tham gia trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn?

- Trực ban để theo dõi nắm bắt thông tin, tình hình từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương cũng như công điện chỉ đạo của Trung ương (khi có các thông tin dự báo)
- Phát hành công điện chỉ đạo

- Chỉ đạo và giám sát công tác chuẩn bị dự phòng, bảo quản, bảo dưỡng vật tư, phương tiện, trang thiết bị, lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men phục vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả sau bão, lụt
- Tổng hợp nhu cầu, lập dự trù vật tư, phương tiện và Chỉ huy tại chỗ khi có thiên tai xảy ra
- Tổ chức phân luồng giao thông, Ổn định việc di dời, sơ tán dân và Bảo vệ an ninh an toàn về người và tài sản cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra
- Cứu nạn, cứu hộ đưa người đi cấp cứu
- Chỉ đạo, tham gia giúp nhân dân khắc phục hậu quả như sửa chữa nhà cửa cho nhân dân
- Tổng hợp nhu cầu về lương thực, nhu yếu phẩm và nước uống, thuốc men, hóa chất lọc nước phục vụ nhân dân

- Khác, xin cho biết thêm:

2. Theo anh/chị, công việc cụ thể mà anh/chị tham gia đóng góp thể nào trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH trên địa bàn anh/chị làm việc?

Nội dung đóng góp/công việc cụ thể	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Rất nhiều
- Trực ban để theo dõi nắm bắt thông tin, tình hình từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương cũng như công điện chỉ đạo của Trung ương (khi có các thông tin dự báo)			
- Phát hành công điện chỉ đạo			
- Chỉ đạo và giám sát công tác chuẩn bị dự phòng, bảo quản, bảo dưỡng vật tư, phương tiện, trang thiết bị, lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men phục vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả sau bão, lụt			
- Tổng hợp nhu cầu, lập dự trù vật tư, phương tiện và Chỉ huy tại chỗ khi có thiên tai xảy ra			
- Tổ chức phân luồng giao thông, Ổn định việc di dời, sơ tán dân và Bảo vệ an ninh an toàn về người và tài sản cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra			
- Cứu nạn, cứu hộ đưa người đi cấp cứu			
- Chỉ đạo, tham gia giúp nhân dân khắc phục hậu quả như sửa chữa nhà cửa cho nhân dân			
- Tổng hợp nhu cầu về lương thực, nhu yếu phẩm và nước uống, thuốc men, hóa chất lọc nước phục vụ nhân dân			

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn các hành động và đóng góp và mức độ mà anh/chị cho là quan trọng và có ý nghĩa nhất:

V. Nhận định về các khó khăn và thiếu hụt trong công tác bảo vệ ANTT, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong điều kiện BĐKH hiện nay?

1. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong Công tác Chuẩn bị ứng phó với thiên tai hiện nay?

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Rất nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN			

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

2. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong Phản ứng khi thiên tai xảy ra của lực lượng CAND hiện nay;

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Không nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Chế độ chính sách đãi ngộ			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN	-	-	-

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

3. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong công tác Khắc phục và phục hồi sau thiên tai?

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Không nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN	-	-	-

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

4. Theo anh/chị có những khó khăn và thiếu hụt nào trong công tác Phòng chống và giảm nhẹ các tác động;

Khó khăn và thiếu hụt	Mức độ		
	Không nhiều	Bình thường	Không nhiều
- Thể chế, cơ chế quản lý và thực hiện			
- Nguồn nhân lực thực hiện			
- Nguồn lực Tài chính			
- Phương tiện, trang thiết bị, và nguồn lực KHCN	-	-	-

- Khác, xin cho biết thêm:

- Mô tả kỹ hơn khó khăn và thách thức mà anh chị cho là quan trọng và gây ảnh hưởng nhất đến hiệu quả và ý nghĩa của công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

VI. Theo anh/chị các giải pháp nào có thể cải thiện những khó khăn, thiếu hụt và nâng cao vai trò và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH?

Các giải pháp	Công tác Chuẩn bị	Phản ứng khi thiên tai diễn ra	Khắc phục và phục hồi sau thiên tai	Phòng chống và giảm nhẹ các tác động
- Giải pháp cải thiện cơ chế điều hành thực hiện công tác UP&TKCN của ngành Công an				
- Giải pháp về nâng cao chất lượng và công nghệ của các phương tiện và cơ sở vật chất phục vụ công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Tăng nguồn vốn cho thực hiện công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, di dời, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng bị ảnh hưởng của thiên tai tại Công an các đơn vị, địa phương				
- Tăng cường năng lực thông qua các chương trình đào tạo về phòng chống thiên tai và BĐKH				
- Nâng cao hiệu quả và chất lượng các kế hoạch và hoạt động liên kết vùng trong thực hiện phòng chống thiên tai và TKCN				
- Xây dựng bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành về xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng				

- Xin anh/chị biết thêm các giải pháp khác (nếu có).....

.....

- Anh/chị mô tả kỹ hơn các giải pháp mà anh/chị cho là quan trọng và đóng góp lớn nhất đến công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

.....

.....

VII. Theo anh/chị các giải pháp nào có thể cải thiện những khó khăn, thiếu hụt và nâng cao vai trò và đóng góp của lực lượng CAND trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH?

Các giải pháp	Công tác Chuẩn bị	Phản ứng khi thiên tai diễn ra	Khắc phục và phục hồi sau thiên tai	Phòng chống và giảm nhẹ các tác động
- Giải pháp xây dựng hệ thống tổ chức và cơ chế điều hành thực hiện công tác UPT của ngành Công an				
- Giải pháp Quy hoạch đáp ứng các yêu cầu trước mắt và mục tiêu lâu dài				
- Giải pháp tuyên truyền, giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Giải pháp phát triển công nghiệp an ninh phục vụ công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Giải pháp xây dựng lực lượng dự phòng và dự trữ Quốc gia ngành an ninh đáp ứng yêu cầu công tác UPBĐKH, PCTT&TKCN				
- Giải pháp Phát triển khoa học công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và GNTT, tìm kiếm cứu nạn				
- Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, di dời, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xây dựng bị ảnh hưởng của thiên tai tại Công an các đơn vị, địa phương				
- Tăng cường năng lực				

- Xin anh/chị Khác Khác, xin cho biết thêm các giải pháp khác (nếu có).....

.....

- Anh/chị mô tả kỹ hơn các giải pháp mà anh/chị cho là quan trọng và đóng góp lớn nhất đến công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

.....